

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1818/2007/QĐ-UBND

*Tuy Hòa, ngày 25 tháng 9 năm 2007*

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy định quản lý cơ sở hạ tầng kỹ thuật đô thị  
tại các đô thị trên địa bàn tỉnh Phú Yên**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ: Luật Xây dựng, Luật Giao thông Đường bộ, Luật Đất đai, Luật Bảo vệ Môi trường, Luật Điện lực và các Nghị định, Thông tư hướng dẫn liên quan của nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 420/QĐ-UBND ngày 14 tháng 02 năm 2007 của UBND tỉnh “Về việc thành lập ban soạn thảo qui định về kết cấu hạ tầng kỹ thuật tại các đô thị trên địa bàn tỉnh”;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng (tại Tờ trình số: 78/TTr-SXD ngày 20 tháng 6 năm 2007) và các ý kiến góp ý của các sở, ban, ngành trong tỉnh,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định quản lý cơ sở hạ tầng kỹ thuật đô thị tại các đô thị trên địa bàn tỉnh Phú Yên”.

**Điều 2.** Giao cho Giám đốc Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Giao thông vận tải, Bưu chính Viễn thông, Công nghiệp, Văn hóa - Thông tin, Thương mại và Du lịch; Điện lực Phú Yên; UBND các huyện và thành phố Tuy Hòa theo dõi, hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện Quy định này.

**Điều 3.** Quyết định này thay thế các văn bản hướng dẫn quy định trước đây về quản lý các cơ sở hạ tầng kỹ thuật đô thị của tỉnh đã ban hành.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Các ông: Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở, ban, ngành trong toàn tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện và thành phố Tuy Hòa; Thủ trưởng các cơ quan, ban, ngành liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Phạm Ngọc Chi**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **QUY ĐỊNH**

### **Quản lý cơ sở hạ tầng kỹ thuật đô thị tại các đô thị trên địa bàn tỉnh Phú Yên**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1818/2007/QĐ-UBND  
ngày 25 tháng 9 năm 2007 của UBND tỉnh Phú Yên)*

## **Chương I**

### **NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Mục đích yêu cầu**

1. Thực hiện phân cấp, ủy quyền và quy định các nội dung trong công tác quản lý cơ sở hạ tầng kỹ thuật đô thị phù hợp với các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành và thực tế quản lý tại các đô thị trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

2. Tăng cường năng lực và vai trò quản lý nhà nước của chính quyền trong lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật đô thị.

3. Phân định trách nhiệm, tạo sự đồng bộ và nâng cao hiệu quả trong quá trình thực thi nhiệm vụ của các cơ quan quản lý và UBND cấp huyện, đồng thời nâng cao ý thức trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân và cộng đồng tham gia trong quá trình tổ chức thi công xây dựng, quản lý vận hành, khai thác, bảo trì và cung cấp các dịch vụ hạ tầng kỹ thuật đô thị tại các đô thị trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

4. Giải quyết mối quan hệ giữa đơn vị cung cấp dịch vụ và tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ hạ tầng kỹ thuật đô thị.

#### **Điều 2. Phạm vi và đối tượng áp dụng**

1. Quy định này nhằm thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật đô thị trong suốt quá trình tổ chức thi công xây dựng, quản lý vận hành, khai thác, bảo trì và cung cấp dịch vụ hạ tầng kỹ thuật đô thị tại các đô thị trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

2. Quy định này được áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân đang hoạt động tại các đô thị trên địa bàn tỉnh Phú Yên có liên quan đến việc thi công xây dựng, quản lý vận hành, khai thác và bảo trì các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị.

#### **Điều 3. Thống kê và giải thích thêm một số từ ngữ**

Trong Quy định này thống kê lại một số từ ngữ đã được sử dụng trong các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành và giải thích thêm một số từ ngữ thường dùng khác.

Các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Đô thị* là phạm vi ranh giới địa chính nội thành của thành phố Tuy Hòa và nội thị của các thị trấn trên địa bàn tỉnh.

2. *UBND cấp huyện* là UBND thành phố Tuy Hòa và UBND các huyện.

3. *Cơ quan quản lý xây dựng cấp huyện* là Phòng Quản lý đô thị đối với thành phố Tuy Hòa và Phòng Hạ tầng Kinh tế đối với các huyện.

4. *Cơ sở hạ tầng kỹ thuật đô thị* là hệ thống các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị thuộc dịch vụ công cộng phục vụ cho các hoạt động ở đô thị, bao gồm: vỉa hè, đường phố, cấp nước, thoát nước, chiếu sáng, viễn thông, công viên cây xanh, rác thải thông thường và nghĩa trang trong đô thị.

5. *Công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị* bao gồm: các công trình đường đô thị; đường ống cấp nước, thoát nước; công trình đường dây cấp điện, viễn thông; công trình công viên cây xanh, rác thải, nghĩa trang và các công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật được xây dựng ngầm.

6. *Quản lý cơ sở hạ tầng kỹ thuật* là quản lý quá trình thi công xây dựng, sử dụng, khai thác và vận hành các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị.

7. Các từ ngữ khác trong bản Quy định này được thống kê theo từng Chương và được thể hiện tại Phụ lục kèm theo Quy định này.

#### **Điều 4. Nguyên tắc và nội dung quản lý**

1. Quản lý cơ sở hạ tầng kỹ thuật phải tuân thủ các quy định của pháp luật về xây dựng, đất đai, giao thông đường bộ - đường thủy, bảo vệ môi trường, pháp lệnh bur chính viễn thông và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

2. Nội dung quản lý.

a) Cấp và thu hồi các loại giấy phép: đào đường; sử dụng tạm vỉa hè; đốn hạ, di dời cây xanh.

b) Tổ chức thi công xây dựng; lập và lưu trữ hồ sơ hoàn công công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị.

c) Bảo vệ hành lang an toàn và bảo trì công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị.

d) Vận hành, khai thác và cung cấp dịch vụ hạ tầng kỹ thuật đô thị.

e) Thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm.

#### **Điều 5. Yêu cầu về đầu nối công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị**

1. Việc đấu nối kỹ thuật của công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị phải bảo đảm các yêu cầu sau:

a) Vị trí đấu nối kỹ thuật phải phù hợp với quy hoạch xây dựng đô thị đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Trường hợp công trình chưa được xác định trong quy hoạch xây dựng thì phải có thỏa thuận bằng văn bản của Sở Xây dựng về các thông số quy hoạch xây dựng của điểm đấu nối (sau khi có ý kiến của UBND cấp huyện).

b) Phù hợp với nhu cầu sử dụng của từng công trình.

c) Đáp ứng yêu cầu đồng bộ với các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị.

d) Bảo đảm các yêu cầu kỹ thuật quy định đối với từng loại công trình.

2. Thỏa thuận đấu nối: khi thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị, chủ đầu tư xây dựng công trình phải có ý kiến thỏa thuận bằng văn bản với các đơn vị đang trực tiếp quản lý, vận hành, sử dụng hoặc chủ sở hữu công trình được đấu nối.

3. Thực hiện đấu nối: trước khi thi công đấu nối công trình, chủ đầu tư có trách nhiệm thông báo kế hoạch và tiến độ thi công đấu nối công trình đến cơ quan, đơn vị thỏa thuận đấu nối để giám sát và phối hợp thực hiện.

**Điều 6. Yêu cầu về khảo sát xây dựng công trình** (Nghị định số 41/2007/NĐ-CP)

1. Khảo sát xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị mới phải cung cấp đầy đủ các số liệu, tài liệu, thông số kỹ thuật về các công trình ngầm và trên mặt đất hiện có, các điều kiện địa chất công trình, địa chất thủy văn, khả năng tồn tại các loại khí độc hại của khu vực xây dựng để làm cơ sở xác định phạm vi, độ sâu công trình, lựa chọn công nghệ thi công thích hợp nhằm bảo đảm an toàn cho người, công trình và các công trình lân cận.

2. Công tác khảo sát phải làm rõ các bất thường về điều kiện địa chất công trình, địa chất thủy văn để có biện pháp xử lý thích hợp phục vụ công tác thiết kế thi công xây dựng công trình ngầm.

3. Trong quá trình thi công xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị, nếu nhà thầu thi công phát hiện các yếu tố bất thường so với tài liệu khảo sát ban đầu thì phải báo cáo chủ đầu tư điều chỉnh cho phù hợp theo quy định, đồng thời chủ đầu tư có thể tham khảo ý kiến của các nhà thầu Khảo sát - Thiết kế trước khi quyết định.

4. Khảo sát xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị phải bảo đảm vệ sinh môi trường và phải hoàn trả mặt bằng sau khi hoàn thành nhiệm vụ khảo sát theo quy định tại Mục 3, Chương 2 của Quy định này.

**Điều 7. Yêu cầu về thiết kế xây dựng công trình** (Nghị định số 41/2007/NĐ-CP)

1. Tuân thủ tiêu chuẩn, quy chuẩn xây dựng hiện hành.
2. Phù hợp với điều kiện địa chất công trình, địa chất thủy văn và những biến động của chúng có thể xảy ra.
3. Phải đồng bộ và kết nối phù hợp với quần thể kiến trúc của các công trình liền kề, trên mặt đất và hệ thống hạ tầng kỹ thuật chung của đô thị; bảo đảm an toàn, không làm ảnh hưởng đến các công trình xây dựng lân cận, bên trên; kết hợp với yêu cầu bảo đảm an ninh, quốc phòng khi cần thiết; đồng thời phải có giải pháp bảo tồn cây xanh, bảo vệ di tích lịch sử, văn hóa tại khu vực xây dựng (nếu có).
4. Đảm bảo các yêu cầu về chống thấm, chống ăn mòn và xâm thực.
5. Phải có quy trình vận hành sử dụng và quy định bảo trì công trình, nội dung nhiệm vụ của công tác quan trắc địa kỹ thuật; bảo đảm việc sử dụng thuận lợi cho người khuyết tật.
6. Nhà thầu thiết kế xây dựng công trình ngầm phải có các chỉ dẫn, tạo điều kiện thi công theo đúng bản vẽ thiết kế, đồng thời thực hiện công tác giám sát tác giả trong suốt quá trình thi công để xử lý các khác biệt giữa thực tế thi công và đồ án thiết kế.

**Điều 8. Yêu cầu về thi công xây dựng công trình** (Nghị định số 41/2007/NĐ-CP)

1. Trước khi thi công xây dựng công trình chủ đầu tư phải có Giấy phép xây dựng công trình hoặc hạng mục công trình theo quy định của pháp luật về cấp Giấy phép xây dựng công trình (Thông tư số 02/2007/TT-BXD).
2. Các nhà thầu xây dựng phải tiến hành thăm dò, xác định hiện trạng các công trình ngầm (Nghị định số 41/2007/NĐ-CP) hiện có trong khu vực xây dựng để có biện pháp xử lý phù hợp lập biện pháp tổ chức thi công xây dựng công trình.
3. Quá trình thi công xây dựng công trình phải bảo đảm an toàn, hạn chế ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của đô thị, các công trình lân cận và bên trên; có các biện pháp nhằm bảo đảm vệ sinh môi trường, đặc biệt là ô nhiễm nước ngầm và môi trường địa chất đô thị. Đối với những công việc thi công mà phải đào nền đường và vỉa hè thì chủ đầu tư dự án và nhà thầu phải có trách nhiệm hoàn trả nền đường, vỉa hè như hiện trạng ban đầu.
4. Thi công xây dựng công trình phải có kế hoạch khắc phục các sự cố có thể xảy ra trong quá trình thi công như: gập tầng đất yếu, tầng chứa nước, khí độc, cháy nổ, sạt lở, trôi đất, bực đất nhằm bảo đảm an toàn cho người, phương tiện thi công và cho công

trình. Đồng thời phải tuân thủ nghiêm ngặt quy trình, trình tự công việc và có chế độ thường xuyên kiểm tra điều kiện bảo đảm an toàn khi thi công, kiểm soát chặt chẽ người vào, ra công trình trong suốt quá trình thi công. Khi gặp các sự cố bất thường nhà thầu xây dựng phải có trách nhiệm thông báo cho chủ đầu tư và các bên liên quan để có biện pháp xử lý phù hợp.

5. Công trường xây dựng công trình ngầm phải có rào chắn, biển báo theo quy định đối với công trình xây dựng.

6. Công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị phải được kiểm tra và cấp Giấy chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng trước khi đưa vào khai thác sử dụng theo quy định của pháp luật về xây dựng.

7. Lực lượng tham gia thi công xây dựng công trình ngầm phải được huấn luyện kỹ thuật và được trang bị bảo hộ an toàn lao động phù hợp với điều kiện thi công của từng loại công trình.

#### **Điều 9. Yêu cầu về quan trắc địa kỹ thuật công trình**

1. Quan trắc địa kỹ thuật phải được thực hiện theo quy định trong suốt quá trình thi công và khai thác sử dụng công trình đặc biệt đối với Công trình ngầm.

2. Quan trắc địa kỹ thuật bao gồm các quan trắc trên bản thân công trình ngầm, môi trường địa chất, các công trình bên trên và liền kề.

3. Công tác quan trắc địa kỹ thuật thực hiện theo đúng phương án quan trắc đã được chủ đầu tư hoặc chủ quản lý sử dụng phê duyệt.

4. Khi quan trắc thấy có yếu tố bất thường thì phải thông báo cho chủ đầu tư hoặc chủ quản lý, sử dụng và cơ quan thiết kế biết để có các biện pháp xử lý kịp thời.

#### **Điều 10. Hỗ trợ, ưu đãi đầu tư xây dựng công trình**

1. Nhà nước khuyến khích các tổ chức và cá nhân tham gia đầu tư xây dựng, khai thác kinh doanh công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị theo các hình thức đầu tư thích hợp.

2. Các tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng công trình được quy định tại khoản 1 Điều này được hỗ trợ và tạo điều kiện ưu đãi như sau:

- a) Miễn hoặc giảm thuế sử dụng đất;
- b) Được hỗ trợ một phần kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng;
- c) Được sử dụng các nguồn tài chính ưu đãi;
- d) Được hỗ trợ đầu tư và ưu đãi đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư.

#### **Điều 11. Lưu trữ hồ sơ công trình (Nghị định số 41/2007/NĐ-CP)**

1. Các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị sau khi xây dựng xong phải được lưu trữ hồ sơ theo các quy định của pháp luật về lưu trữ.

2. Công tác nghiệm thu, bàn giao và lưu trữ hồ sơ hoàn công công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị thực hiện theo những quy định tại Chương X của bản Quy định này.

### **Điều 12. Các hành vi bị cấm (Nghị định số 41/2007/NĐ-CP)**

1. Xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị trong khu vực cấm xây dựng; xây dựng tại các vùng có nguy cơ cao về tai biến địa chất công trình ảnh hưởng đến độ an toàn của các công trình ngầm.

2. Xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị sai quy hoạch xây dựng hoặc sai thiết kế đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; xây dựng không xin Giấy phép hoặc sai Giấy phép xây dựng.

3. Vi phạm phạm vi bảo vệ công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị.

4. Tham gia hoạt động xây dựng mà không đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật về xây dựng.

5. Vi phạm các quy định về khai thác sử dụng, bảo trì công trình.

6. Các hành vi khác vi phạm các quy định của pháp luật về xây dựng.

## **Chương II QUẢN LÝ HỆ THỐNG ĐƯỜNG ĐÔ THỊ**

### **Mục 1 PHÂN LOẠI, ĐẶT TÊN VÀ PHẠM VI BẢO VỆ ĐƯỜNG ĐÔ THỊ**

#### **Điều 13. Phân loại đường đô thị**

1. Đường đô thị là hệ thống giao thông thuộc mạng lưới đường bộ *được xác định trong đồ án quy hoạch xây dựng đô thị* và để phục vụ cho công tác quản lý, đường đô thị được phân thành ba loại đường, gồm: đường phố; đường hẻm chính và đường hẻm phụ.

a) Đường phố là đường bộ trong đô thị gồm lòng đường và hè phố, có chức năng chính là giao thông liên hệ trong giới hạn của đô thị giữa các ô phố, khu nhà ở, khu dân dụng, khu trung tâm công cộng và các khu chức năng khác trong đô thị;

b) Đường hẻm chính là đường bộ trong đô thị, có chức năng chính là giao thông liên hệ trong giới hạn của ô phố, khu nhà ở và được kết nối giao thông trực tiếp với các đường phố;

c) Đường hẻm phụ là đường bộ trong đô thị, có chức năng chính là giao thông liên hệ trong giới hạn của ô phố, khu nhà ở và được kết nối giao thông với các đường hẻm chính.

2. Ngoài ra, để phục vụ cho công tác lập quy hoạch xây dựng đô thị, hệ thống đường đô thị được phân thành ba loại, gồm: đường cấp đô thị, đường cấp khu vực và đường cấp nội bộ (theo TCVN 4449-87).

#### **Điều 14. Thẩm quyền phân loại và quản lý đường đô thị**

1. Chủ tịch UBND tỉnh quyết định việc phân loại hệ thống đường đô thị thông qua đồ án quy hoạch chung xây dựng đô thị tại các đô thị trên địa bàn Tỉnh. Riêng đối với đường quốc lộ 1A đang tồn tại trong đô thị, việc điều chỉnh để trở thành đường đô thị (đường phố) do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định sau khi có ý kiến thỏa thuận bằng văn bản của Bộ trưởng Bộ Xây dựng và Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất quản lý nhà nước về hệ thống đường đô thị trên địa bàn tỉnh. Sở Xây dựng được giao nhiệm vụ tham mưu UBND tỉnh về việc quản lý nhà nước hệ thống đường đô thị, có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra, hướng dẫn và chỉ đạo cơ quan quản lý xây dựng cấp huyện về chuyên môn nghiệp vụ quản lý, bảo trì và khai thác đường đô thị.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện được UBND tỉnh giao nhiệm vụ trực tiếp quản lý, bảo trì và khai thác hệ thống đường đô thị.

4. Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn thuộc đô thị trực tiếp quản lý, bảo trì và khai thác hệ thống đường hẻm chính, đường hẻm phụ theo chỉ đạo của UBND cấp huyện và hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ của cơ quan quản lý xây dựng cấp huyện.

#### **Điều 15. Đặt tên, đổi tên đường đô thị**

1. Công tác đặt tên, đổi tên đường đô thị thực hiện theo Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ “Về việc ban hành Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng”; Thông tư số 36/2006/TT-BVHTT ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Văn hoá – Thông tin “Hướng dẫn thực hiện Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ” và Quyết định số 36/2005/QĐ-BGTVT ngày 21 tháng 7 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải “Quy định về việc đặt tên hoặc số hiệu đường bộ”.

2. Thẩm quyền quyết định đặt tên, đổi tên đường đô thị là Hội đồng nhân dân tỉnh và được thông qua bằng Nghị quyết tại kỳ họp thường kỳ hàng năm.

3. Sở Văn hóa - Thông tin là cơ quan thường trực của Hội đồng tư vấn về đặt tên, đổi tên đường tại các đô thị trên địa bàn tỉnh, có trách nhiệm tham mưu UBND tỉnh lập

đề án đặt tên, đổi tên đường phố để UBND tỉnh trình HĐND tỉnh tại kỳ họp thường kỳ hàng năm.

4. Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm tổ chức việc gắn biển tên đường phố trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Nghị quyết về việc đặt tên, đổi tên đường phố của HĐND tỉnh có hiệu lực. Biển tên đường phố được quy định như sau:

a) Kích thước: hình chữ nhật 75cm×40cm;

b) Màu sắc: nền biển màu xanh mực đậm; đường viền trắng rộng 0,5cm cách mép ngoài của biển từ 3cm đến 3,5cm, bốn góc đường viền uốn cong đều vào bên trong;

c) Chất liệu: sắt tráng men hoặc nhôm lá dập, sơn chất liệu phản quang;

d) Kiểu chữ viết trên biển: chữ in hoa không có chân, màu trắng;

đ) Nội dung viết trên biển, gồm: tên đường và lộ giới đường;

e) Biển tên đường được trình bày cả hai mặt bên trong và bên ngoài;

f) Vị trí gắn biển: biển được gắn ở đầu, ở cuối đường phố và ở điểm giao nhau với các đường phố khác. Hai biển được gắn so le với nhau trên đầu cột sắt hoặc trụ bê tông, đường kính tối thiểu 10cm, được chôn vững chắc, khoảng cách từ mặt đất đến đầu cột cao khoảng 250cm, vị trí cột ở gần mép góc vuông vỉa hè của hai đường phố giao nhau; hai biển tên hai đường, phố giao nhau gắn vuông góc với nhau trên một cột.

#### **Điều 16. Phạm vi bảo vệ và giới hạn hành lang an toàn đường đô thị**

1. Phạm vi bảo vệ đường đô thị, được quy định bao gồm: đất của đường đô thị, kể cả phần trên không, phần dưới mặt đất và phần dưới mặt nước của đường đô thị có liên quan đến an toàn công trình và an toàn giao thông đô thị.

2. Khi xác lập quy hoạch xây dựng các khu đô thị mới, cơ quan lập quy hoạch phải tuân thủ giới hạn hành lang an toàn đường đô thị được quy định tại Nghị định số 186/2004/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2004 của Chính phủ. Riêng đối với các khu đô thị cũ, hành lang an toàn đường đô thị được phép giảm 50% (Điều 4.7 Phần II Chương 4 của Quy chuẩn xây dựng Việt Nam) so với quy định.

#### **Điều 17. Xử lý chuyển tiếp các công trình vi phạm hành lang an toàn đường đô thị trước ngày quy định này có hiệu lực**

1. Các công trình, nhà ở đang vi phạm chỉ giới hành lang an toàn đường đô thị nhưng chưa ảnh hưởng đến an toàn giao thông, an toàn công trình đường đô thị thì được tạm thời tồn tại và phải giữ nguyên hiện trạng không được coi nới, mở rộng, đến khi nhà nước triển khai thực hiện quy hoạch hoặc chủ công trình, nhà ở có nhu cầu sửa chữa cải tạo thì phải tháo dỡ, xây dựng lại phù hợp với chỉ giới hành lang an toàn đường đô thị.

2. Trường hợp chủ sử dụng đất trong hành lang an toàn đường đô thị có ảnh hưởng đến an toàn giao thông, an toàn công trình đường đô thị thì đơn vị giải phóng mặt bằng thực hiện, trong đó Phòng Quản lý xây dựng cấp huyện là thành viên, tiến hành xác định mức độ ảnh hưởng, đề nghị UBND cấp huyện (đối với chủ sử dụng là cá nhân) hoặc UBND tỉnh (đối với chủ sử dụng là tổ chức) thu hồi đất và giải quyết bồi thường, hỗ trợ đối với đất và tài sản gắn liền trên đất đã có trước khi hành lang an toàn đường đô thị được công bố theo quy định của pháp luật về đất đai.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ vào đồ án quy hoạch xây dựng được duyệt có trách nhiệm công bố công khai chỉ giới hành lang an toàn của từng tuyến đường đô thị trên địa bàn.

## **Mục 2**

### **KHAI THÁC, SỬ DỤNG TẠM THỜI VĨA HÈ ĐƯỜNG ĐÔ THỊ**

#### **Điều 18. Mục đích sử dụng và khai thác vỉa hè**

1. Mục đích sử dụng chính của vỉa hè là dành cho người đi bộ. Ngoài ra, còn được sử dụng để trồng cây xanh và bố trí các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị nhằm đảm bảo tính đồng bộ, các công trình phục vụ yêu cầu đảm bảo an ninh quốc phòng và các thiết bị an toàn giao thông, hệ thống biển báo hiệu đường bộ, biển chỉ dẫn tên đường.

2. Được phép khai thác và sử dụng tạm thời một phần hành lang an toàn đường đô thị cho các mục đích khác ngoài mục đích sử dụng nêu tại khoản 1 điều này, gồm:

- a) Tập kết, trung chuyển vật liệu xây dựng;
- b) Các dịch vụ công cộng, quảng cáo, bùng điện thoại;
- c) Các dịch vụ buôn bán nhỏ;
- d) Trông giữ xe đạp, xe máy;
- đ) Điểm đỗ xe taxi, xe ô tô du lịch, trạm chờ xe buýt;
- e) Tổ chức các hoạt động văn hóa, xã hội, tuyên truyền.

3. Kích thước, khoảng cách, diện tích và thời gian được sử dụng tạm thời vỉa hè do Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định theo đề nghị của cơ quan quản lý xây dựng cấp huyện nhưng phải đảm bảo những yêu cầu quy định như sau:

- a) Phải phù hợp với đồ án quy hoạch xây dựng được duyệt;
- b) Đảm bảo bề rộng tối thiểu sử dụng dành cho người đi bộ (C);

Chiều rộng vỉa hè (B)	Chiều rộng tối thiểu dành cho người đi bộ (C)	Giới hạn sử dụng tạm thời vỉa hè (D)
--------------------------	--	---

$B \leq 3,0m$	$C = B$	$D = 0$
$3,0m < B \leq 4,5m$	$C = 1,5m$	$1,5m \leq D < 3,0m$
$4,5m > B \leq 6,0 m$	$C = 2,0m$	$2,5m \leq D < 4,0m$
$B > 6m$	$C = 3,0m$	$D > 3,0m$

c) Nghiêm cấm mọi trường hợp lấn chiếm sử dụng phần dành cho người đi bộ (C), trường hợp cần thiết phải có ý kiến chấp thuận của Chủ tịch UBND cấp huyện;

d) Phạm vi, ranh giới sử dụng để bố trí để xe mô tô, xe máy, xe đạp và các xe tương tự phải được kẻ vạch sơn trắng liền nét để tổ chức thực hiện và quản lý;

e) Người tàn tật sử dụng xe lăn không có động cơ được đi trên hè phố và nơi có vạch kẻ dành cho người đi bộ. Trường hợp đường hiện trạng chưa có hè phố, lề đường thì người đi bộ phải đi sát mép đường bên tay phải.

### **Điều 19. Thủ tục cấp Giấy phép sử dụng tạm thời vỉa hè đường đô thị**

1. Sử dụng vào mục đích nêu tại *điểm a khoản 2 Điều 18 của Quy định này*; hồ sơ gồm có:

a) Đơn đề nghị cấp Giấy phép tạm;

b) Sơ đồ vị trí phải thể hiện đầy đủ các kích thước, hiện trạng của vỉa hè đề nghị cấp Giấy phép tạm;

c) Giấy phép xây dựng công trình, nhà ở do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp đang còn trong thời hạn có hiệu lực;

d) Hợp đồng dịch vụ thu dọn vệ sinh mặt bằng vỉa hè.

2. Sử dụng vào mục đích nêu tại *điểm b khoản 2 Điều 18 của Quy định này*; hồ sơ gồm có:

a) Đơn đề nghị cấp Giấy phép tạm;

b) Sơ đồ vị trí phải thể hiện đầy đủ các kích thước, hiện trạng của vỉa hè đề nghị cấp Giấy phép tạm;

c) Bản vẽ thiết kế kiểu dáng lắp đặt. Trường hợp lắp đặt các loại hình quảng cáo phải được Sở Văn hóa - Thông tin chấp thuận về nội dung quảng cáo.

3. Sử dụng vào mục đích nêu tại *điểm c, d khoản 2 Điều 18 của Quy định này*; hồ sơ gồm có:

a) Đơn đề nghị cấp Giấy phép tạm;

b) Sơ đồ vị trí phải thể hiện đầy đủ các kích thước, hiện trạng của vỉa hè đề nghị cấp Giấy phép tạm.

4. Sử dụng vào mục đích nêu tại *điểm d khoản 2 Điều 18 của Quy định này*; hồ sơ gồm có:

a) Đơn đề nghị cấp Giấy phép tạm;

b) Sơ đồ vị trí phải thể hiện đầy đủ các kích thước, hiện trạng của vỉa hè đề nghị cấp Giấy phép tạm. Trường hợp cần gia cố vỉa hè phải có giải pháp gia cố vỉa hè;

c) Bản vẽ thiết kế kiểu dáng lắp đặt.

5. Sử dụng vào mục đích nêu tại *điểm e khoản 2 Điều 18 của Quy định này*; hồ sơ gồm có:

a) Văn bản của tổ chức đề nghị cấp Giấy phép sử dụng tạm thời một phần hoặc toàn bộ hàng lang an toàn đường đô thị;

b) Sơ đồ vị trí phải thể hiện đầy đủ các kích thước, hiện trạng của vỉa hè xin cấp Giấy phép tạm. Trường hợp cần gia cố vỉa hè phải có giải pháp gia cố vỉa hè;

c) Văn bản của UBND cấp huyện cho phép tổ chức hoạt động văn hóa, xã hội, tuyên truyền.

#### **Điều 20. Phí sử dụng vỉa hè**

Tổ chức, cá nhân có nhu cầu sử dụng tạm thời vỉa hè đường đô thị bắt buộc phải có thủ tục đề nghị cấp Giấy phép tạm tại UBND cấp huyện và phải có nghĩa vụ đóng một khoản phí sử dụng vỉa hè theo quy định.

Thẩm quyền quyết định phê duyệt phí sử dụng vỉa hè là Hội đồng nhân dân tỉnh.

Sở Tài chính có trách nhiệm hướng dẫn UBND cấp huyện lập và trình phương án phí sử dụng vỉa hè.

#### **Điều 21. Thẩm quyền và trách nhiệm của cơ quan cấp Giấy phép sử dụng tạm thời vỉa hè đường đô thị**

1. Thẩm quyền cấp các loại Giấy phép tạm nêu tại *tại Điều 19* là Chủ tịch UBND cấp huyện theo đề nghị của cơ quan quản lý xây dựng cấp huyện. Căn cứ vào thực tiễn quản lý đô thị ở địa phương, Chủ tịch UBND cấp huyện có thể ủy quyền cho Phòng Quản lý xây dựng cấp huyện thụ lý và giải quyết hồ sơ cấp Giấy phép tạm.

2. Cơ quan cấp Giấy phép tạm có trách nhiệm: tổ chức tiếp nhận hồ sơ, giao giấy biên nhận hồ sơ, hẹn ngày trả Giấy phép tạm (thời gian thụ lý và cấp Giấy phép tạm thực hiện theo quy trình của Đề án cải cách thủ tục hành chính của đơn vị đã được phê duyệt). Trường hợp không giải quyết được phải nêu rõ lý do và trả lời bằng văn bản cho người có nhu cầu cấp Giấy phép tạm.

**CÔNG TÁC ĐÀO VÀ TÁI LẬP MẶT ĐƯỜNG****Điều 22. Đối tượng đào đường**

1. Đào đường để lắp đặt các công trình ngầm.
2. Đào đường để lắp đặt các công trình trên mặt đường, kể cả các việc trồng cây xanh, dựng biển báo và các công việc tạm thời như thăm dò, khảo sát địa chất.
3. Đào đường để xử lý sự cố đột xuất về kỹ thuật của các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị.
4. Đào đường để thi công duy tu bảo dưỡng, sửa chữa đường của đơn vị quản lý đường bộ.
5. Đào đường để thi công sửa chữa, cải tạo, nâng cấp đường theo các dự án đầu tư đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật hiện hành.
6. Đào đường để lắp đặt đồng hồ đo điện, nước cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu và thực hiện theo hợp đồng cung cấp dịch vụ.

**Điều 23. Thủ tục cấp Giấy phép đào đường**

1. Thẩm quyền cấp Giấy phép đào đường là UBND cấp huyện; Phòng Quản lý xây dựng cấp huyện là cơ quan thụ lý và thẩm tra hồ sơ cấp Giấy phép đào đường.
2. Tất cả các tổ chức, cá nhân có nhu cầu đào đường đều phải lập thủ tục đề nghị cấp Giấy phép đào đường. Riêng các công việc quy định tại các khoản 3, 4, 5 và 6 Điều 22 nêu trên không phải lập hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép đào đường, nhưng phải thông báo bằng văn bản về địa điểm, vị trí, quy mô và thời gian đào đường đến Phòng Quản lý xây dựng cấp huyện và UBND xã, phường, thị trấn nơi tiến hành đào đường để biết và kiểm tra theo dõi việc đào đường và tái lập mặt đường.
  3. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép đào đường:
    - Đơn đề nghị cấp Giấy phép đào đường để lắp đặt công trình;
    - Các bản vẽ thiết kế, thể hiện mặt bằng, vị trí đào, kích thước đào, kết cấu tái lập;
    - Các văn bản thống nhất về phương án thi công; biện pháp và tiến độ thi công giữa chủ đầu tư và đơn vị thi công;
    - Đối với những tuyến đường thuộc đô thị nhưng do Trung ương (quốc lộ) hoặc tỉnh (tỉnh lộ) quản lý phải có ý kiến thống nhất bằng văn bản của cơ quan trực tiếp quản lý tuyến đường đó.
  4. Thời hạn cấp Giấy phép đào đường tối đa không quá 07 ngày làm việc kể từ khi cơ quan thụ lý việc cấp Giấy phép đào đường nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

5. Giấy phép đào đường được cấp liên tục theo tiến độ của dự án và nhất thiết phải phân đoạn tiến độ để đảm bảo thời hạn cho mỗi lần cấp giấy phép đào đường không quá 21 ngày. Khi cấp Giấy phép, đơn vị cấp Giấy phép phải kiểm tra việc thực hiện theo Giấy phép trước đó (nếu có), nếu đơn vị xin Giấy phép đào đường để vi phạm và bị xử lý ở đoạn trước thì kiên quyết không cấp Giấy phép tiếp cho đoạn sau. Thời gian thi công được gia hạn theo Giấy phép không được vượt quá 1/4 thời gian đã ghi trong Giấy phép.

6. Đối với các dự án đầu tư xây dựng có liên quan đến công tác đào đường, trong quá trình lập dự án, đơn vị tư vấn nhất thiết phải tiến hành khảo sát tất cả các vị trí công trình ngầm hiện hữu trên tuyến. Công tác khảo sát công trình ngầm phải được thực hiện bằng thiết bị dò tìm để có thể xác định vị trí chính xác.

#### **Điều 24. Quy định về việc cấm và hạn chế việc đào đường**

1. Cấm đào đường vào thời gian từ 5 giờ đến 22 giờ trên các tuyến đường chính, tập trung đông người. Trừ trường hợp đặc biệt nhằm khắc phục sự cố hư hỏng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị phải đào đường. UBND cấp huyện công bố công khai danh mục các tuyến đường chính này theo đồ án quy hoạch xây dựng đô thị đã được cấp thẩm quyền phê duyệt và thực tiễn quản lý về an toàn giao thông, mỹ quan đô thị tại địa phương. Riêng trường hợp đào đường để đấu nối ống nhánh và đồng hồ nước cho khách hàng vào ống nước đang khai thác nằm dưới lòng đường cách bó vỉa hè  $\leq 0,5m$  thì cho phép được đào đường vào ban ngày.

2. Hạn chế đào đường trên đường đã thi công và hoàn chỉnh, các tuyến đường đã được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng mặc dù đang còn trong thời hạn bảo hành công trình.

3. Đối với trường hợp thi công đào đường bằng máy khoan ngang (robot) sẽ được xem xét cụ thể từng trường hợp để cho phép thi công vào ban ngày (nhằm tránh tiếng ồn vào ban đêm) và đào đường trên các tuyến đường đã thi công xong phần mặt đường.

#### **Điều 25. Đảm bảo tiến độ khi thi công đào và tái lập mặt đường**

1. Các tổ chức, cá nhân được cấp Giấy phép đào đường phải thi công đúng thời gian được cấp Giấy phép. Chỉ được xin điều chỉnh Giấy phép đào đường (gia hạn, bổ sung khối lượng) trong trường hợp do các nguyên nhân sau: thiên tai, bão lụt, do vướng mặt bằng chưa giải tỏa xong, các sự cố cần xử lý kỹ thuật (khi đào đường vướng phải công trình ngầm khác) và phải lập lại tiến độ các công việc còn lại để xin điều chỉnh Giấy phép đào đường. Trong khi chờ xin điều chỉnh Giấy phép đào đường, đơn vị thi công phải tái lập tạm để đảm bảo giao thông, đảm bảo an toàn cho công trình đang thi công dở dang và các công trình lân cận. Trường hợp không có lý do chính đáng thì

không được điều chỉnh Giấy phép đào đường để không làm ảnh hưởng đến kế hoạch chung của các ngành, các đơn vị khác.

2. Khi đào đường, các đơn vị thi công phải thực hiện đúng kích thước, kết cấu mặt đường tái lập được ghi trong Giấy phép. Nếu có sự thay đổi mở rộng rãnh đào hơn 1/2 bề rộng qua mỗi bên hoặc vượt quá 30% diện tích đào so với thiết kế thì phải làm thủ tục điều chỉnh lại Giấy phép. Đối với các thay đổi nhỏ hơn, cho phép đơn vị đào đường được tự giải quyết trong quá trình thi công nhưng phải báo cáo bằng văn bản đến cơ quan quản lý xây dựng cấp huyện trong vòng 03 ngày sau khi thực hiện.

### **Điều 26. Cơ chế phối hợp trong việc cấp Giấy phép đào đường**

1. Phòng Quản lý xây dựng cấp huyện là cơ quan đầu mối tiếp nhận các kế hoạch và nhu cầu đào đường của các tổ chức.

2. Trong quý I hàng năm, các tổ chức, cá nhân có nhu cầu đào đường phải gửi đăng ký về nhu cầu đào đường đến cơ quan quản lý xây dựng cấp huyện (trong đăng ký nêu rõ yêu cầu về vị trí đào, kỹ thuật đối với rãnh đào). Trên cơ sở đã đăng ký, Phòng Quản lý xây dựng cấp huyện tổng hợp và lập kế hoạch phối hợp cụ thể việc đào đường để báo cáo UBND cấp huyện phê duyệt, chỉ đạo và thông báo cho các tổ chức, cá nhân đã đăng ký và UBND xã, phường, thị trấn biết để cùng phối hợp theo dõi kiểm tra và tổ chức quản lý.

### **Điều 27. Các yêu cầu khi thực hiện công tác đào đường**

1. Trong suốt quá trình thi công công trình, chủ đầu tư và đơn vị thi công chịu hoàn toàn trách nhiệm về quản lý, xử lý sự cố trên đường trong phạm vi công trình.

2. Đối với đường có kết cấu mặt đường là thấm nhựa, bê tông nhựa, bê tông xi măng, đơn vị thi công phải sử dụng thiết bị cắt mặt đường để thực hiện công tác cắt mép lằn phui và trong quá trình thi công tuyệt đối tránh gây sụp lở chung quanh vách lằn phui. Trong quá trình thi công nếu phát hiện có hiện tượng rạn nứt vách đào, phải ngừng thi công ngay và tìm biện pháp xử lý thích hợp, bảo đảm chống sụp lở rãnh đào.

3. Phải đào đường bằng thủ công các trường hợp sau:

- Lấn phui đào nằm trong hành lang bảo vệ các công trình ngầm khác;
- Lòng đường rộng dưới 6m;
- Lòng đường rộng trên 6m nhưng thuộc tuyến đường thường tập trung đông người vào những giờ cao điểm;
- Lấn phui đào có chiều rộng < 40cm.

4. Trong quá trình đào và tái lập mặt đường, do ảnh hưởng của việc thi công làm cho mặt đường kề cận rãnh đào bị rạn nứt, biến dạng thì chủ đầu tư và đơn vị thi công

phải sửa chữa lại toàn bộ phần đường bị biến dạng này ngay sau khi phát hiện hư hỏng để trả lại hiện trạng như mặt đường cũ khi chưa đào.

### **Điều 28. Biện pháp đảm bảo an toàn giao thông và vệ sinh môi trường**

1. Dọc theo tuyến công trường đang thi công phải lắp dựng rào chắn để cách ly giữa phần đường xe chạy và phạm vi công trường. Tại những công trình thi công dở dang, để chướng ngại vật trên đường phải được rào chắn cẩn thận và lắp dựng biển báo, đèn báo hiệu (vào ban đêm) hoặc cờ báo hiệu (vào ban ngày). Phải bố trí người thường xuyên hướng dẫn giao thông. Tuyệt đối không được để xảy ra tai nạn và ùn tắc giao thông trong phạm vi công trường. Tại hai đầu đường dẫn vào công trường, phải lắp dựng biển ghi tên đơn vị thi công trên rào chắn. Biển tên có kích thước là 50cm x 25cm và phải được đặt ở vị trí theo hướng dễ nhìn thấy.

2. Tại những đường hẹp phải vừa làm, vừa cho người và phương tiện tham gia giao thông phải bố trí người hướng dẫn, điều khiển giao thông để đảm bảo giao thông an toàn và thông suốt. Trường hợp không thể vừa thi công, vừa đảm bảo giao thông thì nhất thiết phải xây dựng tuyến tránh để đảm bảo giao thông và an toàn cho thi công.

3. Trong thời gian thi công hoặc ngừng thi công, không được tập kết vật tư, thiết bị, máy móc, xe máy chuyên dùng tại công trường (nếu chưa cần đến) để đảm bảo thông thoáng đường phố và mỹ quan đô thị. Nghiêm cấm việc tập kết vật tư, thiết bị, vật liệu xây dựng tại những đoạn chưa thi công và không để vật liệu rời như cát, đá, xi măng, gạch... rơi vãi trên mặt đường gây nguy hiểm hoặc cản trở giao thông. Phải dự trữ vật liệu đủ sử dụng theo tiến độ thi công, thi công đến đâu thì tập kết vật tư đến đó; trường hợp vật liệu không dùng hết thì phải vận chuyển đi nơi khác để trả lại sự thông thoáng cho đường.

4. Những công nhân tham gia thi công trên đường, nhất thiết phải mặc quần áo bảo hộ lao động. Ban đêm áo bảo hộ lao động phải có phản quang.

5. Khi đào rãnh băng ngang đường, do đường hẹp hoặc ở giao lộ bắt buộc phải thực hiện vào ban đêm. Trường hợp trong đêm rãnh đào chưa lắp đặt phần kỹ thuật chuyên ngành xong thì rãnh đào phải được tái lập tạm mặt đường, bằng cách lấp đầy cát để bù cao độ và 20cm đá (2x4) phía trên cùng của rãnh đào sao cho bằng cao độ mặt đường hiện hữu để các phương tiện giao thông lưu thông an toàn. Khi rãnh đào đã tái lập xong phần đá (2x4) trong đêm (kể cả việc tái lập tạm nêu trên), kể từ 5 giờ sáng hôm sau đơn vị thi công phải cử người có mặt tại rãnh đào để giải quyết sự cố: lún sụp, bong bật (nếu có), quét dọn đá văng ra khỏi rãnh đào khi các phương tiện lưu thông qua rãnh đào, thường xuyên tưới nước rãnh đào để giảm bớt bụi, cho đến khi hoàn tất phần tái lập nhựa (hoặc cấp phối) mặt rãnh đào. Đối với trường hợp cấp bách phải đào đường để sửa chữa sự cố kỹ thuật về điện, nước, điện thoại, cống thoát nước,... thì cho phép thực hiện ngay

trên tất cả các tuyến đường (kể cả các đường cấm thi công đào đường ban ngày) nhưng phải tổ chức việc phân luồng và bố trí người hướng dẫn giao thông. Riêng đối với các công trình đặt đường ống cấp nước, thoát nước, cáp điện hạ thế ngầm cho các hộ dân, việc đào đường để đặt ống nhánh vào nhà dân, thông ống cấp nước và các công trình lắp đặt cống thoát nước sinh hoạt, cáp điện hạ thế ngầm cho các hộ dân có đào trên vỉa hè thì được phép thi công vào ban ngày nhưng phải thi công gọn gàng. Đất đá đào lên phải thu dọn ngay không được để lại trên công trường và phải tái lập hoàn chỉnh rãnh đào ngay trong ngày.

6. Tất cả khối lượng đất đào lên phải được chuyển ngay lên phương tiện vận tải để vận chuyển ra khỏi công trường, không để đất đào dọc theo rãnh đào, đồng thời thu dọn sạch sẽ lòng lề đường trong phạm vi công trường để đảm bảo an toàn giao thông và vệ sinh môi trường. Các phương tiện vận tải phải được rửa sạch các bánh xe và phương tiện trước khi ra khỏi công trường. Trường hợp để vật tư trôi làm tắc nghẽn hệ thống thoát nước, đơn vị đào đường phải tổ chức nạo vét trả lại nguyên trạng ban đầu và thông báo trước cho đơn vị quản lý hệ thống thoát nước biết để kiểm tra, theo dõi; nếu không tự thực hiện được thì phải thuê đơn vị quản lý hệ thống thoát nước nạo vét.

7. Các đơn vị thi công công trình ngầm không được trộn vữa (hồ) và bê tông xi măng trong phạm vi mặt đường. Chỉ được thực hiện trên vỉa hè, lề đường nhưng phải có tấm lót hoặc thùng trộn, tuyệt đối không được trộn trực tiếp trên mặt vỉa hè, lề đường. Sau khi hoàn tất công trường phải tiến hành vệ sinh, tẩy rửa mặt đường, lề đường và vỉa hè. Nghiêm cấm để các loại vật liệu lỏng như nhựa đường, bê tông,... chảy hoặc văng ra mặt đường gây mất an toàn giao thông và ô nhiễm môi trường. Cấm đốt, nấu nhựa trực tiếp trên mặt đường, lề đường và vỉa hè trong đô thị.

### **Chương III** **QUẢN LÝ HỆ THỐNG CẤP NƯỚC**

#### **Mục 1** **CUNG CẤP NƯỚC**

##### **Điều 29. Trách nhiệm của đơn vị cấp nước**

1. Cung cấp nước sạch phù hợp với tiêu chuẩn về chất lượng do nhà nước quy định, đảm bảo liên tục đủ áp lực tối thiểu là  $0,5 \text{ kg/cm}^2$  (cột nước cao 5 mét), trừ trường hợp bị sự cố kỹ thuật phải đóng van cô lập đường ống, hoặc nhà máy ngưng bơm để sửa chữa, khắc phục sự cố.

Đơn vị cấp nước phải tổ chức lực lượng giám sát, thường xuyên theo dõi, ghi nhận thông tin tình hình chất lượng, áp lực nước trên toàn hệ thống cấp nước thuộc đơn

vi quản lý để kịp thời phát hiện sự cố và tổ chức lực lượng xử lý, bảo đảm yêu cầu sử dụng nước của khách hàng.

2. Quản lý khai thác, nâng cấp cải tạo sửa chữa và duy tu bảo dưỡng toàn bộ mạng lưới cấp nước.

3. Chủ động phối hợp với UBND các cấp và các cơ quan chức năng để bảo vệ sự an toàn tuyệt đối cho các công trình cấp nước kể cả các khu vực và hành lang an toàn công trình cấp nước do đơn vị quản lý; có biện pháp phát hiện và sửa chữa kịp thời các sự cố trên hệ thống cấp nước. Định kỳ hằng năm trước Tết âm lịch 10 ngày phải có báo cáo cho Sở Xây dựng và UBND tỉnh biết về phương án cấp nước phục vụ Tết.

### **Điều 30. Trách nhiệm của khách hàng**

1. Sử dụng nước tiết kiệm, đúng mục đích đã thỏa thuận trong hợp đồng cung cấp và sử dụng nước.

2. Bảo quản đồng hồ đo nước, đảm bảo điều kiện để đồng hồ hoạt động bình thường; theo dõi tình trạng hoạt động của đồng hồ nước, tình hình nước cung cấp và sử dụng nước (về chất lượng, áp lực, lượng nước tiêu thụ), kịp thời thông báo cho đơn vị cấp nước khi phát hiện các trường hợp bất thường xảy ra để yêu cầu xử lý, giải quyết.

3. Bảo vệ các công trình cấp nước, hành lang và khu vực an toàn công trình cấp nước (khu vực giếng khai thác, công trình thu nước và trạm bơm nước, khu xử lý, hệ thống đường ống chuyên tải và phân phối, các trụ chữa cháy, các hồ bảo vệ van xả khí, xả cặn,...); chấp hành chủ trương, chính sách di dời, giải phóng mặt bằng để xây dựng, phát triển công trình cấp nước.

4. Thanh toán kịp thời và đầy đủ các chi phí cung cấp nước theo hóa đơn tiền nước của đơn vị cấp nước.

### **Điều 31. Giá nước**

1. Giá nước sinh hoạt do UBND tỉnh quyết định căn cứ vào đối tượng sử dụng và được điều chỉnh theo từng thời kỳ.

2. Giá nước bán cho các đối tượng ngoài phạm vi quy định về giá nước của UBND tỉnh do đơn vị cấp nước và khách hàng thuộc các đối tượng này thỏa thuận nhưng không vượt khung giá của nhà nước quy định.

### **Điều 32. Lắp đặt đồng hồ đo nước**

Đơn vị cấp nước thực hiện việc lắp đặt đồng hồ đo nước theo yêu cầu của khách hàng đối với các địa điểm lắp đặt đồng hồ nước thuộc phạm vi đã có mạng lưới cấp nước và không có tranh chấp về quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng về địa điểm lắp đặt đồng hồ nước theo cam kết của khách hàng.

**Điều 33. Hồ sơ và thời hạn lắp đặt đồng hồ nước**

1. Hồ sơ:

a) Phiếu yêu cầu lắp đặt đồng hồ nước (do đơn vị cấp nước cung cấp).

b) Một trong những giấy tờ liên quan đến địa điểm yêu cầu lắp đặt đồng hồ nước (bản sao), như: Hộ khẩu thường trú; Giấy phép xây dựng; Giấy cấp biển số nhà của cơ quan thẩm quyền; Giấy xác nhận tạm trú của Công an xã, phường, thị trấn; Quyết định giao đất, thuê đất của cấp thẩm quyền cho chủ đầu tư.

2. Thời gian giải quyết hồ sơ lắp đặt đồng hồ nước không quá 07 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ yêu cầu của khách hàng (không tính thời gian xin phép đào đường hoặc trường hợp có trở ngại trong thi công do khách quan).

Tại nơi tiếp nhận hồ sơ yêu cầu lắp đặt đồng hồ nước, đơn vị cấp nước phải niêm yết công khai các quy định về hồ sơ lắp đặt đồng hồ nước, quy trình tiếp nhận, giải quyết hoặc gửi trả hồ sơ. Nếu hồ sơ tiếp nhận đủ điều kiện giải quyết lắp đặt đồng hồ nước thì đơn vị cấp nước phải viết biên nhận hồ sơ, ghi rõ ngày nhận và thời gian giải quyết hồ sơ. Nếu hồ sơ của khách hàng còn thiếu chi tiết, đơn vị cấp nước phải hướng dẫn tận tình, rõ ràng, đầy đủ những nội dung cần bổ sung để khách hàng hiểu và bổ sung trong một lần.

**Điều 34. Cấp nước qua bất động sản liền kề**

1. Trường hợp do vị trí tự nhiên của bất động sản mà việc cấp nước buộc phải qua một bất động sản khác, thì khách hàng phải thỏa thuận với chủ sở hữu hoặc chủ sử dụng bất động sản liền kề có liên quan để bố trí một lối cấp nước thích hợp. Trong trường hợp đó, đơn vị cấp nước khi thi công lắp đặt công trình cấp nước phải có biện pháp đảm bảo an toàn cho bất động sản liền kề, nếu để xảy ra thiệt hại thì đơn vị cấp nước phải bồi thường.

2. Đối với các công trình lắp đặt đường ống nước, đồng hồ nước được cơ quan có thẩm quyền xác định là công trình phục vụ lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng thì người có đất bị trưng dụng, thu hồi sẽ được chủ đầu tư bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

**Điều 35. Cung cấp nước cho các khu dân cư, khu đô thị mới, khu công nghiệp, thương mại, dịch vụ**

1. Đơn vị cấp nước có trách nhiệm xây dựng phương án lắp đặt hệ thống cấp nước để phát triển việc lắp đặt đồng hồ nước phục vụ nhu cầu cấp nước của khu dân cư, khu đô thị mới, các khu công nghiệp, thương mại, dịch vụ và thông báo để khách hàng có nhu cầu sử dụng nước biết.

2. Tại các khu vực cần phát triển hệ thống cấp nước nhưng đơn vị cấp nước chưa đủ điều kiện phát triển thì khuyến khích các đơn vị cấp nước khác tham gia đầu tư, phát triển dịch vụ cấp nước theo quy định về đầu tư xây dựng hiện hành.

### **Điều 36. Cung cấp nước phòng cháy chữa cháy**

1. Trụ nước chữa cháy được sơn màu đỏ do đơn vị cấp nước lắp đặt trong phạm vi mạng lưới cấp nước theo đồ án quy hoạch hệ thống cấp nước và theo đề nghị của cơ quan Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy và chỉ được sử dụng vào mục đích chữa cháy.

2. Chi phí lắp đặt trụ nước chữa cháy, sử dụng nước phục vụ công tác phòng cháy chữa cháy và chi phí duy tu, bảo dưỡng trụ nước chữa cháy do ngân sách tỉnh đầu tư.

3. Nghiêm cấm hành vi mở trụ nước chữa cháy lấy nước sử dụng vào mục đích khác; đục phá, di dời, nâng, hạ, thay đổi hoặc gây hư hại trụ nước chữa cháy.

### **Điều 37. Tạm ngưng cung cấp nước**

Đơn vị cấp nước được tạm ngưng cung cấp nước trong các trường hợp sau:

1. Do hỏa hoạn, thiên tai hoặc do hệ thống cấp nước bị sự cố, hư hỏng đột xuất.

2. Theo kế hoạch sửa chữa, cải tạo hệ thống cấp nước hàng năm, đơn vị cấp nước phải có trách nhiệm thông báo cho khách hàng trước 24 giờ trên các phương tiện thông tin đại chúng.

3. Do khách hàng vi phạm các quy định về sử dụng, thanh toán tiền nước sau khi đã có văn bản thông báo của đơn vị cấp nước.

4. Thực hiện quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

## **Mục 2 ĐỒNG HỒ NƯỚC**

### **Điều 38. Bảo quản đồng hồ nước**

1. Khách hàng có trách nhiệm bảo quản đồng hồ nước và chì niêm phong. Nghiêm cấm các hành vi tự ý đục phá, di dời, sửa chữa gây hư hại cho đồng hồ nước.

2. Khách hàng phải thông báo kịp thời cho đơn vị cấp nước biết khi đồng hồ nước bị mất, hư hỏng, hoặc chì niêm phong đồng hồ nước bị đứt.

3. Khách hàng thường xuyên theo dõi, so sánh chỉ số đang có trên đồng hồ nước với số tiêu thụ kỳ mới nhất được ghi trên Phiếu đọc số (do nhân viên đơn vị cấp nước ghi), đánh giá mức tiêu thụ trung bình của gia đình (căn hộ) theo tình hình thực tế tăng giảm dùng nước để đánh giá sự phù hợp của lượng nước tăng giảm trong kỳ mới nhất,

kip thời thông báo đến đơn vị cấp nước yêu cầu kiểm tra, xử lý, khi đánh giá, phát hiện lượng nước sử dụng trong kỳ tăng giảm không bình thường.

### **Điều 39. Thay đồng hồ nước**

1. Trường hợp đồng hồ nước bị mất hoặc hư hỏng do lỗi của khách hàng, đơn vị cấp nước sẽ thay đồng hồ nước khác, toàn bộ chi phí do khách hàng thanh toán theo bảng chiết tính của đơn vị cấp nước.

2. Trường hợp đồng hồ nước bị hư hỏng mà không phải do lỗi của khách hàng hoặc chi niêm phong bị đứt, khách hàng phải thông báo cho đơn vị cấp nước biết để tiến hành kiểm tra, bấm chì hoặc thay đồng hồ nước khác, toàn bộ chi phí do đơn vị cấp nước chịu trách nhiệm.

3. Đơn vị cấp nước phải thực hiện kiểm định đồng hồ theo quy định của pháp luật về đo lường chất lượng.

### **Điều 40. Kiểm tra đồng hồ nước**

1. Khách hàng có quyền yêu cầu đơn vị cấp nước kiểm tra đồng hồ nước khi có cơ sở nghi ngờ đồng hồ nước chạy không chính xác. Đồng hồ nước được xem là vẫn chạy chính xác nếu kết quả kiểm tra có sai số không vượt quá  $\pm 5\%$  so với lượng nước thực tế qua đồng hồ nước.

2. Sau khi nhận được đơn khiếu nại của khách hàng, trong vòng 03 ngày đơn vị cấp nước phải tổ chức kiểm tra và thông báo kết quả kiểm tra bằng văn bản trực tiếp cho khách hàng biết.

3. Trường hợp đồng hồ nước bị hư hỏng thì lượng nước sử dụng được tính theo phương pháp tính trung bình của hai kỳ hoá đơn liên tiếp, nhưng không được kéo dài quá hai kỳ hóa đơn liên tiếp.

4. Trường hợp đơn vị cấp nước không thể ghi chỉ số như: nhà khóa cửa, ổ khóa hộp bảo vệ đồng hồ nước bị hỏng không mở được, đồng hồ nước bị che lấp không đọc được chỉ số... thì lượng nước sử dụng sẽ được tính theo phương pháp tính trung bình nêu trên.

### **Điều 41. Hệ thống dẫn nước sau đồng hồ nước**

Việc thiết lập hệ thống dẫn nước sau đồng hồ nước do khách hàng thuê hoặc tự thiết kế, lắp đặt và phải đảm bảo những yêu cầu sau:

1. Không được lắp đặt máy bơm hút nước trực tiếp từ đường ống có nguồn nước do đơn vị cấp nước cung cấp (trường hợp nhà cao tầng, do không đủ áp thì bên khách hàng phải xây dựng bể chứa nước và chỉ được phép gắn máy bơm nước từ bể chứa nước để cung cấp cho các tầng).

2. Trường hợp nơi sử dụng nước có 02 nguồn nước trong cùng một bất động sản (nước do đơn vị cấp nước cung cấp và nước giếng đào, hoặc giếng khoan) tuyệt đối không được nối liền các nguồn nước với nhau.

3. Trường hợp có 02 hay nhiều đồng hồ nước sử dụng nguồn nước do đơn vị cấp nước cung cấp thì hệ thống ống nước của từng đồng hồ nước phải độc lập, không được nối liền nhau.

4. Không được lắp đặt, sử dụng hệ thống ống dẫn nước không đảm bảo tiêu chuẩn quy định.

### **Mục 3**

## **SỬ DỤNG VÀ THANH TOÁN TIỀN NƯỚC**

#### **Điều 42. Định mức nước sử dụng**

Định mức nước sử dụng được cấp cho đối tượng hộ gia đình theo quy định của UBND tỉnh trong từng thời kỳ. Lượng nước sử dụng vượt định mức được tính theo giá nước quy định của UBND tỉnh.

#### **Điều 43. Cách tính lượng nước sử dụng**

1. Đơn vị để tính lượng nước sử dụng là mét khối ( $m^3$ ). Việc ghi chỉ số đồng hồ nước được thực hiện mỗi tháng một lần. Chỉ số sử dụng nước được ghi vào phiếu ghi chỉ số nước sử dụng phát cho khách hàng.

2. Khách hàng phải tạo mọi điều kiện thuận lợi để nhân viên đơn vị cấp nước đọc và ghi chỉ số đồng hồ nước, kiểm tra đồng hồ nước và tình hình sử dụng nước theo yêu cầu của công tác quản lý.

3. Nếu hệ thống dẫn nước sau đồng hồ nước bị hư, hỏng, rò rỉ, thất thoát nước thì lượng nước thất thoát vẫn tính vào lượng nước sử dụng theo chỉ số đồng hồ nước.

#### **Điều 44. Sử dụng nước**

1. Khách hàng sử dụng nước phải tuân thủ theo các thỏa thuận đã cam kết trong hợp đồng cung cấp và sử dụng nước.

2. Trường hợp cần tạm ngưng sử dụng nước trong một thời gian, khách hàng có thể tạm khóa nước phía sau đồng hồ nước và có trách nhiệm thông báo ngay cho đơn vị cấp nước biết để khóa nước chính thức, niêm chì hoặc gỡ đồng hồ nước. Nếu khách hàng không thông báo cho đơn vị cấp nước, đơn vị cấp nước vẫn tính lượng nước sử dụng theo phương pháp trung bình. Nếu khách hàng không sử dụng nước trên 02 tháng nhưng không thông báo thì đơn vị cấp nước được quyền khóa nước.

#### **Điều 45. Thay đổi đối tượng sử dụng nước**

1. Khách hàng có nhu cầu thay đổi đối tượng sử dụng nước đã đăng ký thì phải đăng ký lại hoặc đăng ký bổ sung với đơn vị cấp nước để có cơ sở tính đúng giá nước theo quy định, phù hợp với việc sử dụng nước thực tế.

2. Trường hợp khách hàng thay đổi đối tượng sử dụng nước mà không đăng ký với đơn vị cấp nước thì tiền nước sử dụng sẽ được đơn vị cấp nước tính đúng giá theo đối tượng sử dụng thực tế và bị truy thu (nếu có) kể từ ngày thay đổi đối tượng sử dụng nước theo khối lượng nước bình quân sử dụng và giá nước tương ứng với đối tượng sử dụng theo quy định của từng thời điểm.

#### **Điều 46. Đổi tên trong hợp đồng cung cấp và sử dụng nước**

1. Trường hợp khách hàng chuyển giao bất động sản cho người khác như: chuyển đổi, chuyển nhượng, thừa kế, cho, tặng... thì phải chuyển giao cả quyền sử dụng đồng hồ nước. Khách hàng sử dụng nước tiếp theo phải đăng ký và ký lại hợp đồng cung cấp và sử dụng nước với đơn vị cấp nước.

2. Đơn vị cấp nước không giải quyết yêu cầu xin dời đồng hồ nước từ bất động sản mà khách hàng đã chuyển giao (hoặc dự định chuyển giao) sang một bất động sản hoặc một vị trí khác theo yêu cầu của khách hàng mà không có sự đồng ý của các bên có liên quan.

3. Khi bất động sản được chia cho các đồng thừa kế hoặc các đồng sở hữu theo quy định của pháp luật thì đơn vị cấp nước chỉ giải quyết yêu cầu dời đồng hồ nước sang phân bất động sản của khách hàng là người đứng tên trong hợp đồng cung cấp và sử dụng nước hoặc di dời đồng hồ nước sang vị trí đã được khách hàng đứng tên trong hợp đồng cung cấp và sử dụng nước đã được thỏa thuận với các bên có liên quan. Chi phí di dời do khách hàng thanh toán theo bảng chiết tính của đơn vị cấp nước.

4. Sau khi được lắp đặt một đồng hồ nước cho một bất động sản, nếu bất động sản đó được phân chia thành nhiều chủ sử dụng thì các chủ sở hữu này đều có quyền sử dụng chung một đồng hồ nước đã được lắp đặt cho đến khi các chủ sở hữu nói trên này được lắp đặt đồng hồ nước riêng.

#### **Điều 47. Thanh toán tiền sử dụng nước**

1. Khách hàng phải thanh toán đầy đủ tiền nước sử dụng khi nhận được giấy báo tiền nước; tiền nước có thể được thanh toán bằng một trong các hình thức thông dụng.

2. Trường hợp khách hàng chưa thể thanh toán tiền nước ngay khi nhận được giấy báo tiền nước thì khách hàng phải đến thanh toán tiền nước tại địa điểm do đơn vị cấp nước quy định trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được giấy báo. Sau thời hạn này khách hàng vẫn chưa thanh toán tiền nước thì đơn vị cấp nước sẽ gửi giấy báo tiền nước lần hai (lần cuối cùng). Thời hạn để thanh toán của giấy báo này là 07 ngày kể từ ngày

nhận. Quá thời hạn này nhưng khách hàng vẫn chưa thanh toán tiền nước, đơn vị cấp nước tạm ngưng cung cấp nước cho đến khi khách hàng thanh toán đầy đủ tiền nước theo giấy báo.

#### **Mục 4**

### **BẢO VỆ CÔNG TRÌNH CẤP NƯỚC, HÀNH LANG VÀ KHU VỰC AN TOÀN CÔNG TRÌNH CẤP NƯỚC**

#### **Điều 48. Khu vực bảo vệ an toàn đối với nguồn nước mặt**

1. Nguồn nước mặt là nguồn nước sông (nước thô), được bơm để cung cấp cho quá trình xử lý thành nước sạch, khu vực bảo vệ có phạm vi giới hạn theo quy định như sau:

a) Tính từ điểm lấy nước (bơm lấy nước) về phía thượng lưu không nhỏ hơn 200 mét, về phía hạ lưu không nhỏ hơn 100 mét.

b) Cách bờ sông phía có công trình thu tính từ mức nước cao nhất không nhỏ hơn 100 mét.

c) Cách bờ sông về phía đối diện với công trình thu không nhỏ hơn 50 mét tính từ mực nước cao nhất khi chiều rộng của sông nhỏ hơn 100 mét, và cách công trình thu không nhỏ hơn 100 mét khi chiều rộng của sông lớn hơn 100 mét.

2. Trong khu vực bảo vệ nguồn nước sông của trạm bơm nước thô, nghiêm cấm những hành vi sau đây:

a) Xây dựng bất cứ công trình nào trên bờ, trên mặt nước, dưới mặt nước (trừ các công trình phục vụ cho việc bơm nguồn nước mặt để cung cấp cho việc xử lý thành nước sạch);

b) Xả nước bẩn công nghiệp, sinh hoạt mặc dù đã qua quá trình xử lý hay xả mương thoát nước nông nghiệp chảy vào sông;

c) Neo đậu thuyền bè, xây dựng bến đò ngang, bến phà;

d) Sửa chữa, làm vệ sinh thiết bị, xe máy;

e) Người và gia súc tắm, giặt.

3. Đơn vị cấp nước quản lý khu vực bảo vệ nguồn nước sông của trạm bơm nước thô phải thực hiện các quy định sau đây:

a) Dựng biển thông báo phạm vi giới hạn khu vực bảo vệ an toàn nguồn nước sông theo quy định, đủ để mọi người nhận biết phạm vi và các yêu cầu bảo vệ;

b) Cấm các cột mốc giới hạn khu vực bảo vệ với khoảng cách đủ để xác định chính xác phạm vi bảo vệ an toàn nguồn nước;

c) Tổ chức giám sát, phối hợp với chính quyền địa phương phát hiện kịp thời để xử lý các trường hợp vi phạm các nội dung quy định tại khoản 2 Điều này.

#### **Điều 49. Khu vực bảo vệ an toàn đối với giếng nước ngầm**

1. Khu vực bảo vệ an toàn giếng nước ngầm là khoảng cách có bán kính được xác định theo TCXD VN 33/2006 và các quy định hiện hành.

2. Trong khu vực bảo vệ an toàn giếng nước ngầm, nghiêm cấm những hành vi sau:

a) Xây dựng bất cứ công trình nào trên bờ, trên mặt nước, dưới mặt nước (trừ các công trình phục vụ cho việc bảo vệ, khai thác giếng nước ngầm);

b) Đào hố nước, hố rác, hố phân, hố vôi,...;

c) Phóng uế, đổ phân rác, chăn nuôi súc vật, trồng rau, hoa màu, cây cỏ phân bón.

3. Đơn vị cấp nước quản lý khu vực sử dụng nguồn giếng nước ngầm phải thực hiện các quy định sau đây:

a) Dựng biển thông báo phạm vi giới hạn khu vực bảo vệ an toàn nguồn nước ngầm theo quy định đủ để mọi người nhận biết phạm vi và các yêu cầu bảo vệ;

b) Xây dựng tường rào bảo vệ xung quanh khu vực bảo vệ giếng nước ngầm;

c) Tổ chức giám sát, phối hợp với chính quyền địa phương phát hiện kịp thời để xử lý các trường hợp vi phạm các nội dung quy định tại khoản 2 Điều này.

#### **Điều 50. Khu vực bảo vệ an toàn đối với đường ống nước thô, đường ống truyền tải nước sạch và hành lang đường ống cấp nước**

1. Hành lang an toàn các đường ống nước thô, hành lang an toàn các đường ống truyền tải nước sạch được quy định cụ thể theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền đối với từng đường ống.

Trường hợp chưa có quyết định cụ thể của cơ quan có thẩm quyền thì hành lang an toàn của các đường ống nước thô và hành lang an toàn các đường ống truyền tải nước sạch được xác định theo Quy chuẩn xây dựng Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 682/BXD-CSXD, ngày 14 tháng 12 năm 1996, và TCXD-VN 33/2006 ban hành kèm theo Quyết định số 06/2006/QĐ-BXD, ngày 17 tháng 3 năm 2006 của Bộ Xây dựng.

2. Trong khu vực bảo vệ hành lang an toàn các đường ống nước thô và các đường ống truyền tải nước sạch, nghiêm cấm những hành vi sau đây:

- a) Xây dựng nhà ở, lều quán, rào chắn, vật kiến trúc, kho tàng, bến bãi, biển quảng cáo hay bất cứ công trình nào (kể cả xây dựng tạm thời);
- b) Xả rác, xả bùn hay đồ đất, đá, xà bần, vật liệu xây dựng; đào bới, lầy đất đá;
- c) Các loại xe, phương tiện cơ giới có tải trọng vượt quá tải trọng cho phép (theo biển báo giao thông) băng ngang, đỗ, dừng lại trong khu vực bảo vệ hành lang an toàn các đường ống, tuyến ống cấp nước.

Trường hợp tổ chức, cá nhân có nhu cầu đột xuất cho các phương tiện vận chuyển cơ giới, có tải trọng vượt quá tải trọng cho phép (theo biển báo giao thông) đi băng qua hành lang bảo vệ tuyến ống cấp nước thì tổ chức, cá nhân, phải lắp đặt cầu vượt tạm thời phù hợp với tải trọng cho phép của các phương tiện sử dụng và phải được đơn vị cấp nước quản lý tuyến ống chấp thuận trước khi cho các phương tiện vượt qua hành lang ống nước.

Trường hợp tổ chức, cá nhân có nhu cầu mở lối ra vào thường xuyên cho xe, phương tiện vận chuyển cơ giới, có tải trọng vượt quá tải trọng cho phép (theo biển báo giao thông) di chuyển băng ngang qua hành lang bảo vệ tuyến ống cấp nước thì tổ chức, cá nhân phải đầu tư xây dựng cầu vượt ngầm chịu tải trọng phù hợp (được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt thiết kế), làm cơ sở mở lối ra vào cho các phương tiện cơ giới.

3. Đơn vị cấp nước quản lý khu vực bảo vệ hành lang an toàn các đường ống cấp nước, tuyến ống nước phải thực hiện các quy định sau đây:

- a) Dựng biển báo hạn chế giao thông theo yêu cầu, thông báo khu vực bảo vệ hành lang an toàn tuyến ống theo quy định đủ để mọi người nhận biết hành lang tuyến ống và các yêu cầu bảo vệ.

- b) Cắm các cột mốc tim và biên dọc hành lang tuyến ống với khoảng cách đủ để xác định chính xác vị trí tuyến ống.

- c) Đối với các dự án đang thực hiện và sẽ đầu tư các tuyến ống cấp nước, đơn vị cấp nước (chủ đầu tư) phải bảo đảm điều kiện lắp đặt để các loại xe, phương tiện cơ giới có tải trọng phù hợp với tải trọng các tuyến đường giao thông hiện hữu và theo quy hoạch lưu thông băng ngang hành lang tuyến ống.

- d) Tổ chức giám sát, phối hợp với chính quyền địa phương, lực lượng Thanh tra xây dựng, Thanh tra giao thông, Cảnh sát giao thông, phát hiện kịp thời để xử lý các trường hợp vi phạm các nội dung quy định tại khoản 2 Điều này.

### **Điều 51. Đối với khu vực bảo vệ an toàn đài nước, bể chứa nước**

1. Khu vực bảo vệ an toàn đài nước, bể chứa nước là khoảng cách có bán kính được xác định theo Quy chuẩn xây dựng Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số

682/BXD-CSXD, ngày 14 tháng 12 năm 1996, Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam 33/2006 ban hành kèm theo Quyết định số 06/2006/QĐ-BXD, ngày 17 tháng 3 năm 2006 của Bộ Xây dựng và các quy định khác hiện hành.

2. Trong khu vực bảo vệ an toàn nghiêm cấm những hành vi sau đây:

a) Xây dựng nhà cửa, lều quán, hay bất cứ vật kiến trúc, công trình nào (trừ các công trình phục vụ cho hoạt động của đài nước, bể chứa nước);

b) Chăn nuôi, trồng trọt; xả rác, xả bẩn, phóng uế, đổ phân rác.

3. Đơn vị cấp nước quản lý đài nước, bể chứa nước phải thực hiện các nội dung sau đây đối với các đài nước, bể chứa nước, đã có khu vực bảo vệ an toàn cụ thể theo quyết định của cơ quan thẩm quyền:

a) Xây dựng tường rào bảo vệ chung quanh;

b) Dựng biển thông báo khu vực bảo vệ an toàn đài nước, bể chứa nước theo quy định để mọi người nhận biết khu vực an toàn đài nước, bể chứa nước và các yêu cầu bảo vệ.

4. Đối với các đài nước, bể chứa nước chưa có khu vực bảo vệ an toàn cụ thể theo quyết định của cơ quan thẩm quyền, đơn vị cấp nước quản lý đài nước, bể chứa nước phải thực hiện ngay các nội dung sau đây:

a) Thống kê danh mục các đài nước, bể chứa nước thuộc đơn vị cấp nước quản lý chưa có quyết định của cơ quan thẩm quyền, xác định khu vực bảo vệ an toàn đài nước, bể chứa nước; nghiên cứu đề xuất giải pháp lập khu vực tạm thời bảo vệ an toàn cho các đài nước, bể chứa nước, bảo đảm an toàn nguồn nước sạch, bảo đảm an toàn không để xảy ra sự cố có nguy cơ gây thảm họa đối với người, tài sản và môi trường chung quanh, trình UBND tỉnh và Sở Xây dựng xem xét chỉ đạo;

b) Phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường và chính quyền địa phương căn cứ các quy định hiện hành, hồ sơ lưu trữ, hiện trạng mặt bằng khu vực các đài nước, bể chứa nước trong danh mục thống kê nêu trên, lập hồ sơ đề xuất thiết lập khu vực bảo vệ an toàn các đài nước, bể chứa nước có liên quan, trình UBND tỉnh xem xét phê duyệt ban hành khu vực bảo vệ an toàn cho đài nước, bể chứa nước liên quan.

5. Tổ chức giám sát, phối hợp với chính quyền địa phương phát hiện kịp thời để xử lý các trường hợp vi phạm các nội dung quy định tại khoản 2 Điều này.

#### **Chương IV** **QUẢN LÝ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC**

## **Mục 1**

### **QUẢN LÝ VÀ VẬN HÀNH HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC**

#### **Điều 52. Quản lý hệ thống thoát nước mưa**

1. Quản lý hệ thống thoát nước mưa bao gồm quản lý các công trình từ cửa thu nước mưa, các tuyến cống dẫn nước mưa khu vực, các kênh mương thoát nước chính, các van ngăn triều ra nguồn tiếp nhận.

2. Các tuyến cống, mương, hồ ga phải được nạo vét, duy tu, bảo dưỡng định kỳ, đảm bảo dòng chảy theo thiết kế. Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng nắp hồ ga, cửa thu nước mưa. Định kỳ kiểm tra, đánh giá chất lượng các tuyến cống, các công trình thuộc mạng lưới để đề xuất phương án thay thế hoặc sửa chữa.

3. Đơn vị quản lý hệ thống thoát nước phải thiết lập quy trình quản lý hệ thống thoát nước mưa đảm bảo yêu cầu kỹ thuật quản lý vận hành.

4. Đề xuất các phương án phát triển mạng lưới theo lưu vực.

#### **Điều 53. Quản lý hệ thống thoát nước thải**

1. Quản lý hệ thống thoát nước thải bao gồm quản lý các điểm đầu nối, các tuyến cống thu gom, truyền dẫn đến trạm xử lý.

2. Định kỳ kiểm tra độ kín lắng cặn tại các điểm đầu nối, hồ ga và tuyến cống để lập kế hoạch nạo vét, sửa chữa, bảo dưỡng cống và công trình trên mạng lưới. Định kỳ kiểm tra, đánh giá chất lượng công trình để đề xuất các biện pháp thay thế, sửa chữa mạng lưới thoát nước và các công trình trên mạng.

3. Trong trường hợp mạng lưới thoát nước chung thì việc quản lý hệ thống thoát nước được thực hiện như quản lý hệ thống thoát nước thải.

4. Đơn vị thoát nước phải thiết lập quy trình quản lý hệ thống thoát nước thải đảm bảo yêu cầu kỹ thuật quản lý vận hành.

5. Đề xuất các phương án phát triển mạng lưới theo lưu vực.

#### **Điều 54. Quản lý hệ thống hồ điều hòa**

1. Hồ điều hòa trong hệ thống thoát nước có nhiệm vụ điều hòa nước mưa, nước thải, đồng thời tạo cảnh quan môi trường sinh thái kết hợp làm nơi vui chơi giải trí và các dịch vụ khác theo quy hoạch xây dựng đô thị được duyệt.

2. Nước thải sinh hoạt, sản xuất, kinh doanh, dịch vụ không được xả trực tiếp vào hồ điều hòa.

3. Đơn vị thoát nước chịu trách nhiệm chính về quản lý hồ điều hòa trên địa bàn. Các hệ thống hồ có chức năng điều hòa nằm trong khu công viên hoặc các khu chức

năng khác của đô thị do các cơ quan chủ quản chịu trách nhiệm quản lý phải phối hợp đồng bộ với đơn vị thoát nước để đảm bảo khả năng điều hòa của hệ thống thoát nước.

4. Đơn vị thoát nước có trách nhiệm xác định và duy trì mực nước ổn định của hồ điều hòa, đảm bảo tốt nhiệm vụ điều hòa nước mưa, nước thải và các yêu cầu khác.

5. Định kỳ nạo vét đáy hồ, vệ sinh lòng hồ và bờ hồ.

6. Lập quy trình quản lý hồ điều hòa đảm bảo yêu cầu kỹ thuật quản lý vận hành.

#### **Điều 55. Quản lý các công trình đầu mối**

1. Vận hành các trạm bơm, trạm xử lý, các điểm xả ra nguồn tiếp nhận phải tuân thủ các quy trình vận hành đã được duyệt.

2. Định kỳ kiểm tra, đánh giá chất lượng công trình đầu mối đảm bảo khả năng hoạt động liên tục của hệ thống, đề xuất các biện pháp thay thế, sửa chữa và kế hoạch phát triển.

#### **Điều 56. Quản lý công trình thoát nước**

1. Tất cả các công trình xây dựng thoát nước đều phải được lập, thẩm định, xét duyệt theo đúng quy định hiện hành của nhà nước. Trong quá trình thi công công trình, đơn vị thi công phải áp dụng các biện pháp bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; không để đất, cát, vật liệu xây dựng đổ xuống hệ thống thoát nước.

2. Công trình thoát nước đô thị trước khi đưa vào quản lý, khai thác, sử dụng phải được cơ quan quản lý thoát nước đô thị kiểm tra, xác nhận bằng văn bản công trình đảm bảo không có vật cản gây tắc dòng chảy và được tổ chức nghiệm thu theo quy định hiện hành.

3. Khi bàn giao toàn bộ công trình thoát nước cho đơn vị quản lý phải bàn giao đầy đủ hồ sơ hoàn công, những tài liệu về các vấn đề có liên quan đến công trình được bàn giao, tài liệu hướng dẫn vận hành, sử dụng, quản lý, chế độ duy tu bảo dưỡng công trình kèm theo đĩa mềm ghi nội dung hồ sơ hoàn công.

4. Việc bảo hành công trình thoát nước đô thị phải được thực hiện theo quy định về bảo hành công trình xây dựng.

#### **Điều 57. Nạo vét, khơi thông hệ thống thoát nước**

Khi tiến hành nạo vét, khơi thông hệ thống thoát nước đô thị phải đảm bảo các nguyên tắc sau:

1. Thực hiện các biện pháp cần thiết như đặt tín hiệu, biển báo... để đảm bảo trật tự, an toàn giao thông.

2. Chất thải nạo vét phải để vào thùng kín, không rò rỉ ra ngoài và vận chuyển đưa ra bãi thải trong ngày. Nghiêm cấm để chất thải qua đêm trên đường phố.

3. Vận chuyển chất thải bằng phương tiện chuyên dùng, không được để chất thải rơi vãi khi lưu thông trên đường giao thông công cộng.

4. Nạo vét đến đâu, phải tiến hành đập đan đến đó, không được để miệng cống, hố ga hở qua đêm.

5. Trước khi tiến hành nạo vét phải lập kế hoạch cụ thể về thời gian thi công, biện pháp thi công, biện pháp đảm bảo trật tự, an toàn giao thông và biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường gửi đến Phòng Quản lý xây dựng cấp huyện để kiểm tra và theo dõi.

### **Điều 58. Quy định về tiêu chuẩn xả nước thải**

1. Nước thải từ hệ thống thoát nước, từ các công trình đơn lẻ xả ra nguồn tiếp nhận phải đảm bảo các tiêu chuẩn cho phép.

2. Nước thải từ các công trình đơn lẻ xả vào hệ thống thoát nước phải đảm bảo giới hạn cho phép đối với các chất độc hại theo các tiêu chuẩn và không ảnh hưởng đến hoạt động của hệ thống thoát nước.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổ chức hướng dẫn thực hiện các tiêu chuẩn xả nước thải.

## **Mục 2 DỊCH VỤ THOÁT NƯỚC**

### **Điều 59. Quyền và nghĩa vụ của đơn vị thoát nước**

1. Đơn vị thoát nước có các quyền hạn sau:

a) Hoạt động kinh doanh theo các quy định, được thanh toán đúng và đủ phí dịch vụ quản lý vận hành hệ thống thoát nước theo hợp đồng đã ký kết;

b) Đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét, sửa đổi, bổ sung các quy phạm, tiêu chuẩn, định mức kinh tế kỹ thuật có liên quan đến hoạt động thoát nước phù hợp với thực tế tại mỗi đô thị;

c) Được bồi thường thiệt hại do các bên liên quan gây ra và các quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Đơn vị thoát nước có các nghĩa vụ sau:

a) Tuân thủ các quy trình quy phạm về vận hành hệ thống thoát nước;

b) Xử lý sự cố, khôi phục việc thoát nước;

c) Thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;

- d) Cung cấp thông tin thoả thuận đấu nối cho các đối tượng có nhu cầu;
- e) Bảo vệ an toàn hệ thống thoát nước theo quy định;
- g) Bồi thường khi gây thiệt hại cho bên sử dụng và các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

### **Điều 60. Quyền và nghĩa vụ của người sử dụng dịch vụ thoát nước**

1. Người sử dụng dịch vụ thoát nước có các quyền sau:

- a) Được cung cấp dịch vụ thoát nước theo quy định của pháp luật; yêu cầu đơn vị thoát nước kịp thời khắc phục khi có sự cố xảy ra; được cung cấp hoặc giới thiệu thông tin về hoạt động thoát nước; được bồi thường thiệt hại do đơn vị thoát nước gây ra;
- b) Khiếu nại, tố cáo các hành vi vi phạm pháp luật về thoát nước của đơn vị thoát nước hoặc các bên có liên quan và các quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Người sử dụng dịch vụ thoát nước có các nghĩa vụ sau:

- a) Thanh toán phí thoát nước đầy đủ, đúng thời hạn;
- b) Đấu nối và xả nước thải vào hệ thống thoát nước chung theo đúng các quy định tại hợp đồng dịch vụ thoát nước;
- c) Thông báo kịp thời cho đơn vị thoát nước khi thấy các hiện tượng bất thường có thể gây ra sự cố đối với hệ thống thoát nước;
- d) Bồi thường khi gây thiệt hại cho đơn vị thoát nước theo quy định của pháp luật;
- e) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

### **Điều 61. Điểm đấu nối**

1. Đơn vị thoát nước phải thiết lập các điểm đấu nối cho hệ thống thoát nước vào mạng lưới thu gom nước thải của hệ thống thoát nước và công bố công khai để mọi người được biết và phục vụ cho công tác kiểm tra, thụ lý hồ sơ cấp phép xây dựng của cơ quan quản lý xây dựng cấp huyện.

2. Vị trí điểm đấu nối phải phù hợp với quy hoạch xây dựng được duyệt và các yêu cầu kỹ thuật xây dựng.

3. Đơn vị thoát nước có trách nhiệm đầu tư xây dựng mạng lưới thu gom đến điểm đấu nối. Hệ thống thoát nước có trách nhiệm đầu tư đường ống thoát nước và công trình xử lý sơ bộ đến điểm đấu nối.

### **Điều 62. Hợp đồng dịch vụ thoát nước**

1. Hợp đồng dịch vụ thoát nước là văn bản pháp lý được ký kết giữa đơn vị thoát nước với hệ thống thoát nước, bao gồm các nội dung chính: chủ thể hợp đồng; điểm đấu nối;

khối lượng, chất lượng nước thải vào hệ thống; điều kiện chất lượng dịch vụ; quyền và nghĩa vụ các bên; phí thoát nước, phương thức thanh toán; điều kiện chấm dứt hợp đồng; xử lý vi phạm hợp đồng và các nội dung khác do hai bên thoả thuận.

2. Đơn vị thoát nước được phép ngừng cung cấp dịch vụ thoát nước, khi:

a) Hộ thoát nước không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng;

b) Hộ thoát nước tự ý thay đổi sửa chữa hệ thống hoặc chất lượng nước thải, điếm đầu nổi.

3. Một trong hai bên có quyền chấm dứt hợp đồng khi bên kia không thực hiện đúng các điều khoản của hợp đồng hoặc bên khách hàng không còn nhu cầu xả nước thải vào hệ thống.

4. Hợp đồng dịch vụ thoát nước được khôi phục hoặc ký lại sau khi các vướng mắc giữa hai bên đã được giải quyết.

### **Điều 63. Xác định khối lượng nước thải**

Khối lượng nước thải được xác định theo đồng hồ đo nước sử dụng nước sạch trong trường hợp hộ thoát nước sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung và lượng nước thải không khác biệt nhiều so với lượng nước sạch sử dụng do tính chất hoạt động của hộ thoát nước; theo đồng hồ đo nước thải trong trường hợp có lắp đặt đồng hồ và theo mức thoả thuận trong trường hợp không có đồng hồ.

### **Điều 64. Phí thoát nước**

1. Phí thoát nước được xác định khác nhau cho các loại nước thải khác nhau, gồm: nước thải sinh hoạt hộ gia đình; nước thải các cơ sở công nghiệp; nước thải các cơ sở kinh doanh, dịch vụ.

2. Phí thoát nước được xác định trên cơ sở duy trì đảm bảo dịch vụ cả thoát nước mặt và thoát nước thải.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với đơn vị thoát nước và các cơ quan liên quan lập và trình phương án phí thoát nước để UBND tỉnh trình thông qua HĐND tỉnh quyết định phê duyệt và ban hành phí thoát nước.

4. Phí thoát nước được thu thông qua hoá đơn thanh toán nước sạch đối với các hộ thoát nước sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung và thu trực tiếp theo hợp đồng đối với các hộ thoát nước không sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung.

5. Toàn bộ phí thoát nước được sử dụng cho mục đích chi trả cho hợp đồng quản lý, vận hành và chi trả cho dịch vụ thu phí thoát nước.

## **Chương V**

**QUẢN LÝ KHAI THÁC HỆ THỐNG ĐIỆN ĐÔ THỊ****Mục 1****QUYỀN, NGHĨA VỤ CỦA ĐIỆN LỰC PHÚ YÊN  
VÀ KHÁCH HÀNG SỬ DỤNG ĐIỆN****Điều 65. Quyền và nghĩa vụ của Điện lực Phú Yên**

1. Điện lực Phú Yên (đơn vị bán lẻ điện) có các quyền sau đây:

a) Hoạt động bán lẻ điện theo Giấy phép hoạt động điện lực;

b) Cạnh tranh mua, bán điện trên thị trường điện lực;

c) Định giá bán trên thị trường bán lẻ điện cạnh tranh trong khung giá điện thuộc biểu giá bán lẻ điện do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 62 của Luật Điện lực;

d) Sử dụng dịch vụ truyền tải điện, phân phối điện phù hợp với từng cấp độ của thị trường điện lực;

đ) Được vào khu vực quản lý của bên mua điện để kiểm tra, ghi chỉ số công tơ và liên hệ với khách hàng;

e) Được cung cấp các thông tin liên quan đến hoạt động bán lẻ điện;

g) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Đơn vị bán lẻ điện có các nghĩa vụ sau đây:

a) Bán điện theo đúng số lượng, chất lượng và giá điện đã được thoả thuận trong hợp đồng;

b) Tuân thủ các quy định về thị trường điện lực của Luật Điện Lực và các quy định khác của pháp luật có liên quan;

c) Niêm yết công khai tại trụ sở và nơi giao dịch biểu giá điện đã được duyệt; văn bản hướng dẫn thủ tục thực hiện cấp điện, đo đếm điện, ghi chỉ số công tơ, lập hoá đơn, thu tiền điện và kết thúc dịch vụ điện; nội dung giấy phép và tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng cho tổ chức, cá nhân được cấp Giấy phép hoạt động điện lực về bán lẻ điện; văn bản quy định về thời gian và chi phí cần thiết để cấp điện cho khách hàng mới đấu nối vào hệ thống điện; các quy định về ngừng hoặc giảm mức cung cấp điện theo quy định tại Điều 27 của Luật Điện lực;

d) Hướng dẫn về an toàn điện cho khách hàng sử dụng điện;

đ) Bồi thường khi gây thiệt hại cho bên mua hoặc bên bán điện theo quy định của pháp luật;

e) Cung cấp các thông tin cần thiết liên quan đến lượng điện bán lẻ theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

### **Điều 66. Quyền và nghĩa vụ của khách hàng sử dụng điện**

1. Khách hàng sử dụng điện có các quyền sau đây:

- a) Được lựa chọn bên bán điện trong thị trường bán lẻ điện cạnh tranh;
- b) Được cung cấp đủ số lượng công suất, điện năng, bảo đảm chất lượng điện đã được thoả thuận trong hợp đồng;
- c) Yêu cầu bên bán điện kịp thời khôi phục việc cấp điện sau khi mất điện;
- d) Được cung cấp hoặc giới thiệu thông tin liên quan đến việc mua bán điện và hướng dẫn về an toàn điện;
- đ) Được bồi thường thiệt hại do bên bán điện gây ra theo quy định của pháp luật;
- e) Yêu cầu bên bán điện kiểm tra chất lượng dịch vụ điện, tính chính xác của thiết bị đo đếm điện, số tiền điện phải thanh toán;
- g) Khiếu nại, tố cáo các hành vi vi phạm pháp luật về điện lực của bên bán điện;
- h) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Khách hàng sử dụng điện có các nghĩa vụ sau đây:

- a) Thanh toán tiền điện đầy đủ, đúng thời hạn và thực hiện các thoả thuận khác trong hợp đồng mua bán điện;
- b) Sử dụng điện an toàn, tiết kiệm và hiệu quả; thực hiện các quy định về quản lý nhu cầu sử dụng điện;
- c) Kịp thời cắt điện hoặc giảm mức tiêu thụ điện khi nhận được thông báo của bên bán điện trong các trường hợp quy định tại Điều 27 của Luật Điện lực;
- d) Thông báo cho bên bán điện biết trước 05 ngày khi có nhu cầu tạm ngừng sử dụng điện, trước 15 ngày khi có nhu cầu chấm dứt hợp đồng mua bán điện;
- đ) Thông báo kịp thời cho bên bán điện khi phát hiện những hiện tượng bất thường có thể gây mất điện, mất an toàn cho người và tài sản;
- e) Tạo điều kiện để bên bán điện kiểm tra, ghi chỉ số công tơ và liên hệ với khách hàng;
- g) Bảo đảm các trang thiết bị sử dụng điện đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật và yêu cầu về an toàn điện;
- h) Bồi thường khi gây thiệt hại cho bên bán điện theo quy định của pháp luật;

i) Chịu trách nhiệm đầu tư đường dây dẫn điện từ sau công tơ mua điện đến nơi sử dụng điện;

k) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

## **Mục 2** **THỦ TỤC, HỒ SƠ CẤP ĐIỆN**

### **Điều 67. Cơ quan tiếp nhận và giải quyết hồ sơ cấp điện**

1. Phòng Kinh doanh Điện lực Phú Yên là đầu mối tiếp nhận, trực tiếp quản lý kinh doanh bán điện và giải quyết hợp đồng của các khách hàng đăng ký sử dụng điện qua Trạm biến áp chuyên dùng tại các đô thị thuộc địa bàn tỉnh Phú Yên.

2. Chi nhánh Điện tiếp nhận và xử lý những yêu cầu của các khách hàng đăng ký sử dụng điện sau Trạm biến áp công cộng. Thực hiện tiếp nhận và xử lý các yêu cầu lắp đặt, di dời, thay thế đường dây, công tơ 1 pha, 3 pha, tụ bù của khách hàng thuộc địa bàn đơn vị trực tiếp quản lý kinh doanh bán điện.

### **Điều 68. Đối với khách hàng dùng điện sau trạm biến áp công cộng**

1. Thủ tục, hồ sơ đăng ký mua điện đối với hợp đồng dân sự.

1.1. Khách hàng đăng ký mua điện riêng cho từng gia đình, hồ sơ mua điện gồm có:

a) Giấy đăng ký mua điện;

b) Giấy xác nhận địa điểm dùng điện, gồm một trong các loại giấy tờ sau:

- Bản sao (có công chứng) các loại giấy tờ có liên quan đến địa điểm mua điện, như: Hộ khẩu thường trú tại địa điểm mua điện; Giấy chứng nhận tạm trú dài hạn; Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc hợp đồng thuê nhà;

- Giấy xác nhận của địa phương nơi tạm trú (đối với những khách hàng không có hộ khẩu thường trú tại nơi mua điện) và phải ghi vào hợp đồng: địa chỉ nơi tạm trú hoặc nơi làm việc, số chứng minh nhân dân của người ký hợp đồng mua bán điện;

c) Trường hợp khách hàng gửi hồ sơ qua Bưu điện thì các loại giấy tờ trên phải là bản sao có công chứng.

1.2. Khách hàng đăng ký mua điện có thêm các hộ phụ, hồ sơ mua điện gồm có:

a) Ngoài các hồ sơ, thủ tục yêu cầu như trên cần bổ sung thêm danh sách khách hàng đăng ký là các hộ phụ kèm theo các giấy tờ liên quan tới địa điểm dùng điện của từng hộ phụ;

b) Trường hợp khách hàng gửi hồ sơ qua bưu điện thì các loại giấy tờ trên phải là bản sao có công chứng.

1.3. Khách hàng đăng ký mua điện khu tập thể, cụm dân cư, hồ sơ mua điện gồm có:

- a) Giấy đăng ký mua điện;
- b) Giấy tờ liên quan đến địa điểm mua điện;
- c) Danh sách khách hàng mua điện;

d) Giấy uỷ quyền: khách hàng ký hợp đồng mua bán điện thay mặt cho khu tập thể, cụm dân cư phải có giấy uỷ quyền hợp pháp của các hộ sử dụng điện chung trong hợp đồng mua bán điện này và có xác nhận của cơ quan chức năng hoặc chính quyền địa phương.

1.4. Khách hàng đăng ký mua điện (tách hộ phụ thành hộ chính hoặc thêm hộ phụ vào hợp đồng mua bán điện), hồ sơ mua điện gồm có:

Ngoài các hồ sơ quy định như mục 1.1. khách hàng cần bổ sung các loại giấy tờ sau:

a) Hợp đồng mua điện của hộ chính (để xoá tên hộ phụ hoặc ghi thêm tên hộ phụ trong danh sách dùng chung công tơ điện);

b) Giấy xác nhận đã thanh toán hết tiền điện (hoặc giấy thoả thuận cho dùng chung hợp đồng mua bán điện) của người đứng ký hợp đồng mua bán điện.

Lưu ý: Ngoài mục đích sử dụng điện sinh hoạt, nếu khách hàng có nhu cầu sử dụng điện vào mục đích khác thì cần bổ sung: bảng thống kê thiết bị dùng điện cho mục đích đó.

2. Hồ sơ đăng ký mua điện đối với hợp đồng kinh tế mua bán điện.

2.1. Khách hàng đăng ký dùng điện cho các mục đích sản xuất, kinh doanh qua Trạm biến áp công cộng, hồ sơ mua điện gồm có:

a) Giấy đăng ký mua điện (khách hàng ghi đầy đủ các nội dung vào mẫu giấy đăng ký mua điện) có chữ ký và đóng dấu của thủ trưởng cơ quan hoặc xác nhận của cơ quan quản lý;

b) Trường hợp khách hàng mua điện là cá nhân có đăng ký kinh doanh hoặc dùng để nghiên cứu khoa học kỹ thuật, sản xuất kinh doanh (các ngành nghề pháp luật không cấm) thì khách hàng chỉ ký vào giấy đăng ký mua điện;

c) Bảng thống kê thiết bị dùng điện, hệ số đồng thời, thời gian sử dụng;

d) Một trong những bản sao (có công chứng) các loại giấy tờ có liên quan đến địa điểm mua điện, như: giấy chứng nhận quyền sở hữu chủ; hợp đồng thuê nhà, đất... có xác nhận của chính quyền địa phương hoặc cơ quan có thẩm quyền;

e) Một trong các bản sao (có công chứng) các loại giấy tờ có liên quan đến tư cách pháp nhân, bản sao (có công chứng), như: quyết định thành lập đơn vị; giấy phép đăng ký kinh doanh; giấy phép đăng ký sản xuất,...

## 2.2. Khách hàng đề nghị thay đổi công suất sử dụng điện:

2.2.1. Khách hàng đề nghị tăng công suất sử dụng điện với khả năng đơn vị quản lý bán điện vẫn cấp điện từ Trạm biến áp công cộng. Khách hàng phải liên hệ trực tiếp với đơn vị quản lý bán điện và phải bổ sung các loại giấy tờ sau:

- a) Giấy đề nghị thay đổi công suất phụ tải;
- b) Hợp đồng mua bán điện đã ký;
- c) Bản thống kê thiết bị sử dụng điện đang dùng và dự kiến sử dụng;
- d) Hoá đơn thanh toán tiền điện của tháng gần nhất.

2.2.2. Khách hàng đề nghị tăng công suất sử dụng vượt quá khả năng cấp điện từ Trạm biến áp công cộng:

Bộ phận tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn cho khách hàng các trình tự, thủ tục như trường hợp phát triển mới của khách hàng sử dụng điện chuyên dùng.

## 2.3. Khách hàng đăng ký mua điện ngắn hạn, hồ sơ mua điện gồm có:

- a) Giấy đăng ký mua điện;
- b) Văn bản pháp lý xác định tư cách pháp nhân, đại diện theo pháp luật của khách hàng và tính hợp pháp của đối tượng sử dụng điện tại địa điểm mua điện (giấy phép xây dựng, giấy phép tổ chức bán hàng tết,...);
- c) Bản thống kê thiết bị dùng điện;
- d) Nộp tiền đặt cọc sử dụng điện ngắn hạn.

## **Điều 69. Đối với khách hàng dùng điện sau trạm biến áp chuyên dùng**

### 1. Khách hàng đề nghị mua điện mới.

1.1. Khách hàng mua điện trong Khu công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp, hồ sơ thủ tục gồm có:

a) Giấy đăng ký mua điện: ghi rõ mục đích sử dụng điện và đặc điểm công nghệ sản xuất, đăng ký nhu cầu công suất và tiến độ sử dụng điện, có chữ ký của lãnh đạo và đóng dấu của cơ quan hoặc xác nhận của cơ quan quản lý. Nếu đầu nối công trình vào

lưới điện hiện có nhưng không thuộc tài sản của ngành điện thì phải có văn bản thỏa thuận đấu nối vào lưới điện hiện có đó của chủ đầu tư quản lý trực tiếp tài sản và hành lang dọc tuyến, từ vị trí đấu nối đến vị trí đặt trạm biến áp của khách hàng;

b) Quyết định thành lập doanh nghiệp hoặc giấy phép đầu tư, bản sao (có công chứng);

c) Hợp đồng thuê đất với Khu công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp, bản sao (có công chứng);

d) Bản thống kê công suất các thiết bị dùng điện, hệ số đồng thời, thời gian sử dụng; đồ thị phụ tải ngày điển hình (có xác nhận của đơn vị đăng ký mua điện);

e) Sơ đồ mặt bằng khu vực đề nghị cấp điện, trong đó xác định rõ vị trí lắp đặt Trạm biến áp.

1.2. Khách hàng mua điện cho khu dân cư tại các đô thị, hồ sơ mua điện gồm có:

a) Giấy đề nghị cấp điện của chủ đầu tư (hoặc văn bản tương tự);

b) Quyết định phê duyệt dự án khả thi khu dân cư, bản sao (có công chứng);

c) Sơ đồ mặt bằng phân lô khu dân cư đề nghị được cấp điện đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (trong đó xác định rõ vị trí lắp đặt Trạm biến áp);

d) Các văn bản, tài liệu liên quan khác.

2. Khách hàng đề nghị di dời, cải tạo, tăng công suất.

2.1. Đối với công trình điện là tài sản của khách hàng:

Khách hàng đề nghị cải tạo, tăng công suất hệ thống điện chuyên dùng thì phải có giấy tờ chứng minh quyền sở hữu sử dụng tài sản là hệ thống điện dự kiến cải tạo tăng công suất và một số giấy tờ kèm theo, như: quyết định thỏa thuận đấu nối; biên bản nghiệm thu công trình ở thời điểm đầu tư; hoá đơn tiền điện tháng trước liền kề,...

Khách hàng đề nghị di dời hệ thống điện chuyên dùng thì phải có giấy tờ chứng minh quyền sở hữu sử dụng tài sản là hệ thống điện dự kiến di dời và một số giấy tờ kèm theo, như: quyết định thỏa thuận đấu nối; biên bản nghiệm thu công trình ở thời điểm đầu tư; hoá đơn tiền điện tháng trước liền kề,...); đồng thời phải có xác nhận không nợ các khoản nợ liên quan đến quá trình sử dụng điện.

2.2. Đối với công trình là tài sản của ngành Điện:

Trường hợp tăng cường công suất sử dụng, khách hàng phải gửi tờ trình kèm theo các văn bản liên quan đến việc nâng công suất.

Trường hợp di dời công trình điện để phục vụ cho việc thay đổi kết cấu kiến trúc, khách hàng gửi tờ trình đề nghị, trong đó nêu rõ lý do, dự kiến phương án dịch chuyển và cam kết chịu trách nhiệm về mọi vấn đề có liên quan như chi phí, vị trí lắp đặt,...

2.3. Trình tự và các thủ tục tiến hành áp dụng tương tự như xây dựng mới.

### **Điều 70. Quy định về tiết kiệm điện**

Tất cả các tổ chức, cá nhân trên địa tỉnh phải thực hiện nghiêm Chi thị số 19/2005/CT-TTg, ngày 02 tháng 6 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện tiết kiệm trong sử dụng điện; Nghị định số 102/2003/NĐ-CP, ngày 03 tháng 9 năm 2003 của Chính phủ về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; Quyết định số 80/2006/QĐ-TTg, ngày 14 tháng 4 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình tiết kiệm điện giai đoạn 2006-2010.

Tất cả các cơ quan, đơn vị phải ban hành Quy chế sử dụng tiết kiệm điện trong phạm vi cơ quan, đơn vị của mình. Đơn vị quản lý hệ thống chiếu sáng công cộng tổ chức thực hiện việc cắt giảm số lượng đèn chiếu sáng tại khu vực công cộng, trừ biển báo, đèn hiệu chỉ dẫn an toàn giao thông; áp dụng thiết bị điều khiển tự động để giảm công suất chiếu sáng về đêm khi mật độ giao thông giảm; thay thế dần các loại đèn chiếu sáng hiện đang sử dụng bằng loại đèn tiết kiệm điện hơn.

Vận động các hộ gia đình hạn chế sử dụng các thiết bị tiêu thụ điện trong giờ cao điểm từ 18g00 đến 22g00; các nhà hàng, cơ sở dịch vụ thương mại hạn chế tối đa việc sử dụng đèn có công suất lớn để quảng cáo - trang trí; thay thế dần các loại đèn hiện đang sử dụng bằng loại đèn tiết kiệm điện năng hơn.

Các doanh nghiệp sử dụng điện không vượt quá công suất và biểu đồ phụ tải đã ký kết trong hợp đồng mua bán điện; tắt các thiết bị điện, đèn chiếu sáng khi không có nhu cầu sử dụng trong thời gian nghỉ giữa ca sản xuất; không để các thiết bị điện hoạt động ở chế độ không tải; huy động sử dụng thêm các nguồn điện dự phòng của đơn vị (nếu có) trong giờ cao điểm từ 18g00 đến 22g00 để hạn chế việc thiếu điện.

## **Mục 3 BẢO VỆ TRANG THIẾT BỊ ĐIỆN, CÔNG TRÌNH ĐIỆN LỰC VÀ AN TOÀN ĐIỆN**

### **Điều 71. Trách nhiệm bảo vệ trang thiết bị điện, công trình và an toàn điện**

1. Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ trang thiết bị điện, công trình điện lực và an toàn điện.

2. Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm thông báo kịp thời với đơn vị điện lực hoặc Phòng Quản lý xây dựng cấp huyện khi phát hiện các hiện tượng mất an toàn điện, các hành vi vi phạm quy định về bảo vệ trang thiết bị điện, công trình và an toàn điện.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm tổ chức và chỉ đạo thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ trang thiết bị điện, công trình điện lực và an toàn điện.

### **Điều 72. Trách nhiệm phối hợp thực hiện khi xây dựng, cải tạo công trình điện lực và các công trình khác**

1. Khi xây dựng, cải tạo và mở rộng công trình công cộng hoặc công trình khác có khả năng ảnh hưởng đến an toàn của trang thiết bị điện, công trình điện lực và an toàn điện, chủ đầu tư phải phối hợp với đơn vị điện lực để giải quyết.

2. Khi tu sửa, cải tạo, xây dựng và lắp đặt trang thiết bị điện và công trình điện lực có khả năng ảnh hưởng đến an toàn công trình công cộng hoặc công trình khác thì đơn vị điện lực phải phối hợp với tổ chức, cá nhân có liên quan để giải quyết.

3. Vị trí lắp đặt công tơ điện phải đáp ứng yêu cầu về an toàn, mỹ quan đô thị, phù hợp với quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị và thuận tiện cho việc kiểm tra chỉ số công tơ điện.

4. Trường hợp các bên liên quan không thoả thuận, giải quyết được thì yêu cầu Sở Công nghiệp, Sở Xây dựng và UBND cấp huyện phối hợp giải quyết.

### **Điều 73. An toàn trong sử dụng điện cho sản xuất**

1. Tổ chức, cá nhân sử dụng điện để sản xuất phải thực hiện các quy định về an toàn điện, quy phạm, tiêu chuẩn kỹ thuật an toàn điện phù hợp với tiêu chuẩn Việt Nam.

2. Các thiết bị, hệ thống thiết bị sử dụng điện, hệ thống chống sét, nối đất phải được kiểm tra nghiệm thu, kiểm tra định kỳ và kiểm tra bất thường theo quy phạm, tiêu chuẩn kỹ thuật an toàn điện. Sơ đồ của các hệ thống này phải đúng với thực tế và phải được lưu giữ cùng với các biên bản kiểm tra trong suốt quá trình hoạt động.

3. Trạm điện, trang thiết bị điện cao áp và đường dây cao áp nội bộ phải được lắp đặt và quản lý vận hành theo quy phạm, tiêu chuẩn kỹ thuật an toàn điện.

4. Các thiết bị điện phải phù hợp với “Tiêu chuẩn Việt Nam - Thiết bị điện hạ áp - Yêu cầu chung về bảo vệ chống điện giật” và “Tiêu chuẩn Việt Nam - Quy phạm nối đất và nối không các thiết bị điện” để chống tai nạn điện giật.

5. Các đường dẫn điện, dây điện phải được thiết kế, lắp đặt bảo đảm mặt bằng sản xuất thông thoáng, tránh được các tác động cơ học, hoá học có thể gây hư hỏng. Không dùng các kết cấu kim loại của nhà xưởng, máy móc, đường ống kim loại để làm dây

“trung tính làm việc”, trừ trường hợp đặc biệt phải có thiết kế riêng được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

6. Các thiết bị điện di động, máy hàn, điện phân, mạ điện phải phù hợp với quy phạm, tiêu chuẩn kỹ thuật về an toàn có liên quan.

#### **Điều 74. An toàn trong sử dụng điện cho sinh hoạt, dịch vụ**

1. Tổng công suất sử dụng của các trang thiết bị điện dùng trong văn phòng, phục vụ sinh hoạt và dịch vụ phải phù hợp với công suất thiết kế; dây dẫn điện phải có tiết diện và độ bền cách điện phù hợp với tiêu chuẩn kỹ thuật.

2. Không để trang thiết bị điện phát nhiệt gần đồ vật dễ cháy, nổ.

3. Các trang thiết bị điện phải được kiểm tra, bảo trì theo quy định, bảo đảm tiêu chuẩn an toàn về điện và không gây nguy hiểm cho người sử dụng.

4. Tổ chức, cá nhân sử dụng điện có trách nhiệm tổ chức kiểm tra an toàn hệ thống điện của mình, kịp thời phát hiện và ngăn ngừa nguy cơ gây sự cố, tai nạn về điện.

5. Lưới điện hạ áp chỉ được xây dựng sau khi thiết kế đã được duyệt.

6. Các nhánh đường dây dẫn điện vào nhà ở, công trình phải bảo đảm các điều kiện về an toàn điện, mỹ quan và không cản trở hoạt động của các phương tiện giao thông, cứu thương, chữa cháy.

7. Trong mạch điện ba pha bốn dây, áp-tô-mát, cầu dao, cầu chì và các thiết bị đóng cắt điện khác không được đấu vào dây trung tính.

8. Trong mạch điện một pha hai dây, cầu chì và công tắc phải đấu vào dây pha, không được đấu vào dây trung tính. Khuyến khích lắp đặt áp-tô-mát, cầu dao hai cực để đóng cắt đồng thời cả hai dây.

### **Mục 4**

#### **THẨM QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA KIỂM TRA VIÊN ĐIỆN LỰC**

**Điều 75. Thẩm quyền kiểm tra hoạt động cung cấp, sử dụng điện và giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán điện**

1. Thẩm quyền kiểm tra hoạt động cung cấp và sử dụng điện.

a) Kiểm tra viên điện lực của Sở Công nghiệp có quyền kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về hoạt động cung cấp và sử dụng điện.

b) Kiểm tra viên điện lực của Điện lực Phú Yên có quyền kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về sử dụng điện.

2. Sở Công nghiệp có trách nhiệm giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán điện khi hai bên ký kết hợp đồng không tự giải quyết được nhưng chưa cần đưa ra cơ quan tài phán và có thỏa thuận yêu cầu Sở Công nghiệp giải quyết khi có tranh chấp.

#### **Điều 76. Nhiệm vụ và quyền hạn của kiểm tra viên điện lực Sở Công nghiệp**

Kiểm tra viên điện lực Sở Công nghiệp thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn kiểm tra trong phạm vi quản lý của mình trên địa bàn tỉnh, bao gồm:

1. Kiểm tra việc thực hiện nghĩa vụ của đơn vị bán lẻ điện và khách hàng sử dụng điện theo quy định tại khoản 2 Điều 65 và khoản 2 Điều 66, Mục 1, Chương V của Quy định này.

2. Kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về an toàn điện.

3. Phát hiện và ngăn chặn các hành vi bị cấm theo quy định của pháp luật.

4. Kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ của kiểm tra viên điện lực của Điện lực Phú Yên; yêu cầu Điện lực Phú Yên ngừng hoặc giảm mức cung cấp điện cho bên mua điện; cắt điện hoặc giảm mức tiêu thụ điện trong trường hợp có nguy cơ đe dọa đến tính mạng con người và trang thiết bị theo quy định của pháp luật.

5. Yêu cầu tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp thông tin cần thiết, kịp thời phục vụ cho công tác kiểm tra, xử lý.

6. Lập biên bản kiểm tra, biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực điện lực khi tiến hành kiểm tra; phối hợp với cơ quan liên quan xác minh, lập biên bản, kiến nghị giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực hoạt động điện lực, sử dụng điện.

#### **Điều 77. Nhiệm vụ và quyền hạn của kiểm tra viên điện lực của Điện lực Phú Yên**

1. Kiểm tra việc thực hiện hợp đồng mua bán điện.

2. Kiểm tra việc sử dụng điện an toàn, tiết kiệm, hiệu quả.

3. Kiểm tra việc cắt điện, giảm mức tiêu thụ điện theo quy định của pháp luật.

4. Kiểm tra và ngăn chặn kịp thời các hành vi bị cấm trong hoạt động điện lực và sử dụng điện.

5. Yêu cầu bên sử dụng điện cắt điện hoặc giảm mức tiêu thụ điện trong trường hợp có nguy cơ đe dọa đến tính mạng con người và trang thiết bị.

6. Yêu cầu bên mua điện cung cấp thông tin cần thiết phục vụ cho công tác kiểm tra; lập biên bản kiểm tra, biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực điện lực khi tiến hành kiểm tra.

#### **Điều 78. Trách nhiệm của kiểm tra viên điện lực**

Kiểm tra viên điện lực chịu trách nhiệm trước pháp luật về các hành vi của mình trong khi thực hiện nhiệm vụ kiểm tra. Nếu kiểm tra viên điện lực có hành vi vi phạm thì tùy theo mức độ có thể bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật và thu hồi thẻ kiểm tra viên điện lực. Trường hợp gây thiệt hại phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

### **Điều 79. Nội dung và phương pháp kiểm tra sử dụng điện**

#### 1. Kiểm tra điện áp:

Điện áp được xác định trực tiếp hoặc gián tiếp bằng thiết bị đo điện áp do tổ chức có chức năng kiểm định kiểm tra.

#### 2. Kiểm tra công suất:

Công suất được xác định bằng cách đo trực tiếp các trị số công suất tức thời hoặc bằng cách đo gián tiếp qua các thiết bị đo khác. Các thiết bị dùng để đo phải được tổ chức có chức năng kiểm định kiểm tra.

Đối với công suất giờ cao điểm, đo ba lần trong thời gian tiến hành kiểm tra, sau đó lấy trị số công suất lớn nhất của một trong ba lần đo.

3. Kiểm tra hệ thống đo đếm điện năng, bao gồm: công tơ, máy biến điện áp đo lường, máy biến dòng điện đo lường, sơ đồ đấu dây, tính nguyên vẹn chì niêm phong của hệ thống đo đếm điện năng; biên bản treo tháo công tơ và thiết bị đo đếm điện năng và các tài liệu có liên quan khác.

#### 4. Kiểm tra việc thực hiện các quy định về an toàn điện.

5. Kiểm tra việc thực hiện các nghĩa vụ ghi trong hợp đồng mua bán điện và các nghĩa vụ khác được quy định trong Luật Điện lực.

### **Điều 80. Kiểm tra phát hiện có hành vi trộm cắp điện**

1. Trường hợp kiểm tra phát hiện có hành vi trộm cắp điện, kiểm tra viên phải lập biên bản với những nội dung chủ yếu sau:

a) Mô tả hành vi trộm cắp và các thông số liên quan tới việc tính toán xử lý vi phạm sử dụng điện;

b) Vẽ sơ đồ trộm cắp điện (câu móc, vô hiệu hóa thiết bị đo đếm điện năng);

c) Các chứng cứ khác như phương tiện trộm cắp, ảnh chụp, băng ghi hình (nếu có).

2. Trường hợp tạm giữ các phương tiện dùng để trộm cắp điện, bên kiểm tra phải thực hiện niêm phong các phương tiện đó (giấy niêm phong phải có chữ ký bên kiểm tra và bên được kiểm tra).

3. Kiểm tra viên điện lực có trách nhiệm thông báo cho bên bán điện để thực hiện ngừng cấp điện.

### **Điều 81. Kiểm tra hệ thống đo đếm điện năng**

Kiểm tra hệ thống đo đếm điện năng (công tơ, máy biến dòng điện đo lường, máy biến điện áp đo lường, niêm phong, sơ đồ đấu dây) được thực hiện theo quy định sau:

1. Trường hợp phát hiện có hành vi làm hư hỏng hoặc sai lệch hệ thống đo đếm điện, kiểm tra viên điện lực phải ghi rõ hiện trạng và kiến nghị trong biên bản kiểm tra.

2. Việc tháo gỡ thiết bị đo đếm điện năng để kiểm tra trong trường hợp hệ thống đo đếm điện năng bị hư hỏng hoặc có dấu hiệu không bình thường phải thực hiện các quy định sau:

a) Thông báo cho bên bán điện về việc tháo gỡ hệ thống đo đếm điện năng để bên bán điện biết và cử người thực hiện;

b) Biên bản kiểm tra phải mô tả chi tiết hiện trạng, biểu hiện không bình thường của hệ thống đo đếm điện năng và lý do tháo hệ thống đo đếm điện năng. Biên bản kiểm tra phải được giao cho đại diện của các bên có liên quan, trong đó ghi rõ thời gian, địa điểm để các bên cùng đến chứng kiến việc kiểm tra xác minh;

c) Phải giữ nguyên niêm phong của tổ chức kiểm định. Thiết bị đo đếm điện năng, niêm phong khác phải được thu giữ, bao gói và niêm phong (giấy niêm phong có chữ ký của kiểm tra viên điện lực và các bên mua, bán điện).

3. Các bên liên quan có trách nhiệm cùng chứng kiến việc kiểm tra xác minh thiết bị đo đếm điện của tổ chức kiểm định, nếu vắng mặt trong quá trình kiểm tra mà không có lý do chính đáng thì vẫn phải công nhận kết quả kiểm tra.

4. Cách xác định sản lượng điện năng trong trường hợp công tơ bị mất, hoạt động không chính xác hoặc ngừng hoạt động được thực hiện theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 105/2005/NĐ-CP, ngày 17 tháng 8 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Điện lực.

## **Chương VI QUẢN LÝ HỆ THỐNG VIỄN THÔNG**

### **Điều 82. Đối tượng áp dụng và phân cấp quản lý**

1. Chương này quy định thẩm quyền và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong hoạt động xây dựng khi thiết lập mạng và cung cấp dịch vụ: bưu chính, viễn

thông, công nghệ thông tin, điện tử, internet, truyền dẫn phát sóng, tần số vô tuyến điện tại các đô thị trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

2. Sở Bưu chính, Viễn thông là cơ quan quản lý nhà nước về bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin, điện tử, internet, truyền dẫn phát sóng, tần số vô tuyến điện chịu trách nhiệm thực hiện việc quản lý nhà nước về viễn thông; trách nhiệm quản lý về mặt kỹ thuật chuyên ngành viễn thông khi các chủ đầu tư xây dựng mạng ngoại vi tại các đô thị trên địa bàn tỉnh.

3. Sở Xây dựng phối hợp với Sở Bưu chính, Viễn thông tham mưu UBND tỉnh trong việc thực hiện quản lý về mặt kỹ thuật chuyên ngành khi các chủ đầu tư xây dựng mạng ngoại vi.

4. Ủy ban nhân dân cấp huyện phối hợp quản lý công tác cấp giấy phép; thỏa thuận vị trí, địa điểm xây dựng mạng ngoại vi theo quy định của pháp luật về cấp giấy phép xây dựng công trình.

### **Điều 83. Các hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động viễn thông**

1. Phá hoại các công trình bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin, điện tử, internet, truyền dẫn phát sóng, tần số vô tuyến điện hoặc cản trở hoạt động hợp pháp về truyền thông.

2. Đấu nối các mạng viễn thông của các chủ đầu tư với nhau khi chưa có sự đồng ý bằng văn bản của cơ quan chủ quản.

3. Cung cấp, sử dụng dịch vụ viễn thông hoặc sử dụng tần số vô tuyến điện, thiết bị bưu chính viễn thông nhằm mục đích chống phá nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, gây rối an ninh, trật tự, an toàn xã hội, vi phạm thuần phong mỹ tục của dân tộc, hoạt động buôn lậu hoặc có hành vi khác vi phạm pháp luật về viễn thông.

### **Điều 84. Trách nhiệm của các cơ quan quản lý**

1. Trách nhiệm của Sở Bưu chính, Viễn thông:

a) Tạo điều kiện thuận lợi cho các chủ đầu tư xây dựng mạng của đơn vị để phát triển kinh tế - xã hội tỉnh nhà;

b) Theo dõi, kiểm tra về mặt kỹ thuật chuyên ngành khi các chủ đầu tư tiến hành lắp đặt mạng ngoại vi viễn thông, xây dựng bưu cục, thùng thư;

c) Đôn đốc các đơn vị có công trình mạng ngoại vi thường xuyên theo dõi, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị, đường dây theo đúng yêu cầu kỹ thuật;

d) Phối hợp với các cơ quan ban ngành khác kiểm tra xử lý các vi phạm, giải quyết tranh chấp về cơ sở hạ tầng mạng ngoại vi.

2. Trách nhiệm của Sở Xây dựng:

a) Tổ chức theo dõi, kiểm soát các tiêu chuẩn về kỹ thuật xây dựng trong lĩnh vực viễn thông;

b) Hướng dẫn công tác lập và lưu trữ hồ sơ hoàn công công trình xây dựng mạng ngoại vi;

c) Phối hợp thanh tra, kiểm tra hoạt động xây dựng mạng ngoại vi.

### 3. Trách nhiệm của UBND cấp huyện:

a) Thẩm quyền cấp giấy phép; thoả thuận vị trí, địa điểm xây dựng các công trình mạng ngoại vi là Chủ tịch UBND cấp huyện theo đề nghị của Phòng Quản lý xây dựng cấp huyện;

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm tổ chức tiếp nhận hồ sơ, giao biên nhận hồ sơ, hẹn ngày trả giấy phép. Thời gian xem xét và cấp giấy phép; thoả thuận vị trí, địa điểm xây dựng mạng ngoại vi theo quy trình của đề án cải cách hành chính của đơn vị về cấp giấy phép xây dựng công trình. Trường hợp không giải quyết được phải nêu rõ lý do và trả lời bằng văn bản cho cá nhân, tổ chức có nhu cầu cấp giấy phép;

c) Phòng Quản lý xây dựng cấp huyện được phân cấp là cơ quan đầu mối tiếp nhận các kế hoạch phát triển mạng ngoại vi của các chủ đầu tư.

### **Điều 85. Trách nhiệm của chủ đầu tư**

1. Các chủ đầu tư khi tiến hành xây dựng mạng ngoại vi, biển quảng cáo. Yêu cầu phải có giấy phép; thoả thuận vị trí, địa điểm xây dựng do Chủ tịch UBND cấp huyện cấp, đồng thời phải có văn bản báo cáo gửi về Sở Bưu chính, Viễn thông.

2. Các chủ đầu tư trong quý I hàng năm phải gửi kế hoạch phát triển mạng ngoại vi đã được phê duyệt của đơn vị đến Sở Bưu chính, Viễn thông và Phòng Quản lý xây dựng cấp huyện. Trên cơ sở đăng ký, Phòng Quản lý xây dựng cấp huyện tổng hợp, báo cáo UBND cấp huyện và đề ra kế hoạch phối hợp trong công tác đào đường để xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị trên địa bàn.

3. Chủ đầu tư có trách nhiệm thông báo cho chính quyền địa phương để nhân dân trong khu vực được biết khi tiến hành thi công mạng ngoại vi của mình.

4. Khi lắp đặt trụ ăngten thuộc mạng ngoại vi, yêu cầu các chủ đầu tư phải tiến hành đo mức độ ảnh hưởng của trường điện từ và so sánh với giới hạn cho phép theo tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 3718-1/2005 về quản lý an toàn trong bức xạ tần số Radio và gửi về Sở Bưu chính, Viễn thông kết quả đo kiểm. Phải tuân thủ kỹ thuật xây dựng để đảm bảo an toàn khi thiên tai xảy ra.

5. Khi thi công hạng mục công trình ngầm (đào đường) yêu cầu phải tuân thủ về công tác đào và tái lập mặt đường tại Mục 3, Chương II của Quy định này.

6. Trường hợp bất khả kháng xảy ra sự cố, phải kịp thời khắc phục, đồng thời cũng lập báo cáo gửi đến Sở Bưu chính, Viễn thông, Sở Xây dựng, UBND cấp huyện. Kịp thời kết hợp với các đơn vị chức năng giải quyết sự cố.

7. Các chủ đầu tư khi tiến hành xây dựng, cơ sở hạ tầng cần được sử dụng chung một cách tiết kiệm, hiệu quả, đảm bảo mỹ quan đô thị. Việc sử dụng chung cơ sở hạ tầng được thực hiện thông qua hợp đồng trên cơ sở thỏa thuận giữa các chủ đầu tư.

8. Đối với các công trình mạng viễn thông chuyên dùng, trong quá trình xây dựng thiết lập mạng yêu cầu các chủ đầu tư phải tuân thủ theo các tiêu chuẩn kỹ thuật về viễn thông, xây dựng và đảm bảo mỹ quan đô thị.

#### **Điều 86. Yêu cầu kỹ thuật chuyên ngành viễn thông**

Các chủ đầu tư khi xây dựng mạng ngoại vi yêu cầu phải tuân thủ theo các tiêu chuẩn bắt buộc chuyên ngành của Bộ Bưu chính, Viễn thông (nay là Bộ Thông tin Truyền thông).

#### **Điều 87. Công tác kiểm tra**

Sở Bưu chính, Viễn thông và các đơn vị chức năng liên quan có trách nhiệm phối hợp trong công tác thanh tra, kiểm tra định kỳ, đột xuất việc lắp đặt mạng ngoại vi viễn thông. Kịp thời phát hiện và xử lý các hành vi vi phạm trong lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật đô thị theo Quy định này và các quy định khác có liên quan của pháp luật hiện hành.

#### **Điều 88. Xử lý chuyển tiếp các vi phạm trong hoạt động xây dựng mạng ngoại vi viễn thông**

Sở Bưu chính, Viễn thông chủ trì phối hợp với Sở Xây dựng và UBND cấp huyện tiến hành rà soát, kiểm tra mạng ngoại vi viễn thông của các tổ chức cung cấp dịch vụ viễn thông đã và đang hoạt động tại các đô thị trên địa bàn tỉnh, kịp thời xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với các mạng xây dựng mới hoặc đang trong thời gian xây dựng đề nghị phải thực hiện nghiêm túc theo Quy định này và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Trường hợp mạng đã thi công hoàn chỉnh, nhưng có sai phạm và yêu cầu phải khắc phục ngay. Đối với những trường hợp dây dẫn băng ngang qua đường có độ võng không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật; có khả năng xảy ra tai nạn giao thông; các trường hợp khác phải khắc phục trong vòng 01 tháng kể từ ngày ban hành Quy định này.

Nếu hành vi vi phạm còn tiếp diễn thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm áp dụng xử phạt theo Nghị định số 142/2004/NĐ-CP, ngày 08 tháng 7 năm 2004 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về bưu chính, viễn thông và tần số vô tuyến điện.

## **Chương VII** **QUẢN LÝ HỆ THỐNG CÔNG VIÊN CÂY XANH**

### **Mục 1** **PHÂN CẤP VÀ NGUYÊN TẮC QUẢN LÝ**

#### **Điều 89. Phân cấp quản lý**

1. Sở Xây dựng được giao nhiệm vụ tham mưu UBND tỉnh quản lý nhà nước về hệ thống công viên cây xanh tại các đô thị trên địa bàn tỉnh, có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra, hướng dẫn và chỉ đạo cơ quan quản lý xây dựng cấp huyện về chuyên môn nghiệp vụ quản lý, bảo trì và khai thác hệ thống công viên cây xanh trong đô thị.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện được UBND tỉnh giao nhiệm vụ trực tiếp quản lý, bảo trì và khai thác hệ thống công viên cây xanh trên địa bàn; tổ chức thực hiện công tác cấp giấy phép: đốn hạ, di dời cây xanh trong đô thị.

3. Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn thuộc đô thị thực hiện việc quản lý hệ thống cây xanh trồng trên các tuyến đường đô thị theo chỉ đạo của UBND cấp huyện và hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ của cơ quan quản lý xây dựng cấp huyện.

#### **Điều 90. Nguyên tắc quản lý**

1. Tất cả các loại cây xanh đô thị đều được xác định chủ sở hữu, do tổ chức, đơn vị, cá nhân quản lý hoặc được giao quản lý.

2. Việc trồng cây xanh đô thị phải thực hiện theo quy hoạch xây dựng đô thị hoặc quy hoạch chuyên ngành cây xanh được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Việc lựa chọn chủng loại và trồng cây xanh phải mang bản sắc địa phương, phù hợp với điều kiện khí hậu và thổ nhưỡng, đồng thời phải đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về sử dụng, mỹ quan, an toàn giao thông và vệ sinh môi trường; hạn chế làm hư hỏng các công trình, cơ sở hạ tầng trên mặt đất, dưới mặt đất cũng như trên không.

4. Các tổ chức, đơn vị, cá nhân có trách nhiệm quản lý, bảo vệ, chăm sóc cây xanh trong khuôn viên, trước mặt nhà, đồng thời thông báo kịp thời cho các cơ quan chức năng quản lý để giải quyết khi phát hiện cây xanh có dấu hiệu khác thường, nguy cơ gãy đổ, nguy hiểm hay các hành vi gây ảnh hưởng đến sự sinh trưởng và phát triển của cây xanh đô thị.

#### **Điều 91. Các hành vi bị nghiêm cấm**

Mọi tổ chức, cá nhân không được tự ý thực hiện các hành vi sau đây:

1. Đốn hạ, di dời trái phép cây xanh.

2. Khắc, lột vỏ thân cây, chặt, bẻ cành nhánh cây xanh; hái lá, trái, hoa; tự ý leo trèo cây xanh (trừ trường hợp các tổ chức, đơn vị và cá nhân đang làm nhiệm vụ).
3. Giăng dây, đóng đinh, treo bảng quảng cáo trái phép trên thân cây.
4. Đổ rác và các chất thải khác vào gốc cây xanh làm hư bó vỉa, bồn cỏ gốc cây.
5. Đổ chất độc hại vào gốc cây và các hành vi khác gây chết hoặc ảnh hưởng đến sự sinh trưởng và phát triển của cây xanh.
6. Ngăn cản việc trồng cây theo quy định.
7. Tự ý trồng cây trên đường phố.
8. Các hành vi khác làm hư hại hoặc ảnh hưởng xấu đến hệ thống cây xanh.

## **Mục 2** **QUẢN LÝ CÔNG VIÊN**

### **Điều 92. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức quản lý công viên**

Cơ quan quản lý nhà nước về công viên cây xanh là Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Phát triển nhà và Công trình đô thị Phú Yên có trách nhiệm:

1. Thực hiện kiểm tra, quản lý công viên cây xanh nhằm tạo cảnh quan, môi trường tốt nhất phục vụ các tầng lớp nhân dân khi đến vui chơi giải trí, luyện tập thể dục thể thao, nghỉ ngơi nhằm giữ gìn, bảo quản cho sự phát triển bền vững lâu dài của công viên.
2. Chăm sóc bảo dưỡng thường xuyên vườn hoa, thảm cỏ, dây leo, cây kiểng, cây xanh trong công viên.
3. Thu dọn rác, nạo vét mương rãnh, cống thoát nước trong công viên, bảo đảm môi trường luôn trong sạch.
4. Bảo trì, sửa chữa thường xuyên các công trình kiến trúc, công trình kỹ thuật hạ tầng trong công viên, không để hư hỏng xuống cấp.
5. Tổ chức lực lượng tuần tra, bảo vệ thường xuyên, bảo đảm an ninh trật tự khu vực công viên, tạo điều kiện thông thoáng, thuận lợi cho mục đích công cộng.
6. Việc đốn hạ, di dời cây xanh trong công viên được thực hiện theo quy định tại Điều 100, Mục 4, Chương VII của Quy định này.

### **Điều 93. Nghiêm cấm các hành vi xâm hại công viên**

Nghiêm cấm các hành vi xâm hại đến công viên như: lấn chiếm, chiếm dụng, xây dựng, cư trú trái phép trong công viên; các hành vi làm mất tính mỹ quan, trật tự trong

công viên; các hành vi gây tổn hại đến công viên và các hành vi khác vi phạm pháp luật và nội quy bảo vệ công viên.

**Điều 94. Tổ chức hoạt động kinh doanh thương mại, dịch vụ, văn hoá nghệ thuật trong công viên**

1. Các hoạt động kinh doanh thương mại, dịch vụ trong công viên để phục vụ khách tham quan phải phù hợp với chức năng của công viên, quy hoạch thiết kế xây dựng công viên và thực hiện đúng các quy định hiện hành của nhà nước đối với từng loại hình hoạt động.

2. Việc tổ chức phục vụ văn hóa nghệ thuật, hội chợ, triển lãm, lễ hội trong công viên phải được sự chấp thuận của UBND cấp huyện và thực hiện đúng theo quy định tại Thông tư số 18/2001/TT-BTM, ngày 12 tháng 7 năm 2001 của Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương) hướng dẫn thực hiện hoạt động chợ, triển lãm thương mại được quy định tại Nghị định số 32/1999/NĐ-CP, ngày 05 tháng 5 năm 1999 của Chính phủ về khuyến mại và hội chợ, triển lãm thương mại; Quy chế tổ chức lễ hội ban hành kèm theo Quyết định số 39/2001/QĐ-BVHTT, ngày 23 tháng 8 năm 2001 của Bộ Văn hóa - Thông tin (nay là Bộ Thông tin - Truyền thông).

**Mục 3  
QUẢN LÝ CÂY XANH**

**Điều 95. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức và cá nhân đối với cây thuộc danh mục cây cổ thụ, cây cần được bảo tồn**

Cơ quan, tổ chức và cá nhân có trách nhiệm đối với cây thuộc danh mục cây cổ thụ, cây cần được bảo tồn trong phạm vi công viên, đường phố, khuôn viên do mình quản lý như sau:

1. Bảo quản, chăm sóc cây cổ thụ, cây cần được bảo tồn.
2. Khi phát hiện cây có cành, nhánh nặng tòn, cành khô hoặc bị sâu bệnh có nguy cơ gãy đổ phải kịp thời báo cho đơn vị trực tiếp phụ trách chăm sóc bảo vệ cây xanh để xử lý theo quy định tại khoản 3, Điều 95, Mục 3, Chương VII của Quy định này.
3. Khi cần đốn hạ, di dời cây thuộc danh mục cây cổ thụ, cây cần được bảo tồn phải được UBND huyện cấp giấy phép tại Điều 101, Mục 4, Chương VII của Quy định này.

**Điều 96. Đối với cây thuộc danh mục cây cổ thụ, cây cần được bảo tồn**

Cơ quan quản lý nhà nước được phân cấp có trách nhiệm:

1. Thực hiện việc thống kê, phân loại, đánh số, treo biển tên (cây cổ thụ, cây cần được bảo tồn) và lập hồ sơ cho từng cây để phục vụ công tác quản lý.

2. Quản lý việc đảm bảo về kỹ thuật, an toàn khi chăm sóc, đốn hạ, di dời cây.

3. Kiểm tra định kỳ cắt mé cành, nhánh nặng tàn, lấy nhánh khô; khống chế chiều cao; chống, sửa cây nghiêng, tạo dáng; bón phân, xử lý sâu bệnh đối với cây.

4. Hướng dẫn cho các tổ chức, đơn vị và cá nhân về kỹ thuật chăm sóc cây; cấp giấy phép và tổ chức việc đốn hạ, di dời cây cổ thụ, cây cần được bảo tồn.

### **Điều 97. Tiêu chuẩn cây trồng**

Cây xanh trồng trên đường phố phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

1. Cây thẳng, dáng cân đối, không sâu bệnh; cây không thuộc danh mục cây cấm trồng (Phụ lục đính kèm).

2. Cây đưa ra trồng trên đường phố: cây tiểu mộc có chiều cao tối thiểu 1,5m, đường kính cổ rễ từ 5cm trở lên; cây trung mộc và đại mộc có chiều cao tối thiểu 3m, đường kính cổ rễ từ 6cm trở lên.

3. Cây đưa ra trồng nơi khác có chiều cao tối thiểu từ 2m, đường kính cổ rễ từ 3cm trở lên; cây mới trồng phải được chống giữ chắc chắn, ngay thẳng.

### **Điều 98. Quản lý cây xanh trên đường phố**

Cơ quan quản lý cây xanh có trách nhiệm thực hiện các công việc sau:

1. Tổ chức trồng mới cây xanh trên đường phố theo quy hoạch được duyệt.

a) Trồng thay thế cây xanh đường phố bị đốn hạ do sâu bệnh không có khả năng điều trị, cây xanh bị chết, cây xanh có nguy cơ ngã đổ;

b) Trồng cây theo quy hoạch, trường hợp chưa có quy hoạch phải được Sở Xây dựng xem xét thỏa thuận phù hợp với quy hoạch chung xây dựng đô thị.

2. Bảo quản, chăm sóc cây xanh trên đường phố.

a) Tưới, bón phân, kiểm tra xử lý cây bị sâu bệnh, đảm bảo cây sinh trưởng và phát triển tốt;

b) Cắt mé cành, nhánh nặng tàn, lấy nhánh khô, khống chế chiều cao, chống - sửa cây nghiêng, tạo tán cho cây, bảo đảm mỹ thuật và mỹ quan đô thị;

c) Lập kế hoạch thực hiện việc đốn hạ, thay thế các tuyến cây xanh lâu năm, già cỗi không còn phát huy tác dụng và không bảo đảm an toàn cho sinh hoạt đô thị;

d) Khảo sát, thiết lập chăm sóc đặc biệt đối với cây cần được bảo tồn, cây mang tính đặc trưng của địa phương, của vùng địa lý, cây xanh trên đường phố có chiều cao từ 15m trở lên;

e) Tổ chức lực lượng tuần tra, bảo vệ thường xuyên hệ thống cây xanh đường phố.

3. Phát hiện, lập kế hoạch thực hiện việc đốn hạ cây xanh bị sâu bệnh không có khả năng điều trị, bị chết, có nguy cơ đổ ngã và cây xanh thuộc danh mục cây cấm trồng;

4. Việc bảo quản, chăm sóc, đốn hạ, di dời danh mục cây cổ thụ, cây cần được bảo tồn thực hiện theo quy định tại Mục 4 và Mục 5, Chương VII của Quy định này.

### **Điều 99. Bảo quản, chăm sóc cây xanh trong khuôn viên nhà đất của cơ quan, tổ chức và cá nhân**

1. Cơ quan, tổ chức và cá nhân có quyền trong việc lựa chọn giống cây trồng, được thụ hưởng toàn bộ huê lợi từ cây và chịu trách nhiệm trong việc bảo quản, chăm sóc cây xanh, hoa, cỏ, cây kiểng, dây leo trồng trong khuôn viên do mình quản lý.

2. Cây trồng trong khuôn viên của cơ quan, tổ chức và cá nhân phải tuân thủ các nguyên tắc sau:

a) Không thuộc danh mục cây cấm trồng;

b) Cây trồng lẻ, trồng dặm thì tùy thuộc vào khoảng không gian của khuôn viên mà chọn cây thích hợp nhưng có độ cao khi trưởng thành không quá 15m;

c) Khoảng cách ly an toàn đến các công trình kỹ thuật đô thị phải theo quy định của cơ quan quản lý chuyên ngành; đồng thời, phải bảo đảm cây xanh có tán, thân, rễ không ảnh hưởng đến các công trình lân cận thuộc tổ chức, cá nhân khác quản lý;

d) Cây trồng theo dự án đầu tư bằng ngân sách nhà nước thì thực hiện theo đúng hồ sơ thiết kế kỹ thuật được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

3. Việc bảo quản, chăm sóc, đốn hạ, di dời cây xanh thuộc danh mục cây cổ thụ, cây cần được bảo tồn và cây có chiều cao từ 10m trở lên được thực hiện theo quy định tại Điều 95, Mục 3, Chương VII của Quy định này.

## **Mục 4**

### **CÁC QUY ĐỊNH CẤP PHÉP ĐÓN HẠ, DI DỜI CÂY XANH**

#### **Điều 100. Các trường hợp cấp giấy phép đốn hạ, di dời cây xanh**

1. Các cơ quan, tổ chức và cá nhân khi muốn đốn hạ, di dời các loại cây xanh thì phải có giấy phép đốn hạ, di dời cây xanh, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này, cụ thể như sau:

- a) Cây xanh thuộc danh mục cây cổ thụ, cây cần được bảo tồn;
- b) Cây xanh trồng trong công viên được đầu tư xây dựng hoàn toàn bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước;
- c) Cây xanh có chiều cao từ 10m trở lên trong công viên được đầu tư xây dựng một phần bằng nguồn vốn từ ngân sách nhà nước hoặc bằng các nguồn vốn khác;
- d) Cây xanh có chiều cao từ 10m trở lên không thuộc danh mục cây cấm trồng trong khuôn viên nhà đất của các cơ quan, tổ chức và cá nhân;
- e) Cây xanh trồng trên đường phố.

2. Trường hợp được miễn giấy phép đốn hạ, di dời cây xanh:

- a) Cây xanh cần được đốn hạ ngay do tình thế khẩn cấp, thiên tai hoặc cây xanh có nguy cơ ngã đổ gây nguy hiểm;
- b) Cây xanh thuộc danh mục cây cổ thụ, cây cần được bảo tồn nằm trong khu vực có dự án xây dựng các công trình đã được cấp thẩm quyền phê duyệt hồ sơ thiết kế kỹ thuật;
- c) Cây xanh nằm trong khu vực có dự án xây dựng các công trình đã có ý kiến chấp thuận cho phép đốn hạ, di dời cây xanh của cơ quan được phân cấp quản lý công viên, cây xanh;
- d) Cơ quan được phân cấp quản lý cây xanh thực hiện việc đốn hạ cây xanh trồng trên đường phố khi thực hiện nhiệm vụ quy định tại khoản 3 Điều 95, Mục 3, Chương VII của Quy định này.

**Điều 101. Thủ tục cấp giấy phép đốn hạ, di dời cây xanh**

1. Thẩm quyền cấp phép đốn hạ, di dời cây xanh là Chủ tịch UBND cấp huyện theo đề nghị của Phòng Quản lý xây dựng cấp huyện.
2. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép đốn hạ, di dời cây xanh, gồm có:
  - a) Giấy đề nghị được phép đốn hạ, di dời cây xanh;
  - b) Bản vẽ thiết kế công trình có định vị cây xanh cần đốn hạ, di dời. Trường hợp không có bản vẽ thiết kế thì trong giấy đề nghị nêu rõ vị trí đốn hạ, di dời, kích thước, loại cây và lý do cần đốn hạ, di dời;
  - c) Ảnh chụp hiện trạng cây xanh cần đốn hạ, di dời.
3. Thời gian cấp giấy phép đốn hạ, di dời cây xanh là không quá 07 ngày (ngày làm việc) kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

**Điều 102. Xây dựng công trình trên đất có trồng cây xanh**

1. Xây dựng công trình thuộc đối tượng không phải xin cấp giấy phép xây dựng theo quy định của pháp luật về cấp giấy phép xây dựng.

Chủ đầu tư công trình chỉ được đôn hạ, di dời cây xanh sau khi được cấp thẩm quyền quy định tại Điều 100, Mục 4, Chương VII của Quy định này.

2. Xây dựng công trình mà theo quy định pháp luật phải có giấy phép xây dựng.

Cơ quan cấp giấy phép xây dựng công trình phải lấy ý kiến bằng văn bản của cơ quan quản lý cây xanh về việc đôn hạ, di dời cây trước khi cấp giấy phép xây dựng công trình.

### **Điều 103. Thực hiện việc đôn hạ, di dời cây xanh**

1. Thời gian để thực hiện việc đôn hạ, di dời cây xanh là không quá 30 ngày kể từ ngày được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép đôn hạ, di dời cây xanh.

2. Quá thời hạn quy định tại khoản 1 nêu trên mà chưa thực hiện việc đôn hạ, di dời cây xanh thì giấy phép đôn hạ, di dời cây xanh không còn giá trị.

3. Đối với cây xanh phục vụ các công trình, dự án thì việc đôn hạ, di dời cây xanh được thực hiện theo tiến độ yêu cầu của dự án, chi phí đôn hạ được tính vào dự án.

4. Việc đôn hạ, di dời cây xanh phải bảo đảm an toàn về tính mạng, sức khỏe, tài sản của tổ chức, cá nhân.

### **Điều 104. Xử lý một số trường hợp đặc biệt đối với cây xanh cần đôn hạ, di dời ngay, cây xanh đã bị ngã đổ**

1. Trường hợp đột xuất cần đôn hạ, di dời ngay do tình thế khẩn cấp, thiên tai hoặc cây có nguy cơ ngã đổ gây nguy hiểm.

Đơn vị trực tiếp thực hiện việc chăm sóc, bảo quản công viên, cây xanh; chủ đầu tư đối với công viên được xây dựng một phần từ nguồn vốn ngân sách nhà nước hoặc bằng các nguồn vốn khác phải có trách nhiệm phối hợp với UBND xã, phường, thị trấn lập biên bản hiện trạng, thực hiện ngay việc đôn hạ, di dời cây xanh và lập hồ sơ báo cáo cơ quan được phân cấp quản lý công viên, cây xanh. Hồ sơ gồm có:

a) Ảnh chụp hiện trạng cây xanh trước khi đôn hạ;

b) Biên bản hiện trạng cây xanh trước khi đôn hạ.

2. Trường hợp cây xanh bị ngã đổ:

Đơn vị trực tiếp thực hiện việc chăm sóc, bảo quản công viên, cây xanh; chủ đầu tư đối với công viên xây dựng một phần bằng nguồn vốn từ ngân sách nhà nước hoặc bằng các nguồn vốn khác có trách nhiệm lập biên bản hiện trạng, dọn dẹp, giải tỏa ngay

mặt bằng và thông báo UBND xã, phường, thị trấn, cơ quan được phân cấp quản lý công viên, cây xanh. Hồ sơ gồm có:

- a) Bản tường trình lý do cây xanh bị ngã đổ;
- b) Ảnh chụp tình trạng cây xanh bị ngã đổ.

3. Khuyến khích các đơn vị quản lý thực hiện các biện pháp khẩn cấp để khắc phục nguy hiểm, bảo vệ an toàn cho cây xanh nhưng phải đảm bảo an toàn tính mạng cho nhân dân.

## **Mục 5** **TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ** **VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG VIÊN CÂY XANH**

### **Điều 105. Thực hiện bảo quản và phát triển công viên cây xanh**

1. Nhà nước khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư tổ chức trồng, chăm sóc cây xanh để cải tạo, chỉnh trang các khu đất công đang bị bỏ trống, không người chăm sóc thành mảng xanh công cộng như sau:

a) Hướng dẫn miễn phí về chủng loại, quy cách kỹ thuật trồng, chăm sóc cây, kỹ thuật trừ sâu bệnh cho cây xanh;

b) Cây xanh được trồng trên các khu đất trống là tài sản thuộc sở hữu toàn dân, trường hợp cần thu hồi đất để sử dụng sang mục đích khác, nhà nước sẽ xem xét bồi hoàn cho tổ chức, cá nhân trồng, bảo quản, chăm sóc cây xanh theo quy định.

2. Đầu tư xây dựng công viên bằng ngân sách trong khu dân cư, giao cho các tổ chức, cá nhân tham gia chăm sóc, quản lý.

3. Đấu thầu rộng rãi để thu hút các thành phần kinh tế trong và ngoài nước cung ứng dịch vụ bảo vệ công viên, dịch vụ trồng và chăm sóc cây xanh.

4. Nhà nước giao đất để đầu tư công viên cây xanh được thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai.

5. Hỗ trợ một phần giống cây xanh cho các cơ quan nhà nước, trường học; cơ quan tổ chức chính trị - xã hội khi tổ chức các phong trào trồng, chăm sóc, phát triển cây xanh.

### **Điều 106. Trách nhiệm của Sở Xây dựng**

1. Hướng dẫn về chuyên môn và phối hợp với UBND cấp huyện lập quy hoạch công viên cây xanh và trình tỉnh phê duyệt; đồng thời, hướng dẫn tổ chức triển khai thực hiện quy hoạch công viên, cây xanh tại các đô thị trên địa bàn tỉnh.

2. Kiểm tra và xử lý việc thực hiện các quy định về bảo vệ và phát triển hệ thống công viên và cây xanh tại các đô thị.

3. Xác định, kiểm tra việc thực hiện đúng tỷ lệ diện tích đất dành cho cây xanh trong các đồ án quy hoạch đô thị, đặc biệt các dự án đầu tư xây dựng khu dân cư, khu đô thị mới, của từng khu vực đảm bảo đất dành cho cây xanh đạt tiêu chuẩn quy hoạch; hỗ trợ việc thiết kế nhằm đảm bảo đạt yêu cầu mỹ thuật đối với hệ thống cây xanh đô thị, đặc biệt là tại các khu vực trung tâm, cửa ngõ của đô thị; nghiên cứu, hướng dẫn các giải pháp kiến trúc, xây dựng tạo mảng xanh ở các bờ tường, ở giữa các tầng của các công trình kiến trúc cao tầng.

4. Phối hợp với các sở, ban, ngành và đoàn thể thường xuyên tổ chức công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao ý thức cộng đồng góp phần bảo vệ, chăm sóc và phát triển mảng xanh đô thị; lập kế hoạch vận động, thu hút đầu tư, thực hiện chủ trương xã hội hóa lĩnh vực bảo quản, phát triển mảng xanh đô thị.

#### **Điều 107. Trách nhiệm Ủy ban nhân dân cấp huyện**

1. Thực hiện việc thống kê, phân loại, đánh số, treo biển và lập hồ sơ đối với từng cây cổ thụ, cây cần được bảo tồn.

2. Kiểm tra định kỳ việc chăm sóc, bảo quản, đốn hạ di dời cây thuộc danh mục cây cổ thụ, cây cần được bảo tồn.

3. Hướng dẫn hỗ trợ chủng loài, quy cách, kỹ thuật trồng, chăm sóc cây, kỹ thuật phòng trừ sâu bệnh cho cây xanh và cung cấp, hỗ trợ giống cây trồng cho các cơ quan, tổ chức chính trị - xã hội khi tổ chức các phong trào trồng cây xanh; hướng dẫn hỗ trợ cho các tổ chức, cá nhân trồng cây xanh trên các khu đất trống, trên địa bàn do địa phương quản lý.

4. Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng và các cơ quan liên quan trong việc lập, thực hiện và quản lý quy hoạch xây dựng công viên, cây xanh trên địa bàn.

5. Quản lý địa bàn không để tình trạng lấn chiếm, sử dụng trái phép các vị trí được quy hoạch xây dựng công viên, cây xanh.

6. Chỉ đạo UBND xã, phường, thị trấn trong công tác bảo vệ hệ thống công viên, cây xanh trên địa bàn quản lý.

7. Thực hiện việc cấp giấy phép đốn hạ, di dời cây xanh theo phân cấp tại Điều 101, Mục 4, Chương VII của Quy định này.

### **Chương VIII QUẢN LÝ CHẤT THẢI RẮN THÔNG THƯỜNG**

**Mục 1**  
**NGUYÊN TẮC QUẢN LÝ VÀ TRÁCH NHIỆM CHỦ NGUỒN RÁC**

**Điều 108. Nguyên tắc quản lý**

1. Quản lý rác thải theo nguyên tắc hướng tới xem rác như một nguồn tài nguyên và không làm ảnh hưởng tới môi trường chung quanh, khuyến khích tái chế chất thải và thực hiện các biện pháp nhằm từng bước giảm các hoạt động tạo ra chất thải.

2. Quản lý chất thải rắn thông thường là quyền và trách nhiệm của cơ quan nhà nước, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân.

3. Hoạt động quản lý chất thải rắn thông thường phải thường xuyên, lấy phòng ngừa là chính kết hợp với khắc phục ô nhiễm, suy thoái và cải thiện chất lượng môi trường.

4. Quản lý chất thải rắn thông thường phải phù hợp với quy luật, đặc điểm tự nhiên, văn hóa, lịch sử, trình độ phát triển kinh tế - xã hội của các đô thị trong từng giai đoạn.

5. Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân gây ô nhiễm, suy thoái môi trường do vi phạm các quy định về quản lý chất thải rắn thông thường có trách nhiệm khắc phục, bồi thường thiệt hại và chịu các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

**Điều 109. Trách nhiệm của chủ nguồn rác thải**

1. Tất cả các cơ quan đơn vị, hộ sản xuất kinh doanh, trường học và hộ dân phải có dụng cụ đựng rác hợp vệ sinh và giao rác cho người thu gom đúng địa điểm và thời gian theo qui định tại từng địa phương. Về thời gian giao rác, tùy theo đặc điểm của từng khu vực tại các đô thị do UBND cấp huyện ban hành và được phổ biến đến các chủ nguồn thải nhằm đảm bảo vệ sinh môi trường và mỹ quan đô thị.

2. Toàn bộ rác thải phát sinh hàng ngày qua các hoạt động của đô thị phải được thu gom, vận chuyển đến nơi qui định và xử lý hợp vệ sinh (tái chế làm phân bón hoặc chôn lấp). Đối với rác thải y tế, các loại rác thải có chất độc hại (pin hỏng, pin không sử dụng,...) hoặc có vi trùng gây bệnh phải được tập trung xử lý riêng theo qui định của pháp luật, không được thu gom và xử lý chung với rác thải sinh hoạt của đô thị.

3. Không được đổ rác, vứt rác bừa bãi trước mặt nhà, trên lòng lề đường, miệng hồ ga, ao hồ, sông rạch hoặc đổ vào các nơi công cộng khác.

4. Các hộ gia đình, tổ chức, cơ quan đơn vị có trách nhiệm giữ vệ sinh vỉa hè trước và chung quanh nhà hoặc trụ sở. Đối với những đường hẻm không có công nhân vệ sinh quét dọn thì phải có trách nhiệm tự quét dọn và giữ gìn vệ sinh ở phần vỉa hè và đường hẻm đó.

5. Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được phục vụ dịch vụ thu gom rác, hàng tháng hàng quý phải nộp phí vệ sinh theo quy định của UBND tỉnh.

6. Các tổ chức, đơn vị, cá nhân có trách nhiệm phát hiện và thông báo kịp thời cho chính quyền địa phương những hành vi vi phạm quản lý chất thải rắn để kiểm tra xử lý theo Quy định này và các quy định xử phạt khác liên quan.

### **Điều 110. Đối với rác thải xây dựng**

1. Khi tiến hành xây dựng, cải tạo, phá dỡ công trình phải có chỗ chứa vật liệu phế thải, xà bần trong khuôn viên công trình.

2. Khi được UBND cấp huyện cho phép chứa hàng hóa, vật liệu, phế liệu, phế thải trên đường phố thì người quản lý các loại vật dụng nêu trên phải thực hiện tất cả biện pháp đảm bảo vệ sinh và trật tự an toàn giao thông.

3. Khi hoàn tất công trình, tối đa sau 03 ngày, chủ nguồn thải phải nhanh chóng thu dọn trả lại mặt bằng vỉa hè như hiện trạng ban đầu và tự vận chuyển toàn bộ vật liệu phế thải, xà bần đổ đúng nơi quy định (theo hướng dẫn của Phòng Quản lý xây dựng cấp huyện).

4. Các đơn vị, cơ quan chức năng và các tổ chức, cá nhân khi dọn hạ, di dời, phát dọn cây xanh; nạo vét bùn, đất, rác cặn từ cống rãnh thoát nước phải thu dọn sạch sẽ ngay.

5. Các đơn vị của ngành Giao thông, Xây dựng, Bưu điện, Điện lực, các cá nhân trong quá trình tổ chức thi công công trình ngầm và các công trình khác liên quan đến phạm vi đường phố phải thực hiện các biện pháp nhằm làm cho việc thi công không gây mất vệ sinh đường phố và ảnh hưởng đến an toàn cho các phương tiện giao thông và người đi lại; phải thu dọn sạch và trả lại an toàn thông thoáng cho đường phố trước 6 giờ sáng hôm sau.

6. Các xe chở phân, rác thải, vôi vữa, đất, đá, gạch, cát, sỏi, than, xà bần,... khi lưu thông trên đường phố phải dùng bạt che phủ kín phần vật liệu vận chuyển, không được để rơi vãi trên đường phố. Nếu để rơi vãi thì người điều khiển xe phải có trách nhiệm thu dọn, xử lý hậu quả kịp thời và phải xử lý vi phạm hành chính cho hành vi để rơi vãi vật liệu, đồng thời phải chịu chi phí tại bãi đổ rác thải (theo đơn giá tại thời điểm thực hiện do UBND tỉnh quy định).

## **Mục 2**

### **TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC LỰC LƯỢNG THAM GIA QUẢN LÝ CHẤT THẢI RẮN THÔNG THƯỜNG**

#### **Điều 111. Nguyên tắc hoạt động**

1. Thực hiện công tác quét dọn, thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn thông thường theo phương án và kế hoạch đã được UBND cấp huyện phê duyệt.
2. Phải nghiêm chỉnh chấp hành theo các quy định của cơ quan quản lý nhà nước về quy trình công nghệ và các quy định liên quan khác trong quá trình hoạt động.
3. Chất thải rắn thông thường phải được thu dọn vận chuyển sạch sẽ, kịp thời đến bãi rác trước 6 giờ sáng hàng ngày.
4. Tổ chức và hoạt động theo đúng Luật Lao động và các quy định hiện hành.
5. Phải đảm bảo các điều kiện cơ bản cho người lao động về dụng cụ, vệ sinh, an toàn lao động.
6. Chủ động đưa ra các biện pháp hiệu quả nhằm nâng cao, đảm bảo duy trì tốt chất lượng vệ sinh.

**Điều 112. Trách nhiệm của lực lượng quét dọn, thu gom, phân loại, vận chuyển chất thải rắn thông thường**

1. Công tác quét dọn, thu gom, phân loại, vận chuyển chất thải phải có phương tiện, thiết bị chuyên dùng, bảo đảm thu gom hết rác thải, không để rơi vãi rác thải và nước rác, rác thải phải được phủ kín bằng bạt để hạn chế tối đa việc rác rơi vãi và phát tán mùi hôi thối.
2. Việc vận chuyển chất thải trong đô thị, khu dân cư chỉ được thực hiện theo những tuyến đường được cơ quan có thẩm quyền phân luồng giao thông quy định.
3. Thực hiện đầy đủ và nghiêm túc theo các quy định, quy trình kỹ thuật, công nghệ quản lý rác hiện hành.
4. Thu phí vệ sinh theo quy định của UBND tỉnh.
5. Tuân thủ nghiêm túc về thời gian thực hiện công tác nghiệp vụ theo quy định.
6. Phối hợp với chính quyền địa phương chọn địa điểm thích hợp làm điểm hẹn giao rác từ xe thô sơ (như: xe cải tiến, ba gác,...) sang xe cơ giới; đặt đúng nơi qui định và quản lý các thùng rác công cộng, không để xảy ra tình trạng tắc nghẽn giao thông.
7. Phối hợp kịp thời và thông báo đến chính quyền địa phương hoặc cơ quan có chức năng kiểm tra xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi gây mất vệ sinh đô thị.
8. Thông báo thường xuyên và rộng rãi trong nhân dân, chính quyền địa phương và tất cả các ngành có liên quan về địa điểm tập trung rác và các bãi xử lý rác của đô thị.
9. Phối hợp với các ngành có liên quan thường xuyên tổ chức các cuộc tuyên truyền vận động, giáo dục sâu rộng trong quần chúng để nhằm nâng cao ý thức người dân trong việc chấp hành đúng các quy định về quản lý chất thải.

10. Theo dõi và báo cáo kịp thời cho UBND cấp huyện về tình hình chất lượng vệ sinh trên địa bàn để phối hợp cùng với các ngành, đơn vị liên quan nhanh chóng giải quyết.

**Điều 113. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận xử lý chất thải rắn thông thường**

1. Đảm bảo cơ sở vật chất, kỹ thuật phù hợp với công nghệ xử lý rác theo tiêu chuẩn và quy định hiện hành.

2. Chỉ được phép xử lý chất thải ở những khu vực đã được quy định.

3. Không được tiếp nhận, xử lý các chất thải không được phép xử lý, ví dụ như: chất thải độc hại ngành Y tế do ngành tự xử lý theo quy định riêng.

4. Trong quá trình tiếp nhận và xử lý chất thải phải tuân thủ đầy đủ các quy định, quy trình kỹ thuật của nhà nước ban hành.

5. Trường hợp xảy ra sự cố, đơn vị xử lý chất thải có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương, đơn vị thu gom, vận chuyển và các ngành, đơn vị liên quan tiến hành các biện pháp khẩn cấp nhằm hạn chế tối đa ảnh hưởng đến môi trường và sức khỏe con người.

**Mục 3**

**QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ CHẤT THẢI RẮN THÔNG THƯỜNG**

**Điều 114. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn**

1. Tích cực tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức cộng đồng về quản lý chất thải rắn thông thường theo quy định này và các quy định khác của pháp luật có liên quan; thường xuyên tuyên truyền vận động, kiểm tra và nhắc nhở tất cả các hộ dân phải thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với cơ quan, đơn vị thu gom rác.

2. Giao vỉa hè cho hộ dân, cơ quan, tổ chức, đơn vị đảm nhiệm giữ gìn vệ sinh như quy định tại khoản 4 của Điều 108, Mục II của Quy định này.

3. Phối hợp với đơn vị thu gom, vận chuyển rác xem xét đề xuất từng vị trí cụ thể để làm điểm hẹn vận chuyển rác, đặt và quản lý các thùng rác công cộng.

4. Thường xuyên kiểm tra xử phạt các vi phạm hành chính về quản lý chất thải rắn thông thường tại các đô thị.

5. Tổ chức phát động các đợt tổng vệ sinh nhà ở, đường phố, các nơi công cộng tại các khu phố, thôn, phường, xã theo định kỳ.

6. Chỉ đạo các khu phố, thôn tham gia giữ gìn vệ sinh môi trường nơi công cộng, thực hiện tốt quy định quản lý chất thải rắn thông thường và tổ chức xây dựng Hương

ước, Quy ước bảo vệ môi trường cho từng thôn, khu phố theo các nội dung của Quy định này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

7. Đề xuất với UBND cấp huyện về những cơ chế, chính sách, biện pháp nhằm làm cho công tác quản lý chất thải đạt hiệu quả cao.

### **Điều 115. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện**

1. Chỉ đạo UBND xã, phường, thị trấn thực hiện tốt nhiệm vụ đã được giao tại Điều 114, Mục 3, Chương VIII của Quy định này.

2. Chỉ đạo các cơ quan chức năng trực thuộc hỗ trợ tích cực cho các đơn vị tham gia quản lý chất thải rắn thông thường; UBND xã, phường, thị trấn trong việc tổ chức triển khai thực hiện công tác quản lý chất thải rắn thông thường.

3. Không để tình trạng lấn chiếm sử dụng trái phép các vị trí được quy hoạch làm các điểm hẹn tập trung rác hoặc bãi xử lý rác.

4. Phối hợp với các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng và các cơ quan chức năng trong việc tổ chức thực hiện quản lý chất thải rắn thông thường.

5. Lập quy hoạch, bố trí mặt bằng cho việc tập kết chất thải rắn sinh hoạt, xây dựng khu chôn lấp chất thải.

6. Xây dựng kế hoạch quản lý chất thải rắn thông thường cấp huyện.

7. Đầu tư, xây dựng, vận hành các công trình công cộng phục vụ quản lý chất thải rắn thông thường thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

8. Kiểm tra, giám định các công trình quản lý chất thải rắn thông thường của tổ chức, cá nhân trước khi đưa vào sử dụng.

9. Việc vận chuyển chất thải trong đô thị, khu dân cư chỉ được thực hiện theo những tuyến đường được cơ quan có thẩm quyền phân luồng giao thông quy định.

10. Ban hành và thực hiện chính sách ưu đãi, hỗ trợ cho hoạt động quản lý chất thải rắn thông thường theo quy định của pháp luật.

11. Tiếp nhận, giải quyết các tranh chấp, khiếu nại, tố cáo và các yêu cầu kiến nghị về quản lý chất thải rắn thông thường trong phạm vi quyền hạn của địa phương hoặc chuyển đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để giải quyết.

12. Thực hiện xử phạt vi phạm hành chính theo thẩm quyền.

12. Báo cáo định kỳ (6 tháng và hàng năm) với Sở Xây dựng tình hình quản lý chất thải rắn thông thường trên địa bàn địa phương quản lý.

13. Kiểm tra, giám sát và chịu trách nhiệm trước HĐND và UBND tỉnh về tình hình chất lượng vệ sinh môi trường trên địa bàn địa phương quản lý.

**Điều 116. Trách nhiệm của Sở Tài nguyên và Môi trường**

1. Chủ trì phối hợp với UBND cấp huyện trong việc tổ chức tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức cộng đồng trên các phương tiện thông tin đại chúng về nội dung quản lý chất thải rắn thông thường để các đơn vị, tổ chức, cá nhân biết và tự giác chấp hành.
2. Tập huấn, hướng dẫn thực hiện các văn bản pháp luật liên quan đến quản lý chất thải rắn thông thường cho UBND cấp huyện, xã, phường, thị trấn, các cơ quan, đơn vị, tổ chức liên quan về bảo vệ môi trường trong công tác quản lý chất thải rắn thông thường.
3. Kiểm tra và chấn chỉnh việc thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường trong lĩnh vực quản lý chất thải rắn thông thường.
4. Phối hợp với UBND cấp huyện lập kế hoạch và tổ chức thực hiện quy trình quản lý chất thải rắn thông thường.
5. Phối hợp với Sở Xây dựng hướng dẫn UBND cấp huyện trong việc quy hoạch xây dựng các trạm ép rác kín, các khu xử lý, các bãi chôn lấp phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.
6. Thực hiện xử phạt vi phạm hành chính theo thẩm quyền đối với các vi phạm về quản lý chất thải rắn thông thường.
7. Kiểm tra, giám sát và chịu trách nhiệm trước HĐND và UBND tỉnh về tình hình chất lượng vệ sinh môi trường trên địa bàn toàn tỉnh.
8. Thống kê, tổng hợp tình hình quản lý và xử lý chất thải rắn thông thường để báo cáo HĐND và UBND tỉnh theo định kỳ (6 tháng và hàng năm).

**Điều 117. Trách nhiệm của Sở Xây dựng**

1. Hướng dẫn và giúp UBND cấp huyện quy hoạch vị trí các điểm thu gom rác.
2. Phối hợp Sở Tài nguyên và Môi trường trong việc quy hoạch địa điểm xây dựng các công trình phục vụ công tác xử lý rác.
3. Phối hợp với UBND cấp huyện định kỳ (6 tháng và hàng năm) tổ chức thống kê, tổng hợp tình hình quản lý và xử lý chất thải rắn thông thường thông qua Sở Tài nguyên và Môi trường để báo cáo HĐND và UBND tỉnh.
4. Thẩm định quy hoạch và thiết kế xây dựng các dự án yêu cầu chọn vị trí, địa điểm xử lý rác.

**Chương XI  
QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG NGHĨA TRANG**

## **Mục 1**

### **QUẢN LÝ XÂY DỰNG NGHĨA TRANG**

#### **Điều 118. Yêu cầu chung đối với công tác quản lý nghĩa trang**

1. Tất cả các nghĩa trang đều phải quy hoạch và quản lý xây dựng theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
2. Phù hợp với phong tục, tập quán, truyền thống văn hóa, tôn giáo và văn minh hiện đại của từng địa phương.
3. Phù hợp với quy hoạch sử dụng đất.
4. Tiết kiệm đất và đảm bảo các yêu cầu về cảnh quan, bảo vệ môi trường.
5. Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn xây dựng hiện hành.
6. Phải do tổ chức, cá nhân được giao quản lý và bảo vệ.

#### **Điều 119. Sử dụng đất nghĩa trang**

1. Đối với các nghĩa trang được đầu tư xây dựng với mục đích phục vụ công cộng áp dụng hình thức giao đất không thu tiền sử dụng đất.
2. Đối với các nghĩa trang do các tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng với mục đích kinh doanh, tùy theo từng trường hợp mà thu tiền sử dụng đất, thuê hoặc miễn giảm tiền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.
3. Thân nhân người quá cố muốn táng tại nghĩa trang phải thuê đất của các đơn vị quản lý nghĩa trang.

#### **Điều 120. Hỗ trợ, ưu đãi đầu tư xây dựng nghĩa trang**

1. Nhà nước khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư xây dựng nghĩa trang theo quy định của pháp luật.
2. Các tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng nghĩa trang được hỗ trợ và tạo điều kiện ưu đãi như sau:
  - a) Xây dựng các công trình hạ tầng ngoài hàng rào;
  - b) Hỗ trợ một phần kinh phí đền bù, giải phóng mặt bằng;
  - c) Miễn giảm một phần tiền sử dụng đất;
  - d) Được hỗ trợ đầu tư và ưu đãi đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư.

#### **Điều 121. Chính sách xã hội đối với các đối tượng đặc biệt**

1. Người vô gia cư không có thân nhân hoặc có thân nhân nhưng không có điều kiện lo việc táng, khi chết ở địa phương nào thì chính quyền địa phương đó (xã, phường, thị trấn) phải lo toàn bộ chi phí táng theo chế độ quy định hiện hành.

2. Người không có thân nhân sống ở địa phương nào thì khi chết chính quyền địa phương đó phải có trách nhiệm tổ chức táng tại nghĩa trang địa phương đó với chi phí được lấy từ tài sản của người chết hoặc được hỗ trợ từ ngân sách địa phương.

3. Đối với trường hợp thiên tai, dịch bệnh chính quyền địa phương có trách nhiệm hỗ trợ, tổ chức mai táng cho người chết, đảm bảo yêu cầu về an toàn, vệ sinh phòng dịch, hạn chế ô nhiễm môi trường.

4. Đối với các mộ vô chủ hoặc không còn thân nhân chăm sóc, đơn vị quản lý nghĩa trang được phép di chuyển mộ tới vị trí khác trong nghĩa trang hoặc tới các nghĩa trang khác theo quy hoạch.

### **Điều 122. Cải tạo nghĩa trang**

1. Nghĩa trang đang sử dụng nhưng không đảm bảo về cảnh quan, môi trường và hệ thống hạ tầng kỹ thuật theo các quy định về tiêu chuẩn, quy chuẩn xây dựng nghĩa trang hiện hành cần phải tiến hành lập thủ tục đầu tư xây dựng cải tạo nghĩa trang.

2. Các yêu cầu đối với việc cải tạo nghĩa trang:

a) Phải có hệ thống thu gom và xử lý nước đối với nghĩa trang mai táng và nghĩa trang chôn cất một lần;

b) Xây dựng tường rào hoặc hàng rào cây xanh bao quanh và trồng thêm cây xanh trong nghĩa trang;

c) Nâng cấp hệ thống kết cấu hạ tầng nghĩa trang;

d) Đối với diện tích chưa sử dụng phải phân khu táng rõ ràng, thống nhất về hướng mộ, diện tích, kích thước và kiến trúc mộ.

3. Trách nhiệm và nguồn vốn cải tạo nghĩa trang:

a) Các nghĩa trang do chính quyền địa phương quản lý thuộc diện cần cải tạo thì chính quyền địa phương phải bố trí vốn và có trách nhiệm thực hiện;

b) Các nghĩa trang do các tổ chức, cá nhân quản lý thuộc diện cần cải tạo thì chính quyền địa phương chỉ đạo và hướng dẫn các tổ chức cá nhân đó bố trí vốn và thực hiện.

### **Điều 123. Mở rộng và xây dựng mới nghĩa trang**

1. Việc mở rộng và xây mới nghĩa trang được tiến hành đối với:

a) Nghĩa trang được phép sử dụng, đã hết diện tích nhưng có điều kiện mở rộng theo quy hoạch xây dựng đã được cấp thẩm quyền phê duyệt;

b) Nghĩa trang xây dựng mới theo quy hoạch xây dựng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Các yêu cầu đối với việc mở rộng và xây dựng mới:

a) Tuân theo quy hoạch xây dựng nghĩa trang đã được cấp thẩm quyền phê duyệt;

b) Tuân theo các quy định của pháp luật về xây dựng;

c) Tuân theo các quy định tại các điều từ Điều 124 đến Điều 128, Mục 1, Chương XI của Quy định này.

#### **Điều 124. Các khu chức năng và các hạng mục công trình chủ yếu trong nghĩa trang**

1. Các khu chức năng chủ yếu: khu quản trang; khu dành cho các hoạt động tưởng niệm, thờ cúng; khu kỹ thuật và các hạng mục phụ trợ khác.

2. Các hạng mục công trình chủ yếu: nhà tang lễ; nhà làm việc của ban quản lý, bảo vệ, nhà kỹ thuật; nhà tưởng niệm; đài hóa thân; các hạng mục công trình hạ tầng kỹ thuật.

#### **Điều 125. Quy định về diện tích, kích thước mộ**

1. Các mộ trong cùng một nghĩa trang và phục vụ cùng một đối tượng cần phải thống nhất về diện tích đất sử dụng trên cơ sở các điều kiện cụ thể về đất đai, phong tục tập quán, tình hình kinh tế của từng địa phương và do UBND cấp huyện quy định nhưng không được phép lớn hơn  $8\text{m}^2/\text{mộ}$  (kể cả diện tích đường đi chung quanh).

2. Các mộ cùng loại hình táng và phục vụ cho cùng một đối tượng phải thống nhất về kích thước sử dụng với chiều cao không quá 1m.

#### **Điều 126. Quy định về kiến trúc công trình trong nghĩa trang**

1. Các mộ trong cùng một nghĩa trang và phục vụ cùng một đối tượng cần phải thống nhất về kiến trúc bia mộ cũng như hình thức và nội dung thể hiện trên bia mộ.

2. Các công trình kiến trúc khác như: nhà tưởng niệm, đài tưởng niệm, phù điêu, tranh tượng trong nghĩa trang phải thiết kế phù hợp với tín ngưỡng, kiến trúc truyền thống, lịch sử và bản sắc địa phương.

3. Sở Xây dựng ban hành thiết kế các mẫu mộ, bia mộ và hướng dẫn thiết kế kiến trúc công trình trong nghĩa trang.

#### **Điều 127. Quy định về hạ tầng kỹ thuật**

Các nghĩa trang xây dựng mới phải xây dựng đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật, đặc biệt là cây xanh cách ly và hệ thống thu gom và xử lý nước đối với các nghĩa trang

mai táng và nghĩa trang chôn cất một lần phải tuân thủ theo quy hoạch xây dựng nghĩa trang được duyệt.

### **Điều 128. Quy định về bảo vệ cảnh quan môi trường**

1. Các nghĩa trang xây dựng mới phải đảm bảo các tiêu chuẩn về khoảng cách ly đối với khu dân cư và các khu chức năng khác của đô thị.

2. Các nghĩa trang phải có tường rào hoặc hàng rào cây xanh bao quanh với chiều cao tối thiểu là 2m.

### **Điều 129. Đóng cửa nghĩa trang**

1. Các nghĩa trang phải đóng cửa:

a) Nghĩa trang không phù hợp với quy hoạch xây dựng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Gây tác động xấu đến cảnh quan, môi trường mà không có khả năng khắc phục hoặc đã hết diện tích sử dụng và không có điều kiện mở rộng diện tích.

2. Các yêu cầu đối với việc đóng cửa nghĩa trang:

a) Phải có dự án đóng cửa nghĩa trang được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Phải cải tạo, chỉnh trang lại hệ thống hạ tầng kỹ thuật, mộ chí cũng như các công trình trong nghĩa trang, đặc biệt là trồng thêm cây xanh trong và chung quanh trước khi đóng cửa nghĩa trang;

c) Các nghĩa trang trong đô thị hoặc trong khu dân cư phải có tường rào hoặc hàng rào cây xanh bao quanh với chiều cao đủ đảm bảo cho dân cư xung quanh không bị ảnh hưởng.

### **Điều 130. Di chuyển nghĩa trang**

1. Các nghĩa trang phải di chuyển:

a) Nằm trong nội thị, nội thành đã đóng cửa nhưng vẫn gây tác động đến cảnh quan, ở vị trí gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng không có khả năng khắc phục;

b) Thuộc dự án phát triển đô thị theo quy hoạch xây dựng được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Các yêu cầu đối với việc di chuyển nghĩa trang:

a) Phải lập kế hoạch di chuyển nghĩa trang, xác định rõ thời hạn, trách nhiệm và nguồn vốn cho di chuyển;

b) Phải di dời vào các nghĩa trang được xây dựng theo quy hoạch;

c) Phải đảm bảo các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong quá trình di chuyển.

**Điều 131. Trách nhiệm và nguồn vốn thực hiện việc đóng cửa và di chuyển nghĩa trang**

1. Chính quyền địa phương bố trí vốn và có trách nhiệm thực hiện việc đóng cửa và di chuyển nghĩa trang do địa phương quản lý.

2. Các nghĩa trang do các tổ chức, cá nhân quản lý thì các tổ chức cá nhân đó phải bố trí vốn, chính quyền địa phương có trách nhiệm chỉ đạo và hướng dẫn thực hiện việc đóng cửa và di chuyển nghĩa trang.

3. Các nghĩa trang phải di chuyển nằm trong khu đất giải toả để xây dựng khu đô thị hoặc các công trình công cộng thì nguồn vốn thực hiện được tính trong tổng mức đầu tư của dự án đầu tư xây dựng khu đô thị hoặc các công trình công cộng đó.

**Mục 2**  
**QUẢN LÝ VÀ DỊCH VỤ NGHĨA TRANG**

**Điều 132. Xác định đơn vị quản lý nghĩa trang**

1. Đối với nghĩa trang do nhà nước đầu tư thì nhà nước xác định đơn vị quản lý và dịch vụ nghĩa trang.

2. Đối với nghĩa trang do doanh nghiệp đầu tư thì doanh nghiệp trực tiếp quản lý hoặc thuê quản lý.

**Điều 133. Nội dung quản lý nghĩa trang**

1. Quản lý sử dụng đất nghĩa trang theo tiêu chuẩn quy phạm.

2. Tổ chức xây dựng mộ phần và các công trình khác trong nghĩa trang; tuân thủ các quy định về sử dụng đất, hình thức kiến trúc và thiết kế được phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng.

3. Định kỳ chăm sóc mộ, duy tu bảo dưỡng các công trình trong nghĩa trang.

4. Đảm bảo các quy định về vệ sinh môi trường trong nghĩa trang.

5. Lập hồ sơ quản lý nghĩa trang bao gồm sổ theo dõi số người an táng và sơ đồ quản lý mộ.

6. Xây dựng biển báo, biển chỉ dẫn đến từng khu mộ, lô mộ, hàng mộ và mộ.

7. Đơn vị quản lý nghĩa trang có trách nhiệm lập và lưu trữ hồ sơ nghĩa trang.

**Điều 134. Bảo trì các công trình trong nghĩa trang**

1. Yêu cầu bảo trì:

Các công trình trong nghĩa trang phải được bảo trì thường xuyên theo chế độ bảo trì; thường xuyên kiểm tra, theo dõi các công trình trong nghĩa trang để có kế hoạch sửa chữa kịp thời.

## 2. Trách nhiệm:

Đơn vị quản lý, sử dụng nghĩa trang có trách nhiệm tổ chức thực hiện bảo trì các công trình trong nghĩa trang; cơ quan quản lý xây dựng cấp huyện có trách nhiệm thường xuyên kiểm tra việc thực hiện công tác bảo trì của đơn vị quản lý nghĩa trang.

3. Kinh phí bảo trì lấy từ nguồn kinh phí thuê đất nghĩa trang của thân nhân người chết và tiền dịch vụ thu được từ hoạt động dịch vụ nghĩa trang.

## **Điều 135. Các loại dịch vụ nghĩa trang**

1. Tổ chức tang lễ và thực hiện việc chôn cất thi hài, hài cốt.
2. Xây mộ, bốc mộ, chăm sóc mộ, tu sửa mộ theo nhu cầu.
3. Dịch vụ phục vụ việc thăm viếng của thân nhân người chết.

## **Điều 136. Quản lý chi phí dịch vụ nghĩa trang**

### 1. Nguyên tắc tính giá dịch vụ nghĩa trang:

a) Giá các loại dịch vụ nghĩa trang phải được tính đúng, tính đủ các yếu tố chi phí đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đơn vị cung cấp và khách hàng sử dụng dịch vụ, có xét đến hỗ trợ cho người nghèo;

b) Giá các loại dịch vụ nghĩa trang được xác định phù hợp với đặc điểm kinh tế xã hội và điều kiện hạ tầng kỹ thuật của từng nghĩa trang;

c) Giá dịch vụ nghĩa trang được xác định không phân biệt đối tượng sử dụng.

### 2. Thẩm quyền quyết định giá dịch vụ nghĩa trang:

a) Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành khung giá dịch vụ nghĩa trang tại các đô thị trên địa bàn tỉnh theo đề nghị của Sở Tài chính;

b) Đơn vị cung cấp dịch vụ nghĩa trang tự quyết định giá các loại dịch vụ đảm bảo phù hợp với khung giá dịch vụ nghĩa trang đã được UBND tỉnh ban hành.

## **Điều 137. Quyền và nghĩa vụ của đơn vị quản lý, cung cấp dịch vụ nghĩa trang**

### 1. Quyền của đơn vị quản lý, cung cấp dịch vụ nghĩa trang:

a) Hoạt động kinh doanh cung cấp dịch vụ nghĩa trang theo các quy định;

b) Đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét sửa đổi, bổ sung các cơ chế chính sách, tiêu chuẩn, định mức kinh tế kỹ thuật có liên quan đến nghĩa trang;

c) Được bồi thường thiệt hại do bên sử dụng dịch vụ gây ra theo quy định của pháp luật;

d) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Nghĩa vụ của đơn vị quản lý, cung cấp dịch vụ nghĩa trang:

a) Thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;

b) Bảo đảm cung cấp dịch vụ nghĩa trang cho khách hàng, đáp ứng các tiêu chuẩn về chất lượng dịch vụ theo hợp đồng;

c) Yêu cầu bên sử dụng dịch vụ thanh toán tiền dịch vụ theo thời hạn và phương thức thỏa thuận đã ghi trong hợp đồng;

d) Bồi thường thiệt hại do lỗi mình gây ra;

e) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

### **Điều 138. Quyền và nghĩa vụ của khách hàng sử dụng dịch vụ nghĩa trang**

1. Quyền của khách hàng sử dụng dịch vụ nghĩa trang:

a) Được cung cấp đầy đủ, kịp thời các loại dịch vụ, đảm bảo về chất lượng dịch vụ đã thỏa thuận;

b) Được cung cấp hoặc giới thiệu thông tin các loại dịch vụ nghĩa trang;

c) Được bồi thường thiệt hại do bên cung cấp dịch vụ gây ra theo quy định của pháp luật;

d) Yêu cầu bên cung cấp dịch vụ kiểm tra chất lượng dịch vụ, số tiền dịch vụ phải thanh toán;

e) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Nghĩa vụ của khách hàng sử dụng dịch vụ nghĩa trang:

a) Tuân thủ đầy đủ các nội quy của nghĩa trang;

b) Thanh toán tiền dịch vụ đầy đủ, đúng thời hạn theo thỏa thuận;

c) Thông báo kịp thời cho bên cung cấp dịch vụ khi thấy các hiện tượng bất thường có thể ảnh hưởng đến chất lượng dịch vụ;

d) Bồi thường thiệt hại do lỗi khách hàng gây ra;

e) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

**Chương X**  
**CÔNG TÁC LẬP HỒ SƠ HOÀN CÔNG, LƯU TRỮ HỒ SƠ,**  
**NGHIỆM THU BÀN GIAO, BẢO HÀNH VÀ BẢO TRÌ**  
**CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG KỸ THUẬT ĐÔ THỊ**

**Điều 139. Mục đích yêu cầu**

1. Công tác lập hồ sơ hoàn công, lưu trữ hồ sơ, nghiệm thu bàn giao, bảo hành và bảo trì công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị phải đảm bảo theo đúng trình tự pháp luật quy định, nhằm thống nhất việc quản lý, khai thác, vận hành đạt hiệu quả, đúng với khả năng thực tế của các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị trên địa bàn tỉnh.

2. Phục vụ cho các cơ quan, đơn vị có nhu cầu thu thập số liệu; giám định sự cố kỹ thuật và giải quyết tranh chấp phát sinh liên quan đến công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị.

3. Đảm bảo đáp ứng tốt cho công tác quản lý, bảo trì và khai thác các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị tại các đô thị trên địa bàn tỉnh.

**Điều 140. Công tác lập hồ sơ hoàn công và lưu trữ hồ sơ thiết kế, hồ sơ hoàn công**

1. Trách nhiệm lập hồ sơ hoàn công:

Hồ sơ hoàn công là cơ sở để tổ chức nghiệm thu, bàn giao, đưa công trình vào khai thác, sử dụng. Do vậy, chủ đầu tư có trách nhiệm phối hợp với các nhà thầu tư vấn xây dựng, nhà thầu thi công xây dựng lập hồ sơ hoàn công công trình. Trong đó, bản vẽ hoàn công do nhà thầu thi công có trách nhiệm lập theo quy định tại Điều 27 của Nghị định số 209/2004/NĐ-CP, ngày 16 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ, về Quản lý chất lượng công trình xây dựng.

2. Thành phần hồ sơ hoàn công:

Tuân thủ theo danh mục hồ sơ pháp lý và tài liệu quản lý chất lượng được quy định tại Phụ lục số 3 của Thông tư số 12/2005/TT-BXD ngày 15 tháng 7 năm 2005 của Bộ Xây dựng, về hướng dẫn một số nội dung về quản lý chất lượng công trình xây dựng và điều kiện năng lực của tổ chức, cá nhân trong hoạt động xây dựng.

3. Hình thức, quy cách lưu trữ hồ sơ thiết kế, hồ sơ hoàn công: hồ sơ được bảo quản trong hộp theo khổ A4 theo quy định tại Mục 2, Phần II của Thông tư số 02/2006/TT-BXD, ngày 17 tháng 5 năm 2006 của Bộ Xây dựng, về hướng dẫn lưu trữ hồ sơ thiết kế, bản vẽ hoàn công công trình xây dựng. Ngoài ra có thể lưu trữ dưới dạng: băng từ, đĩa từ hoặc vật mang tin phù hợp, thể hiện đầy đủ thành phần và nội dung hồ sơ lưu trữ theo quy định hiện hành.

#### 4. Cơ quan, đơn vị có trách nhiệm lưu trữ hồ sơ:

Ngoài việc lưu trữ hồ sơ thiết kế, hồ sơ hoàn công của chủ đầu tư hoặc chủ quản lý, sử dụng và các chủ thể tham gia hoạt động xây dựng; nhà thầu tư vấn thiết kế, nhà thầu thi công xây dựng thì các cơ quan sau đây có trách nhiệm lưu trữ hồ sơ hoàn công:

- Cơ quan lưu trữ nhà nước cấp tỉnh, đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, II được xây dựng trên địa bàn.

- Cơ quan lưu trữ nhà nước cấp huyện, đối với công trình cấp III, IV được xây dựng trên địa bàn.

- Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng công trình, đối với mọi công trình.

#### 5. Thời hạn lưu trữ:

- Đối với chủ đầu tư hoặc chủ quản lý, sử dụng công trình, cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng, cơ quan lưu trữ nhà nước thì thời hạn lưu trữ theo tuổi thọ của công trình.

- Đối với nhà thầu tư vấn thiết kế, nhà thầu thi công xây dựng thì thời hạn lưu trữ là 10 năm, kể từ khi kết thúc bảo hành công trình.

- Chậm nhất 03 tháng, kể từ khi công trình được nghiệm thu và bàn giao công trình đưa vào khai thác, sử dụng. Chủ đầu tư phải nộp hồ sơ lưu trữ vào cơ quan lưu trữ nhà nước và cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng công trình.

#### **Điều 141. Công tác nghiệm thu**

Để công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị đảm bảo chất lượng và tuân thủ quy định quản lý chất lượng công trình, chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức nghiệm thu công trình theo quy định tại các Điều 23, 24, 25, 26 của Nghị định số 209/2004/NĐ-CP, ngày 16 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ, về Quản lý chất lượng công trình xây dựng.

#### **Điều 142. Công tác bàn giao công trình**

Công tác bàn giao chỉ thực hiện khi chủ đầu tư công trình và chủ quản lý, sử dụng là khác nhau.

##### 1. Nguyên tắc bàn giao:

Các công trình, hạng mục công trình thực hiện bàn giao khi đã tổ chức nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng theo đúng quy định của pháp luật và đảm bảo đủ điều kiện để đưa công trình vào khai thác, vận hành.

##### 2. Thành phần tham gia bàn giao:

- Thành phần chính:

- + Bên giao: chủ đầu tư;
- + Bên nhận: chủ quản lý, sử dụng.
- Thành phần tham dự:
  - + Cơ quan cấp giấy phép xây dựng;
  - + Phòng Quản lý xây dựng cấp huyện;
  - + Các chủ thể tham gia xây dựng công trình, gồm: nhà thầu tư vấn thiết kế, nhà thầu tư vấn giám sát, nhà thầu thi công xây dựng, nhà thầu cung cấp thiết bị (nếu có).

### 3. Nội dung bàn giao:

Chủ đầu tư (bên giao) trao cho đơn vị quản lý, sử dụng (bên nhận) một bộ hồ sơ, tài liệu hoàn thành công trình, gồm:

- Hồ sơ pháp lý và tài liệu quản lý chất lượng được quy định tại Phụ lục số 3 của Thông tư số 12/2005/TT-BXD, ngày 15 tháng 7 năm 2005 của Bộ Xây dựng, về hướng dẫn một số nội dung về quản lý chất lượng công trình xây dựng và điều kiện năng lực của tổ chức, cá nhân trong hoạt động xây dựng; đồng thời tuân thủ theo các tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam quy định cho từng loại công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị.

- Kiểm tra thực tế hiện trường: căn cứ theo hồ sơ thiết kế, bản vẽ hoàn công, các tiêu chuẩn xây dựng và các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành, các bên giao - nhận thực hiện việc đánh giá chất lượng công trình và lập biên bản bàn giao, trong đó ghi nhận những vấn đề còn tồn tại mà các bên cần giải quyết, khắc phục trong thời gian nhất định.

Ngoài ra, tùy công trình mà chủ đầu tư (bên giao) phải có trách nhiệm thực hiện một số nội dung trước khi tiến hành bàn giao như sau:

#### 1. Đối với công trình hoặc hạng mục công trình giao thông đô thị:

a) Có đầy đủ hệ thống biển báo hiệu đường bộ theo đúng nội dung Điều lệ Báo hiệu đường bộ ban hành kèm theo Quyết định số 4393/2001/QĐ-BGTVT, ngày 20 tháng 12 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải bao gồm: biển báo hiệu các loại, vạch kẻ đường, tín hiệu đèn giao thông (nếu có) và các công trình phụ trợ khác nhằm tăng cường đảm bảo an toàn giao thông;

b) Về yêu cầu chung, nội dung, số lượng, trách nhiệm và quy cách lập hồ sơ hoàn công theo hướng dẫn lập hồ sơ hoàn công công trình giao thông cầu đường bộ (ban hành kèm theo Quyết định số 2578/1998/QĐ-GTVT-CGD, ngày 14 tháng 10 năm 1998 của Bộ Giao thông vận tải);

c) Đối với các công trình cầu lớn, công trình áp dụng công nghệ mới phải có các tài liệu liên quan đến công nghệ và chuyển giao công nghệ thi công, qui trình bảo trì

công trình khi vận hành, khai thác sử dụng theo Quyết định số 2177/2003/QĐ-BGTVT, ngày 29 tháng 7 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc bổ sung nội dung, danh mục hồ sơ hoàn công công trình giao thông, cầu đường bộ.

2. Đối với công trình điện chiếu sáng công cộng, trường hợp phải bàn giao tạm thời cho đơn vị quản lý, vận hành, khai thác phải đảm bảo các yêu cầu:

a) Phải được nghiệm thu kỹ thuật theo đúng quy định chuyên ngành;

b) Có tủ điện điều khiển riêng;

c) Công trình có nhiều tuyến thì bàn giao từng tuyến hoàn chỉnh, công trình lớn bàn giao từng tủ điều khiển nhưng phải đảm bảo đã hoàn thành trên 60% khối lượng;

d) Sau 01 (một) tháng vận hành thử;

đ) Lập biên bản giao nhận cụ thể vật tư, thiết bị điện đã được lắp đặt;

e) Khi có hư hỏng tại tủ điều khiển hoặc trên tuyến kê cả bóng đèn, đơn vị trực tiếp tiếp nhận quản lý thông báo cho chủ đầu tư, ban quản lý dự án để yêu cầu đơn vị thi công sửa chữa, trường hợp không sửa chữa được thì chủ đầu tư, ban quản lý dự án sẽ ký hợp đồng với đơn vị khác để sửa chữa và khấu trừ giá thành vào công trình;

g) Đối với công trình điện chiếu sáng công cộng cần đóng điện kịp thời phục vụ nhân dân khi chưa có nguồn cấp điện theo thiết kế được duyệt thì được đấu nối để sử dụng tạm thời trong các trường hợp sau:

- Điểm đấu nối vào là lưới điện chiếu sáng công cộng đang vận hành thì chủ đầu tư, ban quản lý dự án phối hợp với Công ty TNHH một thành viên Phát triển nhà và Công trình đô thị (đối với thành phố Tuy Hòa) và Phòng Hạ tầng kinh tế (đối với các huyện) để tính toán cắt giảm số lượng bóng đèn sáng hoặc tắt hợp lý để đảm bảo điện áp của lưới;

- Điểm đấu nối vào là tại công tơ riêng, sau khi ký hợp đồng mua bán điện với Điện lực Phú Yên tại vị trí không đúng hồ sơ thiết kế được duyệt, chủ đầu tư hoặc ban quản lý dự án phải tính toán đủ điện áp đèn chiếu sáng để có cơ sở bàn giao tạm thời cho Công ty TNHH một thành viên Phát triển nhà và Công trình đô thị (đối với thành phố Tuy Hòa) và Phòng Hạ tầng kinh tế (đối với các huyện) quản lý, sử dụng;

- Chủ đầu tư, ban quản lý dự án có trách nhiệm hoàn chỉnh điểm đấu nối đúng theo thiết kế được duyệt và bàn giao cho Công ty TNHH một thành viên Phát triển nhà và Công trình đô thị (đối với thành phố Tuy Hòa) và Phòng Hạ tầng kinh tế (đối với các huyện);

h) Hiệu lực thời gian bàn giao tạm thời không quá 02 (hai) tháng;

i) Sau thời gian bàn giao tạm thời chủ đầu tư hoặc ban quản lý dự án phải tổ chức bàn giao chính thức cho đơn vị quản lý, vận hành, khai thác. Quá thời hạn nêu trên, đơn vị trực tiếp tiếp nhận bàn giao có văn bản báo cáo. Chủ đầu tư hoặc ban quản lý dự án sẽ chịu trách nhiệm quản lý và vận hành công trình này và đồng thời đề nghị các cơ quan liên quan không cho đơn vị thi công không tham gia thi công các công trình điện chiếu sáng trên địa bàn;

k) Chủ đầu tư, ban quản lý dự án phải lập thủ tục bàn giao hợp đồng mua bán điện với Điện lực Phú Yên cho Công ty TNHH một thành viên Phát triển nhà và Công trình đô thị (đối với thành phố Tuy Hòa) và Phòng Hạ tầng kinh tế (đối với các huyện); trong thời gian tiếp nhận bàn giao tạm thời và chính thức Công ty TNHH một thành viên Phát triển nhà và Công trình đô thị (đối với thành phố Tuy Hòa) và Phòng Hạ tầng kinh tế (đối với các huyện) chịu trách nhiệm chi trả tiền điện sau khi có ý kiến chấp thuận của UBND tỉnh theo đề nghị của UBND huyện.

### 3. Đối với công trình hoặc hạng mục công trình công viên cây xanh:

a) Phải xác định nguồn gốc, xuất xứ của cây trồng, cây không mang mầm mống sâu bệnh, đảm bảo không ô nhiễm môi trường. Cây được nhập từ nước ngoài về phải được kiểm dịch và tuân thủ các quy định của Pháp lệnh Giống cây trồng;

b) Chúng loại cây trồng phải phù hợp với các quy định về đề án quy hoạch và phát triển cây xanh đường phố tại các đô thị trên địa bàn tỉnh do cấp có thẩm quyền quyết định;

c) Chúng loại cây được chọn trồng phải phù hợp với điều kiện đất đai, thổ nhưỡng, khí hậu của khu vực thi công. Đặc biệt phù hợp với cấu trúc của cơ sở hạ tầng và không gian để tán cây phát triển. Đồng thời cây mới trồng phải được bảo vệ, chống giữ thân chắc chắn, ngay thẳng đảm bảo cây sinh trưởng tốt;

d) Cây trồng phải đảm bảo theo tiêu chuẩn quy định hiện hành; ngoài ra, cây xanh được trồng theo dọc đường dây dẫn điện phải đảm bảo hành lang an toàn lưới điện theo qui định của Nghị định số 106/2005/NĐ-CP, ngày 17 tháng 8 năm 2005 của Chính phủ;

đ) Cây hoa, cây bụi; cây không có gai sắc nhọn, hoa quả có mùi hắc, bố cục phù hợp với qui hoạch được duyệt; cây cỏ lá, màu sắc hoa phong phú theo 4 mùa, sử dụng nghệ thuật phối ghép cây với cây, cây với công trình chung quanh hợp lý tạo nên sự hài hoà;

e) Các thiết bị phục vụ vui chơi và các thiết bị phụ trợ trước khi lắp đặt có hồ sơ thiết kế kỹ thuật - dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đơn vị tư vấn thiết kế phải xây dựng cụ thể các bước nghiệm thu công trình, kiểm định vật tư, thiết bị đúng theo quy định hiện hành của nhà nước. Sau khi đã hoàn thành đưa vào khai thác, sử dụng, bàn

giao công trình phải có quy trình bảo dưỡng, bảo trì công trình đưa vào khai thác sử dụng. Trường hợp thiết bị sử dụng công nghệ mới thực hiện theo khoản 5 của Điều này (phải cụ thể về công tác sử dụng, vận hành, nội quy đối tượng được phục vụ, cụ thể về thời gian công tác bảo dưỡng, bảo trì thường xuyên và định kỳ công trình khi vận hành, khai thác sử dụng, bậc nghề chuyên môn để thực hiện).

4. Đối với công trình hoặc hạng mục công trình thoát nước đô thị (gồm toàn bộ mạng lưới cống ngầm, hồ điều hoà, hồ thu nước, giếng thăm các cửa xả, hồ ao, hồ ga, cống rãnh, kênh thoát nước, trạm xử lý nước thải, hệ thống thu gom nước thải, các công trình phụ trợ thoát nước quanh hồ, dọc bờ kênh, mương thoát nước):

Công trình hoặc hạng mục công trình được tiến hành bàn giao sau khi đã tháo dỡ ván khuôn, các thanh chống, nạo vét sạch sẽ và không bị cản dòng chảy do bố trí các công trình phụ trợ khác (có biên bản kiểm tra và xác nhận của đơn vị trực tiếp quản lý, khai thác).

5. Đối với các công trình hoặc hạng mục công trình cơ sở hạ tầng giao thông đô thị được áp dụng công nghệ mới để thi công, thì phải bàn giao các tài liệu liên quan đến công nghệ và chuyển giao công nghệ thi công, qui trình bảo trì công trình khi vận hành, khai thác sử dụng và chủ đầu tư tổ chức lớp tập huấn chuyển giao công nghệ hoặc bảo trì cho bên nhận quản lý, sử dụng.

6. Để tiến hành kiểm tra thực tế hiện trường, các ban quản lý dự án (hoặc chủ đầu tư) gửi tài liệu, hồ sơ hoàn công công trình xây dựng về các đơn vị trực tiếp quản lý theo phân cấp như sau:

- Sở Xây dựng đối với các công trình, hạng mục công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị trên địa bàn thành phố Tuy Hòa;

- Phòng Quản lý xây dựng cấp huyện đối với các công trình, hạng mục công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị thuộc các đô thị do các huyện quản lý.

#### **Điều 143. Bảo hành công trình hoặc hạng mục công trình**

Công trình, hạng mục công trình xây mới hoặc cải tạo, sửa chữa đều phải thực hiện công tác bảo hành công trình xây dựng theo quy định tại Điều 29, 30 của Nghị định số 209/2004/NĐ-CP, ngày 16 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ, về Quản lý chất lượng công trình xây dựng.

#### **Điều 144. Bảo trì công trình hoặc hạng mục công trình**

Sở Xây dựng tham mưu UBND tỉnh thống nhất quản lý nhà nước về công tác bảo trì công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị trên địa bàn tỉnh, các sở có quản lý công trình xây dựng chuyên ngành có trách nhiệm quản lý công tác bảo trì các công trình xây dựng chuyên ngành.

Các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị thực hiện công tác bảo trì theo quy định tại Điều 31, 32, 33 của Nghị định số 209/2004/NĐ-CP, ngày 16 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ, về Quản lý chất lượng công trình xây dựng và Thông tư số 08/2006/TT-BXD, ngày 24 tháng 11 năm 2006 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn công tác bảo trì công trình xây dựng.

Chủ sở hữu, chủ đầu tư hoặc chủ quản lý, sử dụng có trách nhiệm thực hiện công tác bảo trì công trình.

#### 1. Trình tự thực hiện:

- Đối với công trình xây dựng mới, việc thực hiện bảo trì theo quy trình do nhà thầu tư vấn thiết kế lập.

- Đối với công trình đang sử dụng nhưng chưa có quy trình bảo trì, chủ đầu tư, chủ quản lý, sử dụng phải thuê tổ chức kiểm định chất lượng công trình có đủ điều kiện năng lực kiểm định, đánh giá chất lượng và lập quy trình bảo trì.

- Hoạt động kiểm tra, đánh giá chất lượng công trình là nhằm ngăn ngừa sự xuống cấp của công trình, được thực hiện như sau:

+ Kiểm tra thường xuyên: do chủ đầu tư, chủ sở hữu hoặc chủ quản lý, sử dụng thực hiện thường xuyên để phát hiện kịp thời dấu hiệu xuống cấp công trình.

+ Kiểm tra định kỳ: do các tổ chức và chuyên gia chuyên ngành có năng lực phù hợp với loại và cấp công trình thực hiện theo yêu cầu của chủ đầu tư, chủ sở hữu hoặc chủ quản lý, sử dụng. Thời hạn không quá 05 năm/01 lần.

+ Kiểm tra đột xuất: do chủ đầu tư, chủ sở hữu hoặc chủ quản lý, sử dụng tiến hành sau khi có sự cố bất thường như: bão lụt, hỏa hoạn, động đất,... Nếu công việc có yêu cầu kỹ thuật phức tạp thì chủ đầu tư, chủ sở hữu hoặc chủ quản lý, sử dụng thuê chuyên gia có đủ điều kiện năng lực thực hiện.

#### 2. Nguồn kinh phí thực hiện công tác bảo trì:

Thực hiện theo quy định tại Mục 6, Phần I của Thông tư số 08/2006/TT-BXD, ngày 24 tháng 11 năm 2006 của Bộ Xây dựng, về hướng dẫn công tác bảo trì công trình xây dựng.

## **Chương XI TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **Điều 147. Khen thưởng và xử lý vi phạm**

1. Các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động quản lý cơ sở hạ tầng kỹ thuật phải tuân thủ quy định này và chịu sự quản lý, chỉ đạo, giám sát của các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành, HĐND và UBND các cấp, cũng như chịu sự giám sát của nhân dân.

2. Nhà nước khuyến khích các thành phần kinh tế trong xã hội tham gia vào các tổ chức hoạt động có liên quan đến việc sử dụng, khai thác và vận hành các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị.

3. Các tổ chức, cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, có đóng góp công sức của cải trong hoạt động quản lý khai thác, sử dụng và vận hành các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị; có công phát hiện, tố giác và ngăn chặn hành vi xâm phạm, phá hoại công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị được khen thưởng theo quy định của pháp luật về khen thưởng.

4. Mọi hành vi vi phạm Quy định này đều bị xử lý theo pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính theo từng lĩnh vực: xây dựng; đất đai; giao thông đường bộ; điện lực; bưu chính, viễn thông; bảo vệ môi trường; trường hợp nghiêm trọng sẽ bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

#### **Điều 148. Điều khoản thi hành**

Quy định này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký quyết định ban hành. Giám đốc các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện và thành phố Tuy Hòa theo chức năng nhiệm vụ của mình có trách nhiệm hướng dẫn tổ chức, tuyên truyền rộng rãi trong nhân dân, kiểm tra đôn đốc việc thực hiện Quy định này. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề gì vướng mắc, các ngành, các cấp, các tổ chức, cá nhân phản ánh về Sở Xây dựng để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh xem xét điều chỉnh, bổ sung./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Phạm Ngọc Chi**

**PHỤ LỤC**  
**Thông kê và giải thích từ ngữ**

**Chương II. QUẢN LÝ HỆ THỐNG ĐƯỜNG ĐÔ THỊ**

**1. Hệ thống đường đô thị:** các đường nằm trong phạm vi địa giới hành chính nội thành, nội thị.

**2. Hành lang an toàn đường đô thị:** bề rộng của vỉa hè hoặc bề rộng tính từ mép đường đến chi giới xây dựng của đường theo đồ án quy hoạch xây dựng được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

**3. Công trình đường đô thị:** bao gồm nền đường, mặt đường, hè phố, điểm dừng xe, đỗ xe trên đường, cầu, cống, kè, tường chắn, đèn tín hiệu, biển báo hiệu, cọc tiêu, đảo giao thông, dải phân cách và các công trình, thiết bị phụ trợ khác.

**4. Đất của đường đô thị:** phần diện tích đất giao thông dùng để xây dựng công trình đường đô thị được xác định trong đồ án quy hoạch xây dựng đô thị được cấp thẩm quyền phê duyệt và được sử dụng, khai thác phục vụ cho mục đích chính là an toàn giao thông đô thị.

**5. Phần trên không:** phần giới hạn chiều cao tối thiểu tính từ cao độ mặt đường hoặc cao độ mặt hành lang an toàn đường đô thị đến mép dưới thấp nhất của công trình.

**6. Đào đường:** là việc đào, khoan, cắt, đục lỗ,... ở lòng đường, lề đường, vỉa hè, hẻm phố.

**7. Tái lập mặt đường:** khôi phục lại kết cấu của lòng đường, lề đường, vỉa hè và hẻm phố có chất lượng tốt hơn hiện trạng ban đầu.

**8. Công trình ngầm:** công trình dưới mặt đất, mặt nước, bao gồm: các công trình điện, viễn thông, chiếu sáng, cấp nước, thoát nước,... đặt dưới lòng đường, lề đường, vỉa hè.

**9. Áo đường:** toàn bộ kết cấu vật liệu mặt đường tính từ lớp vật liệu cấu tạo nền đường.

**10. Bù lún:** đắp bù những chỗ bị lún trên mặt đường tại vị trí có các rãnh đào được tái lập.

**11. Lấn phui:** bề rộng rãnh đào sau khi được tái lập hoàn chỉnh.

**Chương III. QUẢN LÝ HỆ THỐNG CẤP NƯỚC**

**1. Đơn vị cấp nước:** tổ chức, cá nhân thực hiện một phần, hoặc tất cả các hoạt động khai thác, sản xuất, chuyên dẫn, bán buôn và bán lẻ nước sạch.

**2. Khách hàng sử dụng nước:** tổ chức, cá nhân sử dụng nước của đơn vị cấp nước.

**3. Mạng lưới đường ống cấp nước:** mạng lưới đường ống cấp nước dẫn nước sạch từ nơi sản xuất đến nơi tiêu thụ, bao gồm mạng cấp I, mạng cấp II, mạng cấp III và các công trình phụ trợ có liên quan.

**4. Mạng cấp I:** hệ thống đường ống chính có chức năng vận chuyển nước từ công trình thu đến khu xử lý và tới các khu vực của vùng phục vụ cấp nước.

**5. Mạng cấp II:** hệ thống đường ống nối có chức năng điều hòa lưu lượng cho các tuyến ống chính và bảo đảm sự làm việc an toàn của hệ thống cấp nước.

**6. Mạng cấp III:** hệ thống các đường ống phân phối lấy nước từ các đường ống chính và ống nối dẫn nước tới các khách hàng sử dụng nước.

**7. Công trình phụ trợ:** các công trình hỗ trợ cho việc quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa đối với hệ thống cấp nước như sân, đường, nhà, xưởng, tường rào, trạm biến áp, các loại hố van, hộp đồng hồ, trụ nước chữa cháy,...

**8. Sử dụng nước trái pháp luật:** hành vi lấy nước sạch trái phép của đơn vị cung cấp nước sạch không qua đồng hồ nước, tác động nhằm làm sai lệch chỉ số đo đếm của đồng hồ và các thiết bị khác có liên quan đến đo, đếm nước, cố ý hoặc thông đồng ghi sai chỉ số đồng hồ và các hành vi lấy nước gian lận khác.

**9. Ống nhánh:** đường ống nước nối từ ống chính của đơn vị cấp nước vào đồng hồ nước.

**10. Đường ống chuyên tải nước thô:** đường ống dẫn nước chưa qua quá trình xử lý.

**11. Đường ống chuyên tải nước sạch:** đường ống dẫn nước đã qua quá trình xử lý.

**12. Hệ thống cấp nước:** các công trình thu nước, trạm bơm, nhà máy xử lý nước và mạng lưới cấp nước.

**13. Đồng hồ nước:** phương tiện để đo lượng nước tiêu thụ tính bằng (m<sup>3</sup>).

**14. Công trình thu và Trạm bơm:** nơi cung cấp nguồn nước về khu xử lý.

**15. Nhà máy xử lý nước:** nơi tiếp nhận nguồn nước thô để xử lý thành nước sạch.

**16. Khu vực nhà máy xử lý nước:** khu vực gồm nhà máy xử lý, trạm bơm cấp 2 và các công trình phụ trợ.

**17. Giếng nước ngầm:** giếng khoan khai thác nước dưới đất.

**18. Đài nước, bể chứa nước:** nơi chứa nước sạch để phân phối điều hòa áp lực cho mạng lưới cấp nước.

**19. Trạm tăng áp:** trạm bơm cục bộ nhằm tăng áp lực cho những khu vực có áp lực nước yếu hoặc thiếu.

**20. “kg/cm<sup>2</sup>”:** đơn vị tính của đồng hồ đo áp lực, tương đương với cột nước cao 10 mét (tính từ vị trí đặt đồng hồ đo áp lực).

**21. Hồ van:** nơi chứa các van xả gió, van xả bùn, van trên đường ống, van lấy nước, và các thiết bị, phụ tùng quản lý mạng.

**22. Phương pháp tính lượng nước trung bình:** phương pháp tính trung bình cộng lượng nước khách hàng đã sử dụng trong hai kỳ hóa đơn liên trước đó.

**23. Kỳ hóa đơn:** lần thanh toán tiền nước của khách hàng cho thời gian sử dụng trước đó, khoảng cách giữa mỗi kỳ hóa đơn là 30 ngày.

#### Chương IV. QUẢN LÝ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC

**1. Hoạt động thoát nước:** các hoạt động có liên quan từ khâu quy hoạch, tư vấn thiết kế, đầu tư, quản lý, vận hành và khai thác sử dụng hệ thống thoát nước và các hoạt động khác có liên quan.

**2. Dịch vụ thoát nước:** hoạt động quản lý, vận hành hệ thống thoát nước đáp ứng yêu cầu tiêu thoát nước bề mặt, nước thải của các đối tượng khác nhau có nhu cầu.

**3. Đơn vị thoát nước:** tổ chức, cá nhân cung ứng dịch vụ thoát nước.

**4. Nước thải:** nước đã qua sử dụng và xả ra nguồn tiếp nhận.

**5. Hệ thống thoát nước:** bao gồm mạng lưới cống, kênh mương, hồ điều hoà và các công trình đầu mối nhằm mục đích tiêu thoát nước bề mặt, thu gom - xử lý nước thải và các công trình phụ trợ khác.

**6. Hệ thống thoát nước bề mặt:** bao gồm các hồ tự nhiên hoặc nhân tạo tiếp nhận nước, điều hoà khả năng tiêu thoát nước cho hệ thống thoát nước.

**7. Hộ thoát nước:** bao gồm các hộ gia đình, cơ quan hành chính sự nghiệp, đơn vị sản xuất, kinh doanh dịch vụ,... xả nước vào hệ thống thoát nước.

**8. Điểm đầu nối:** các điểm xả nước thải của các hộ thoát nước vào mạng lưới thu gom nước thải của khu vực trước khi xả vào mạng lưới thoát nước chính.

#### Chương V. QUẢN LÝ HỆ THỐNG ĐIỆN

**1. Hoạt động điện lực:** hoạt động của tổ chức, cá nhân trong các lĩnh vực quy hoạch, đầu tư phát triển điện lực, phát điện, truyền tải điện, phân phối điện, điều độ hệ

thống điện, điều hành giao dịch thị trường điện lực, bán buôn điện, bán lẻ điện, tư vấn chuyên ngành điện lực và những hoạt động khác có liên quan.

**2. Đơn vị điện lực:** tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động phát điện, truyền tải điện, phân phối điện, điều độ hệ thống điện, điều hành giao dịch thị trường điện lực, bán buôn điện, bán lẻ điện, tư vấn chuyên ngành điện lực và những hoạt động khác có liên quan.

**3. Lưới điện:** hệ thống đường dây tải điện, máy biến áp và trang thiết bị phụ trợ để truyền dẫn điện. Lưới điện, theo mục đích sử dụng và quản lý vận hành, được phân biệt thành lưới điện truyền tải và lưới điện phân phối.

**4. Bán buôn điện:** hoạt động bán điện của đơn vị điện lực này cho đơn vị điện lực khác để bán lại cho bên thứ ba.

**5. Bán lẻ điện:** hoạt động bán điện của đơn vị điện lực cho khách hàng sử dụng điện.

**6. Khách hàng sử dụng điện:** tổ chức, cá nhân mua điện để sử dụng, không bán lại cho tổ chức, cá nhân khác.

**7. Khách hàng sử dụng điện lớn:** khách hàng sử dụng điện có công suất và sản lượng điện năng tiêu thụ nhiều so với quy định của Bộ Công nghiệp ban hành và phù hợp với từng thời kỳ phát triển của hệ thống điện.

**8. Biểu giá điện:** bảng kê các mức giá và khung giá điện cụ thể áp dụng cho các đối tượng mua bán điện theo các điều kiện khác nhau.

**9. Khung giá điện:** phạm vi biên độ dao động cho phép của giá điện giữa giá thấp nhất (giá sàn) và giá cao nhất (giá trần).

**10. Hệ thống điện quốc gia:** hệ thống các trang thiết bị phát điện, lưới điện và các trang thiết bị phụ trợ được liên kết với nhau và được chỉ huy thống nhất trong phạm vi cả nước.

**11. Điều tiết điện lực:** tác động của nhà nước vào các hoạt động điện lực và thị trường điện lực nhằm cung cấp điện an toàn, ổn định, chất lượng, sử dụng điện tiết kiệm, có hiệu quả và bảo đảm tính công bằng, minh bạch, đúng quy định của pháp luật.

**12. Điều độ hệ thống điện:** hoạt động chỉ huy, điều khiển quá trình phát điện, truyền tải điện, phân phối điện trong hệ thống điện quốc gia theo quy trình, quy phạm kỹ thuật và phương thức vận hành đã được xác định.

**13. Điều hành giao dịch thị trường điện lực:** hoạt động quản lý và điều phối các giao dịch mua bán điện và dịch vụ phụ trợ trên thị trường điện lực.

**14. Thiết bị đo đếm điện:** thiết bị đo công suất, điện năng, dòng điện, điện áp, tần số, hệ số công suất, bao gồm các loại công tơ, các loại đồng hồ đo điện và các thiết bị, phụ kiện kèm theo.

**15. Trộm cắp điện:** hành vi lấy điện trái phép không qua công tơ, tác động nhằm làm sai lệch chỉ số đo đếm của công tơ và các thiết bị điện khác có liên quan đến đo đếm điện, cố ý hoặc thông đồng ghi sai chỉ số công tơ và các hành vi lấy điện gian lận khác.

**16. Công trình điện lực:** tổ hợp các phương tiện, máy móc, thiết bị, kết cấu xây dựng phục vụ trực tiếp cho hoạt động phát điện, truyền tải điện, phân phối điện, điều độ hệ thống điện, mua bán điện; hệ thống bảo vệ công trình điện lực; hành lang bảo vệ an toàn lưới điện; đất sử dụng cho công trình điện lực và công trình phụ trợ khác.

**17. Sự kiện bất khả kháng:** sự kiện xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết trong khả năng cho phép.

**18. Trộm cắp điện quả tang:** hành vi lấy điện trái phép không qua công tơ, tác động nhằm làm sai lệch chỉ số đo đếm của công tơ và các thiết bị khác có liên quan đến đo đếm điện, cố ý hoặc thông đồng ghi sai chỉ số công tơ và các hành vi lấy điện gian lận khác bị phát hiện khi đang thực hiện với chứng cứ rõ ràng (hiện trường, tang vật phạm pháp).

**19. Hành vi vi phạm các quy định về mua bán điện:** những hành vi được quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 8 Nghị định số 105/2005/NĐ-CP, ngày 17 tháng 8 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Điện lực.

**20. Hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực điện lực:** những hành vi được quy định tại Nghị định số 74/2003/NĐ-CP, ngày 26 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực điện lực.

**21. Hành vi bán sai giá do cơ quan có thẩm quyền quyết định:** hành vi được quy định tại Điều 11 Nghị định số 169/2004/NĐ-CP, ngày 22 tháng 9 năm 2004 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giá.

**22. Bồi thường thiệt hại:** việc bên vi phạm bồi thường những tổn thất do hành vi vi phạm gây ra cho bên bị vi phạm. Giá trị bồi thường thiệt hại bao gồm giá trị tổn thất thực tế, trực tiếp mà bên bị vi phạm phải chịu do bên vi phạm gây ra và khoản lợi trực tiếp mà bên bị vi phạm đáng lẽ được hưởng nếu không có hành vi vi phạm. Bên yêu cầu bồi thường thiệt hại phải chứng minh tổn thất, mức độ tổn thất do hành vi vi phạm gây ra và khoản lợi trực tiếp mà bên bị vi phạm đáng lẽ được hưởng nếu không có hành vi vi phạm.

**24. Hợp đồng mua bán điện:** bao gồm hợp đồng mua bán điện phục vụ mục đích sinh hoạt, phục vụ mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và các hợp đồng mua bán điện khác.

## Chương VI. QUẢN LÝ HỆ THỐNG VIỄN THÔNG

**1. Chủ đầu tư:** các doanh nghiệp hoạt động về bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, phát thanh, truyền hình.

**2. Mạng ngoại vi viễn thông:** bộ phận của mạng lưới viễn thông chủ yếu nằm bên ngoài nhà trạm viễn, bao gồm tất cả các loại công trình cáp viễn thông, cáp phát thanh truyền hình, trụ anten, loa phát thanh và các trang thiết bị phụ trợ. Các bưu cục và thùng thư của hoạt động bưu chính.

**3. Mạng truyền thông chuyên dùng:** mạng truyền thông dùng để phục vụ thông tin đặc biệt của các cơ quan Đảng, nhà nước, phục vụ thông tin, quốc phòng, an ninh.

**4. Viễn thông:** bao gồm các hoạt động về bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin, điện tử, internet, truyền dẫn phát sóng, tần số vô tuyến điện.

## Chương VII. QUẢN LÝ HỆ THỐNG CÔNG VIÊN CÂY XANH

**1. Mảng xanh đô thị:** hệ thống cây xanh đô thị, bao gồm cây xanh sử dụng công cộng, cây xanh sử dụng hạn chế và cây xanh chuyên dụng:

- **Cây xanh sử dụng công cộng:** tất cả các loại cây xanh được trồng trên đường phố và ở khu vực thuộc sở hữu công cộng (công viên, vườn thú, vườn hoa, vườn dạo, thảm cỏ tại dải phân cách, các đài tưởng niệm, quảng trường,...);

- **Cây xanh sử dụng hạn chế:** tất cả các loại cây trong các khu nhà ở, khu dân cư, các công sở, trường học, đình chùa, bệnh viện, nghĩa trang, công nghiệp, kho tàng, biệt thự, nhà vườn của các tổ chức, đơn vị, cá nhân;

- **Cây xanh chuyên dụng:** các loại cây trong vườn ươm, cách ly, phòng hộ hoặc phục vụ nghiên cứu.

**2. Công viên:** mảng cây xanh được trồng tập trung trong một diện tích đất được xác định nhằm mục đích phục vụ công cộng. Trong công viên có thể bao gồm việc nuôi dưỡng, trưng bày một số loại động vật và có các công trình văn hóa khác.

**3. Cây cổ thụ:** cây thân gỗ lâu năm được trồng hoặc tự nhiên, có độ tuổi trên 50 năm.

**4. Cây cần được bảo tồn:** cây thuộc danh mục loại quý hiếm cần được bảo tồn để duy trì tính đa dạng sinh học, tính di truyền của chúng (nguồn gen) hoặc cây được công nhận có giá trị lịch sử văn hóa.

**5. Cây thuộc danh mục cây cấm trồng:** những cây ảnh hưởng đến hoạt động sinh trưởng và phát triển của loài sinh vật khác lân cận; sinh trưởng và phát triển khác thường

không thể kiểm soát được; có độc tố, có khả năng gây nguy hiểm và ảnh hưởng đến con người, sinh vật, môi trường, phương tiện và công trình khác,...

## **Chương VIII. QUẢN LÝ CHẤT THẢI RẮN THÔNG THƯỜNG**

**1. Chất thải rắn thông thường:** chất thải ở thể rắn được thải ra từ sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, sinh hoạt, xây dựng hoặc hoạt động khác không chứa các yếu tố độc hại, phóng xạ, dễ cháy, dễ nổ, dễ ăn mòn, dễ lây nhiễm, gây ngộ độc hoặc đặc tính nguy hại khác.

**2. Quản lý chất thải rắn thông thường:** hoạt động phân loại, thu gom, vận chuyển, giảm thiểu, tái sử dụng, tái chế, xử lý, tiêu hủy, thải loại chất thải.

**3. Chủ nguồn phát thải chất thải rắn thông thường:** các hộ gia đình, tổ chức, cá nhân hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có phát sinh chất thải.

**4. Lực lượng quản lý chất thải rắn thông thường:** tổ chức, cá nhân có đăng ký thực hiện phân loại, thu gom, vận chuyển, giảm thiểu, tái sử dụng, tái chế, xử lý, tiêu hủy chất thải rắn thông thường theo đúng các quy định hiện hành của luật pháp.

**5. Cơ quan quản lý nhà nước về giải quyết chất thải rắn thông thường tại các đô thị trên địa bàn tỉnh Phú Yên:** Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Phú Yên.

## **Chương IX. QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG NGHĨA TRANG**

**1. Nghĩa trang:** nơi tập trung chôn cất người chết, đồng thời cũng là nơi thể hiện tình cảm, sự tiếc thương đối với người đã khuất, được tổ chức theo một trật tự nhất định, có kèm theo những quy định hoặc luật lệ về tôn giáo, tín ngưỡng, phong tục tập quán.

**2. Táng:** thực hiện việc lưu giữ hài cốt hoặc thi hài của con người sau khi chết.

**3. Mai táng:** thực hiện việc lưu giữ thi hài hoặc hài cốt ở một địa điểm dưới dưới mặt đất, gồm 2 hình thức:

a) **Chôn cất một lần:** hình thức lưu giữ thi hài vĩnh viễn trong đất.

b) **Cải táng:** hình thức lưu giữ hài cốt trong tiểu sành, chôn lại trong đất lần thứ hai.

**4. Cải tạo sử dụng và mở rộng nghĩa trang:** thực hiện việc chỉnh trang, nâng cấp các công trình trong nghĩa trang nhằm đảm bảo về cảnh quan môi trường cho các nghĩa trang còn khả năng sử dụng.

**5. Đóng cửa nghĩa trang:** không cho phép thực hiện các hoạt động mai táng thi hài trong nghĩa trang mà chỉ được phép cải táng, thăm viếng và tưởng niệm.

**6. Di chuyển nghĩa trang:** việc thực hiện chuyển thi hài, hài cốt và các công trình trong nghĩa trang đến một nghĩa trang khác được xác định trong quy hoạch.

**7. Hệ thống hạ tầng kỹ thuật nghĩa trang bao gồm:** sân đường, bãi đỗ xe, cấp nước, thoát nước, thu hồi và xử lý rác, chiếu sáng, cây xanh, mặt nước, tiểu cảnh./.

**1. DANH MỤC CÂY CẮM TRỒNG TRÊN ĐƯỜNG PHỐ**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1818/2007/QĐ-UBND, ngày 25/9/2007 của UBND tỉnh Phú Yên)

Mười ba (13) loài cây sau đây cắm trồng mới trên vỉa hè đường phố: đây là những cây có độc tố, có khả năng gây nguy hiểm cho người, phương tiện và công trình

TT	Loài cây			Họ thực vật	Vị trí		Ghi chú
	Tên Việt Nam	Tên khoa học	Họ thực vật		Vỉa hè	Dãy phân cách	
1	Bả đậu	Hura crepitans L.	Myrtaceae	x	x	Thân có gai, nhánh giòn dễ gãy, mù và hạt độc	
2	Bồ kết	Gleditschia fera (Lour.) Merr.	Caesalpiniaceae	x	x	Thân có nhiều gai rất to	
3	Bò hòn	Sapindus mukorossi Gaertn.	Sapindaceae	x	x	Quả gây độc	
4	Cao su	Hevea brasiliensis (A.Juss.) Muell. Arg.	Euphorbiaceae	x	x	Nhánh giòn dễ gãy, hạt có chất độc	
5	Cô ca cánh	Erythroxylum novagrana – tense (Mirris.) Hieron	Eurythroxylaceae	x	x	Lá có chất cocaine gây nghiện	
6	Da, Sung	Ficus spp.	Moraceae	x		Các loài da có rễ phụ làm hư hại công trình và đang qua sung ảnh hưởng vệ sinh môi trường	
7	Đùng đình	Caryota mitis Lour.	Arecaceae	x		Trái có chất gây ngứa	
8	Gòn	Ceiba pentandra (L.) Gaertn.	Bombacaceae	x	x	Nhánh giòn dễ gãy, trái chín phát tán gây ô nhiễm môi trường	
9	Mã tiền	Strychnos nux vomica L.	Loganiaceae	x	x	Hạt có chất strychnine gây độc	
10	Me keo	Pithecellobim dulce (Roxb) Benth.	Mimosaceae	x	x	Thân và cành nhánh có nhiều gai	
11	Sung nam bộ, Sơn lu	Semecarpus cochinchinensis Engl.	Anacardiaceae	x	x	Nhựa cây có chất làm ngứa, lở loét da	
12	Thông liên	Thevetia peruviana (Pres) Merr.	Apocynaceae	x		Hạt, lá, vỏ cây đều có chứa chất độc	
13	Xiro	Carissa carandas L.	Apocynaceae	x	x	Thân và cành nhánh có nhiều gai	

## 2. DANH MỤC CÂY HẠN CHẾ TRỒNG TRÊN ĐƯỜNG PHỐ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1818/2007/QĐ-UBND, ngày 25/9/2007 của UBND tỉnh Phú Yên)

Mười bảy (17) loài cây sau đây hạn chế trồng trên vỉa hè và dây phân cách đường phố: đây là các loài cây ăn quả, cây tạo ra mùi gây ảnh hưởng đến sức khoẻ và môi trường; hạn chế trồng nơi công cộng, chỉ được phép trồng theo quy hoạch xây dựng đô thị, quy hoạch chuyên ngành cây xanh hoặc dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

TT	Loài cây			Vị trí		Ghi chú
	Tên Việt Nam	Tên khoa học	Họ thực vật	Vỉa hè	Dây phân cách	
1	Bạch đàn (các loại)	Eucalyptus spp	Myrtaceae	x	x	Cây cao, tán thưa, nhỏ... ít phát huy tác dụng tạo bóng mát.
2	Dừa	Cocos nucifera L.	Arecaceae	x	x	Cây có trái to có thể rụng gây nguy hiểm
3	Gáo trắng	Neolamarkia cadamba (Roxb.) Ridd.	Rubiaceae	x	x	Nhánh giòn, dễ gãy, quả mỏng rơi làm ảnh hưởng vệ sinh môi trường
4	Gáo tròn	Haldina cordifolia (Roxb.) Ridd.	Rubiaceae	x	x	Nhánh giòn, dễ gãy, quả mỏng rơi làm ảnh hưởng vệ sinh môi trường
5	Keo lá tràm	Acacia auriculaeformis A. Cunn. Ex. Benth.	Mimosaceae	x	x	Nhánh giòn, dễ gãy.
6	Keo tai tượng	Acacia mangium Willd.	Mimosaceae	x	x	Nhánh giòn, dễ gãy.
7	Keo lai	Acacia mangium x Acacia auriculaeformis	Mimosaceae	x	x	Nhánh giòn, dễ gãy.
8	Lọ nhò, Đại phong tử	Hydnocarpus anthelmintica Pierre. Ex. Laness.	Flacourtiaceae	x	x	Trái to rơi gây nguy hiểm. Hạt có chất trị bệnh phong
9	Lông mức lông	Wrightia pubescens R. Br. spp lanati (BC.) Ngan.	Apocynaceae	x	x	Nhánh giòn, dễ gãy, trái chín phát tán hạt có lông gây ô nhiễm môi trường.

TT	Loài cây			Vị trí		Ghi chú
	Tên Việt Nam	Tên khoa học	Họ thực vật	Via hè	Dây phân cách	
10	Lông mứt, Thừng mứt	<i>Wrightia annamensis</i> Eb. Et Dub.	Apocynaceae	x	x	Nhánh giòn, dễ gãy, trái chín phát tán hạt có lông gây ô nhiễm môi trường.
11	Mò cua, Sữa	<i>Alstonia scholaris</i> (L.) R. Br.	Apocynaceae	x	x	Nhánh giòn, rất dễ gãy. Hoa có mùi hắc, gây khó chịu cho người.
12	Trôm hôi	<i>Sterculia foetida</i> L.	Sterculiaceae	x	x	Quả to, hoa có mùi hôi.
13	Trúng cá	<i>Muntingia calabura</i> L.	Elaeocarpaceae	x	x	Quả khuyến khích trẻ em leo trèo, rụng làm ảnh hưởng vệ sinh đường phố.
14	Trúc đào	<i>Nerium oleander</i> L.	Apocynaceae	x	x	Thân và lá có chất độc.
15	Bàng	<i>Terminalia catappa</i> L.	Euphorbiaceae	x	x	Nhánh đâm ngang cản trở giao thông, dễ bị sâu, dễ ngã đổ.
16	Bàng nước	<i>Fagraea cranulata</i> Maingay ex. Cl.	Loganiaceae	x	x	Thân có gai.
17	Các loài cây ăn trái			x	x	Cây có trái khuyến khích trẻ em leo trèo, trái rụng gây ô nhiễm môi trường

**Ghi chú:**

- x: vị trí hạn chế trồng;
- Đã trồng cây cấm trồng ở đây phân cách phải được cắt tỉa, tạo hình.